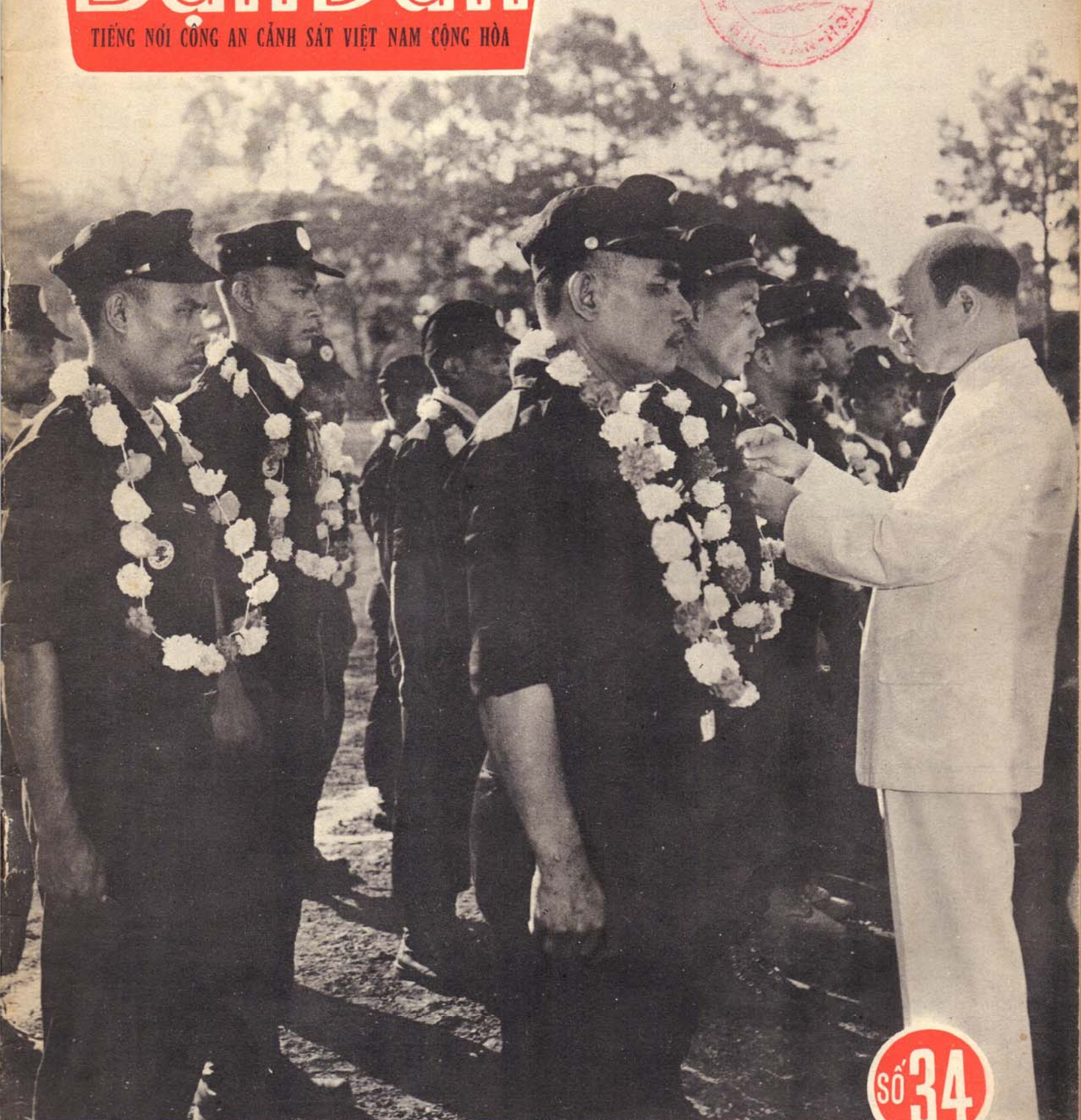


Wason
HV 7879
V5 B2+




Ban Dân

TIẾNG NÓI CÔNG AN CẢNH SÁT VIỆT NAM CỘNG HÒA



SỐ 34

Ngày 15-12-1962



Ban Dân

Tòa soạn :

241, Đại lộ Cộng Hòa — Saigon

Điện thoại : 24.822/95

Giám-đốc, Chủ-bút : NGUYỄN-VĂN-HAY

Quản-lý : Đặng-văn-Đức

*

Bìa trước :



ĐẠI-HỘI DÂN-VỆ TOÀN-QUỐC

ngày 16 - 11 - 1962.

(Ảnh : Dương - Ngọc - Chấn)

GIÁ BẢO

Một Số 10đ — Sáu tháng 60đ

Một năm 100đ.

Mọi việc giao dịch, thư từ và bài vở, liên lạc với TÒA-SOẠN BAN-DÂN
Bưu phiếu, chi phiếu, ngân phiếu, đề
tên ông Quản lý : Đặng-văn-Đức
241, Đại-lộ Cộng-Hòa — Saigon

*

Cấm trích dịch, phỏng đặng vào sách báo
ngoại quốc mà không xin phép

Cấy phép : Số 26 - BTT/NĐ ngày 17-2-60

In tại Chấn Hưng 742, Phường Bến Nghé, Quận 1, Saigon

Trong số này :

- Nguyên nhân cuộc xích mích Nga-Sô -
Trung-Cộng. BAN - DÂN
- * Để đón mừng Lễ Giáng - Sinh. L.m,P.H.
- Cuộc kháng.hoảng ở Cuba : một vấn-
đề thời-sự. Nguyễn - Việt
- * Trái Tim cứu thế (thơ). Hoàng - Long
- Đại công-đồng công-giáo Vatican II. Như-Uyên
- * Nhà chính-trị làm thơ. Trần đ. Khải
- Điều-tra về các vụ nổ thương thức. Ng. c. Chánh
- * Lên cung trăng. Nguyễn - Đại
- Lê-Ninh, gián điệp hàng hai lãnh
tiền của Đức (tiếp theo). M. V. 21
- * Thêm một hành-động bí.ôì của Nga-
Sô trong âm.mưu gián điệp. Hoàng - Long
- Gián điệp và phản bội trong thế-
chiến II (tiếp theo). N. T. H.
- * Lời thề sông Hóa. Nguyễn - Việt
- Tình hận. Đ.T. và T.S.
- * Đi tìm ba nhà bác-học nguyên-tử. Nguyễn v.Hội

Bìa sau :

CHÙA THIÊN MỤ

(Ảnh : Hoàng - Thọ)



NGUYỄN-NHÂN

CUỘC XÍCH - MÍCH NGA-SÔ — TRUNG-CỘNG

CUỘC xích - mịch Nga.Sô — Trung.Cộng bắt đầu vào dịp Hội-Nghị tối cao của Khối Cộng nhóm họp tại Mạc.Tư.Khoa ngày 5 tháng 11 năm 1960.

Có lẽ, mới đầu, Thê.giới Tự-do, vì sự dè dặt cô hữu đối với Khối Cộng, không quan tâm đến cuộc xích mịch này, cũng như những nhà quan sát chính trị quốc-tê vẫn còn nghi ngờ mưu mô thâm độc của Khối Cộng-sản, mặc dầu đã hơn một lần, thê giới đã chứng kiến sự xung đột nảy lửa giữa Staline và Tito, lãnh tụ Cộng-sản Nam.Tư. Nghi ngờ cũng có lý vì Cộng-sản là chúa của sự man trá và thủ.đoạn. Biết đâu cuộc xích mịch Nga — Hoa lại không phải là một cuộc « dàn cảnh » của hai chúa trùm Khrouchtchev và Mao.Trạch-Đông, để đánh lạc hướng và ru ngủ Tây-phương ?

Nhưng đến nay thì cuộc xích mịch Nga-sô — Trung.Cộng đã thành một sự thật hiển nhiên, có tánh cách rất trầm trọng.

Họ xích mịch nhau trên phương diện lý thuyết và chính sách.

Họ chửi nhau là « đã phản bội chủ nghĩa, phản bội đường lối cách mạng Mác.Lê ». Họ lại thông báo những lời lẽ « tỏ cáo » nhau ấy đến khắp các đảng Cộng-sản cùng phe.

Về chánh sách, phe của Trung.Cộng là các lãnh tụ Cộng-sản An.ba.ni đã mạt sát Khrouchtchev là « kẻ đầu hàng », là « kẻ run sợ trước súng đạn Mỹ » là « tên liêm giấy để quốc tư bản ». Còn Nga.sô thì hẳn học chửi lại Trung.cộng là « bọn gây chiến làm hại đến hòa bình, bọn phụ họa với chánh sách của Đê quốc tư bản ».

Tóm lại họ đã thực sự xem nhau là thù địch, kêu địch danh nhau và dùng những danh từ cộc cằn, ác độc để đá kích nhau quyết liệt. Và trên thực tế, hiện nay họ đã tiền đên giai đoạn « công khai hoạt động đả phá nhau trong nội bộ các Đảng Cộng Sản và cả ở các nước Trung-lập Á-phi ».

Vết nứt rạn trong Khối Cộng vì cuộc xích mích Nga-Hoa đã to lớn đến độ khó thể hàn gắn lại được.

Đó là một việc dĩ nhiên « phải đến », nó không làm cho chúng ta ngạc nhiên.

Nhưng, đâu là nguyên nhân của cuộc xích mích giữa những « tín đồ » Mác-Xít ?

Lẽ dĩ nhiên, ai cũng đồng ý ở cái lý do *tranh giành ảnh hưởng và quyền lãnh đạo Khối Cộng* giữa Nga-sô và Trung-Cộng. Mà nguyên nhân căn bản của cuộc *tranh giành* này chính là *vấn đề quyền lợi*.

Chính vì *vấn đề quyền lợi* mà « các đảng Cộng sản cùng tôn thờ một chủ nghĩa trở lại xấu xí, phản bội nhau ». *Vấn đề quyền lợi* đã « chia rẽ » các « đồng chí Cộng-sản » với nhau cũng như đã gây ra bao cuộc đổ máu miên-tục giữa các quốc gia, dân tộc trong suốt giòng lịch sử nhân loại. Nếu Nga-sô không « kềm kẹp » nổi Trung-Cộng, chẳng những địa vị cường quốc của Nga-sô sẽ tiêu tan mà ngay cả vận mạng của Nga-sô cũng phải nguy khốn. Ngược lại, nếu Trung-Cộng không tranh đấu ngay từ bây giờ thì số phận chư hầu của Trung Cộng sẽ bị đất khôn cùng và sớm muộn gì Trung-Cộng cũng sẽ hoàn toàn bị lệ thuộc vào Nga-sô như các nước Cộng sản chư hầu nhỏ khác.

Vì *vấn đề quyền lợi*, không một lý thuyết hay chủ nghĩa chính trị nào, dù hay ho đẹp đẽ đến đâu, mà có thể giữ được sự đoàn kết lâu dài giữa các quốc gia, dân tộc được.

Nguyên nhân sâu xa trong cuộc xích mích và tranh chấp nghiêm trọng giữa Nga-sô — Trung-Cộng hiện nay và của sự tan rã Khối Cộng-sản Quốc-tê sau này chính là *vấn đề quyền lợi* vậy.

BẠN-DÂN.

BẠN
DÂN

XUÂN QUÂN MÃO

- * Một tập báo Xuân ĐẶC-SẮC về nội dung lẫn hình thức với sự cộng-tác của nhiều văn nhân ký giả tên tuổi của Thủ-đô.
- * Bìa in Offset nhiều màu thật đẹp.
- * Một tập báo Xuân nhất định sẽ làm vừa ý bạn đọc

Đề đón mừng Lễ Giáng - Sinh

NOËL : Ngày Lễ Giáng-Sinh, một đại lễ Quốc tế mà hàng năm, cứ đến ngày 25 tháng 12 dl, hầu hết các quốc gia trên hoàn cầu, tư bản cũng như Cộng sản (mặc dù chế độ độc tài Cộng sản thường trực uy hiếp tín đồ Công giáo) đều hoan hỉ đón mừng với rất nhiều khía cạnh ý nghĩa sâu xa, và muôn ngàn cảnh sắc huy hoàng. Nhưng có biết bao người mừng lễ Giáng sinh mà hoặc quên hẳn, hoặc không hiểu gì về ý nghĩa xác thực của ngày Lễ Giáng-Sinh.

Nguồn gốc Lễ Giáng-Sinh từ đâu ?

Ý nghĩa Lễ Giáng Sinh ?

Bài học của Lễ Giáng Sinh ?

Giờ lại bộ Thánh sử Phúc Âm, chúng ta thầy chép : « Hỡi ày, Cê.Sa-Rê Au-gus.Tô ra chiều chỉ kiểm tra dân số trong khắp đế quốc. Số Kiểm tra này làm trước số đời Qui-Ri-No tổng trấn (Sy-ri.a) Ai này đều đến nguyên quán để khai tên vào sổ.

Vì Giu-Se là dòng dõi Vua Đa-Vít, nên đã từ thành Na.za-Rét thuộc xứ Ga-li-le-a lên đường về xứ Giu-đê-a đến thành nhà Đa.Vít gọi là Be-Lem, để ghi tên vào sổ, với Maria là bạn ông đang có thai. Đang khi cả hai cùng ở đó, Maria đến ngày sinh con trai đầu lòng, lấy khăn vải bọc con, và đặt nằm trong máng cỏ, vì hàng quán không có chỗ trọ.

Trong miền đó có những mục đồng thức đêm canh giữ lây bảy chiên của mình. Bỗng đứng sứ thần Chúa hiện ra đứng gần họ, và sự sáng Chúa bao phủ chung quanh, họ rất sợ hãi. Sứ thần bảo họ : các người đừng sợ, vì đây, ta báo cho các người một tin lành sẽ đem sự vui mừng

lớn cho cả dân : ngày hôm nay Đấng Cứu Thế là Chúa Ki-Tô sinh ra cho các người tại thành Vua Đa.Vít. Các người hãy nhận điều này làm dấu : các người sẽ gặp con trẻ bọc khăn, nằm trong máng cỏ. Bỗng nhiên có muôn vàn thiên binh cùng với sứ thần ca ngợi Đức Chúa trời rằng :

Vinh danh Thiên Chúa trên trời .

Bình-an dưới thế cho người thiện tâm .

Thế rồi, khi sứ thần đã rời bỏ họ mà lên trời, chúng mục đồng liền bảo nhau : chúng ta hãy sang Be-Lem, xem công việc xảy ra mà Chúa đã cho biết. Họ vội vã tới đó, liền gặp thầy bà Maria, Ông Giu-Se và Con trẻ nằm trong máng cỏ. Thầy thề, họ liền nhận có thật như lời sứ thần đã nói với họ về con trẻ đó. Và ai nghe lời chúng mục đồng cũng đều ngạc nhiên. Phần bà Maria thì ghi nhớ và suy nghĩ về những sự việc đã xảy ra. Chúng mục đồng trở về ca ngợi Đức Chúa Trời về những sự đã nghe và đã thấy như lời đã báo trước cho mình (Phúc Âm của Thánh Lucas đoạn II câu 1-18). Chỗ khác chúng ta thầy chép rằng :

« Khi Chúa Jêsu sinh ra ở Be-Lem, Xứ Giu-đê a đời vua Hê-ro-đê, bỗng có mấy bác học ở phương Đông đến Giê-ru.sa-lem nói rằng : vua dân Do Thái mới sinh đang ở đâu, vì chúng tôi trông thấy ngôi sao Ngài bên phương Đông, và chúng tôi đến bái yết Ngài ... Hay tin, vua Hê-ro-đê bối rối và cả thành Giê-Ru-Sa-Lem (xôn xao.)

Vua bèn triệu tập tất cả các trưởng tế,, các luật sĩ trong dân mà hỏi họ Đấng Ki.Tô sinh ra

ở đâu. Họ tâu rằng : ở Be-Lem xứ Giu-đê.a, vì có lời tiên tri chép thế này :

Phần người hỡi Be-Lem đất Giu-đê.a ! người không phải rớt hết trong các thị trấn đất Giu-đê vì bởi người sẽ xuất hiện ra một vị Trần Thủ để chăn nuôi dân Is-ra-el của Ta.

Bây giờ Hê-ro-đê ngấm triệu các bác học đến hỏi han cặn kẽ về thời giờ ngôi sao đã hiện ra với các ông. Rồi cho đi Be-Lem mà dặn : « Các ông cứ đi dò hỏi cho kỹ về Hải Nhi đó, và khi tìm được rồi, hãy tin cho trầm cùng đi bái yết Ngài.

Được lời vua ban rồi, các ông ra đi và bỗng nhiên ngôi sao đã thấy bên phương Đông lại hiện ra dẫn đường cho các ông cho đến nơi Con Trẻ ở mới dừng lại ở trên. Thấy sao, các ông mừng rỡ lắm. Vào trong nhà gặp Con Trẻ và Bà Maria mẹ Ngài, các ông quỳ xuống lạy. Rồi giờ bảo vật ra dâng tiền Ngài những đồ lễ vật là : vàng, nhũ hương và mộc dược.

Sau đó, trong khi ngủ, được lời bảo đừng trở lại với Hê-ro-đê nữa, các ông đã tìm lối khác trở về bản hương (Phúc-Âm của Thánh Mathêu đoạn II câu 1.12)

Đọc qua mấy hàng sử trên đây, người ta không khỏi ngạc nhiên, vì công cuộc « THIÊN CHÚA GIÁNG TRẦN CỨU. TỘI NHÂN LOẠI » là một công trình quan trọng và vĩ đại hơn cả việc sáng tạo nên trời đất, thế mà công cuộc đó lại được diễn ra trong khung cảnh hết sức đơn sơ tầm thường, cho đến cả lịch sử công cuộc đó cũng chỉ ghi chép lại một cách tuy rõ ràng nhưng quá vắn tắt.

Nhưng suy cho kỹ, mới thấy ý Thiên Chúa sâu xa vì : Cứu tức là Chữa, mà Chữa tức là làm ngược hẳn lại, như : bệnh thì Chữa cho khỏi, cong queo thì Chữa cho ngay thẳng. Địa vị cao sang thường làm cho người ta sinh ra kiêu ngạo và quên mình, quên đồng loại, có khi quên cả Thiên Chúa. Để sửa chữa thứ tội kiêu ngạo và quên này, Chúa Cứu Thế Giáng Trần đã tự chọn một địa vị ngược hẳn lại : sinh ra là một hài nhi yếu đuối, chọn một thôn nữ tầm thường làm mẹ, một người thợ mộc nghèo khổ làm dưỡng phụ. Tiền bạc của cải ở đời đã là nguyên nhân cho biết bao thứ tai nạn tội lỗi : Kiêu sa, dâm dật, lường gạt, phản bội. Để sửa chữa thứ tội tham lam và đắm mê xác thịt này, Chúa Giáng Trần đã tự chọn con đường bán hàn

cùng cực : sinh ra giữa đêm đông lạnh giá, chuồng bò là nhà, máng cỏ là giường.

Những người được hưởng nhan thánh Chúa Hải.Nhi, không kể cha mẹ Ngài, thì là bọn mục đồng chăn chiên, một chàng lao công cùng túng, nhưng đơn sơ tốt lành nhất thời bấy giờ. Còn biết bao ngụ ý cao xa chung quanh việc Chúa Cứu Thế giáng sinh, nhưng phạm vi một bài báo không cho phép nói cho hết được.

Trải qua 1962 năm, công cuộc Giáng sinh Cứu thế vẫn hằng được ghi nhớ và diễn lại một cách rất long trọng huy hoàng bằng một đại lễ, gọi là Lễ Giáng Sinh (NOËL).

Ngày đó, trong tất cả các nhà thờ và tư gia công giáo, đều thấy một hang đá có hình tượng Chúa Hải Nhi nằm trên đồng cỏ, có hình tượng Đức Bà Maria và thánh Giuse quỳ cháu hai bên, lại có tượng hình những mục đồng đem theo chiên lừa đèn viêng thờ Chúa Hải-Nhi, có tượng hình ba nhà bác học Đông phương (người công giáo thường gọi là ba vua) đèn dâng lễ vật cho Chúa Cứu Thế Giáng Trần, trên hang đá còn treo một ngôi sao chổi, và khắp nơi thấy treo không biết bao nhiêu là đèn ông sao với đủ mọi thứ màu sắc, mọi thứ hình kiểu người ta có thể chế nghĩ ra được.

Đáng chú ý hơn hết là mỗi một hang đá đều thấy có tấm băng hoặc bằng La ngữ :

Gloria in excelsis Deo

Et in terra pax hominibus bonae voluntatis.

Hoặc bằng Pháp ngữ :

Gloire à Dieu au plus haut des cieux. Et sur terre paix pour les hommes de bonne volonté.

Những câu đó đều có ý nghĩa như đã thấy ở trên :

Vinh danh Thiên Chúa Trên Trời

Bình an dưới thế cho người thiện tâm

Người Công giáo kỷ niệm lễ Giáng Sinh với muôn mỗi kỳ vọng ở cuộc sống bình-an Chúa Cứu Thế giáng trần đã ban, đang ban và sẽ ban cho trong chồn dương phạm trâm luân đàu bề, hy vọng ở hạnh phúc vĩnh viễn mai sau Thiên Chúa ban cho những người thiện tâm. Nhưng cuộc bình an nơi trần thế và hạnh phúc vĩnh viễn mai sau, đâu phải Thiên Chúa chỉ dành riêng cho Công-giáo ? Vì lời Thiên sử đã ban ra từ 1962 năm nay :

Bình an dưới thế cho người thiện tâm, thì bất cứ ai có thiện tâm, đều được hưởng sự bình an đó. Ánh thái dương chiếu giải trên muôn loài từ chỗ cao xa chót vót đến nơi sừng thấp sinh lầy, từ kẻ cao sang quyền quý tốt bụng đến hạng cùng đinh nghèo khổ, ai ra đón ánh thái dương, đều sẵn sàng được chiếu giải. Cuộc sống bình an Chúa tạo ban cho loài người cũng thế, miễn sao người ta có được cái « thiện tâm » là đủ. « Vòng đồng cứu chuộc » đã chiếu tỏa ánh sáng huy hoàng, « Đàng Cứu Thế thiên hạ đợi trông » đã đến, ai có thiện tâm đón Ngài, sẽ lĩnh nhận được sự bình an thư thái trong tâm hồn, và sẽ được hưởng hạnh phúc muôn thuở đời sau.

Ngày Lễ Giáng Sinh, đó là ngày lịch sử trọng đại, khai mạc một kỷ nguyên mới. Chúng ta hãy nghe lời Thánh Ca.

« Hỡi trời ! hãy hoan ca

Hỡi đất ! hãy nhảy mừng

Vì hôm nay Đấng cứu thế đã sinh ra.

Loài người ! hãy vui lên

Các cửa ! hãy mở ra.

Để vua vinh quang ngự qua. »

Nguồn sông đã đến với chúng ta, đến để hủy diệt mọi lo sợ, mọi áp bức, mọi đau khổ chết chóc, đến để ban hoan lạc cho chúng ta.

Chiến tranh trên thế giới hoặc toàn diện ở từng địa phương, khốc liệt nhất là từ năm 1939 trở về đây, vẫn luôn tiếp diễn gây ra bao cảnh chết chóc thảm thê, bao cảnh chia ly đau khổ, và biết bao cảnh cùng khổ đón đau, ngày nay, chiến tranh nguyên tử có thể bùng nổ bất kỳ giờ phút nào, càng làm cho nhân loại đêm ngày như đứng trên đồng than hồng, trên vạc dầu sôi, thêm vào đó còn có những thử chiến tranh đói, chiến tranh áp bức, càng làm cho loài người sống trong khắc khoải lo âu. Ngay tại các nước văn minh trên thế giới, tiện nghi vật chất dồi dào và khoa học tân tiến không những không đem lại hoan lạc bằng an cho tâm hồn họ, mà viễn tượng những sự tàn phá khủng khiếp của chiến tranh nguyên tử còn làm cho nhiều người phát điên cuồng vì lo sợ. Đền như ở các nước chậm tiến, thì sự lo sợ bị tận diệt vì chiến tranh nguyên tử đã đêm ngày làm rối loạn tâm trí mọi người lại thêm những cảnh cơ cực bần hàn, những sự chà đạp nhân vị con người một cách trắng trợn

đã man, càng làm cho người ta dễ quên địa vị mình có còn phải là người nữa hay không? Nhất là ở những nước dưới quyền thống trị của Cộng-sản, con người đã hầu như bị biến thành một cục gỗ tròn, một cái máy vô tri, mặc dầu trong khi đó, họ còn muốn sung sướng, muốn vui, muốn hưởng một đời sống bình an thư thái, thích hợp với địa vị con người « linh ư vạn vật ».

Loài người không còn tin ở sức vạn năng của nguyên tử dưới danh hiệu « phụng sự hòa bình » nữa. Sự thật hiển nhiên đã bắt buộc họ phủ nhận cái danh hiệu man trá kia. Loài người không dám hy vọng nhiều vào tình tương thân tương ái hữu danh vô thực được nữa. Cuộc sống ích kỷ của đồng loại chỉ đem lại cho họ những nỗi thất vọng cùng những sự đau buồn vô phương an ủi. Người ta đang chơi vui giữa biển trầm luân, khao khát một sự giải thoát cho tâm hồn và xác thể .

Người ta ngóng trong một vị cứu tinh đến, đem lại hòa bình hoan lạc cho .

Thì đây, vị cứu tinh ấy đã đến, đến từ 1962 năm nay, vị cứu tinh đó là Đức Chúa Jêsu Cứu Thế, đã Giáng trần với mục đích duy nhất là cứu tội loài người. Chính Chúa Jêsu đã phán :

« Ta xuống trần để đem lại sự bình an cho chúng con »

Chúa phán thêm :

« Ta là đường ngay chính !

Ta là chân lý muôn đời !

Ta là sự sống vĩnh cửu !

Ai theo ta, sẽ chẳng đi vào con đường lầm lạc tội tằm ! »

Ước mong những lời phán bắt hủ đó vang lên khắp bãi sa mạc trần thế, vang lên trong tâm hồn những người trong cảnh huờng ẽ chế đau khổ. Những lời đó còn vang lên, thì chiến tranh nguyên tử không thể xảy ra, loài người không bị tiêu diệt. Những lời đó còn vang lên, thì ngọn lửa « Bác ái » còn có cơ bùng cháy để nung nấu tâm hồn toàn thể loài người trong cùng một lửa « Yêu » : Yêu mình, yêu người. Loài người khi ấy sẽ đồng thanh vang lên bài ca bắt hủ .

VINH DANH THIÊN CHÚA TRÊN TRỜI
BÌNH AN DƯỚI THẾ CHO NGƯỜI THIỆN
TÂM .

L.m.P.H.

TÌNH trạng hiện nay của Cuba là một sự khiêu khích đối với Tây bán-cầu và hệ thống các nước Châu-Mỹ, một sự khiêu khích trầm trọng, cấp tốc có thể gây nên cuộc thế chiến thứ 3 mà không ai ngờ trước hậu quả.

Cuộc khiêu khích này không phải do cuộc cách mạng của Castro đã thành công. Trái lại cả Tây bán cầu và nhiều nước Châu Mỹ La-Tinh lấy làm thỏa mãn mà thấy chế độ độc tài áp bức của Batista bị lật đổ và tiêu diệt. Lúc đầu, hầu hết các nước Mỹ Châu đều có thiện cảm với cuộc cách mạng của Castro cũng như với chế độ mới. Họ chào mừng chế độ Castro với tất cả sự hứa hẹn mang lại tự do chính trị, công bình xã hội cho dân chúng Cuba. Cuộc khiêu khích này chính là

thành khí cụ có thể làm tan rã hệ thống các nước Mỹ và là « con ngựa của thành Troie » như người ta thường ví.

Chính phủ Hoa-Kỳ từ thái độ có thiện cảm đi dần dần đến thái độ chống đối thụ động và sau khi suy nghĩ đã nhìn nhận chế độ Castro là một nguy cơ rõ rệt cho tất cả các cuộc cách mạng thật sự sau này cho châu Mỹ và tất cả hy vọng đạt được tự do chính trị, phát triển kinh-tế và tiến bộ xã-hội cho các nền Cộng-Hòa châu Mỹ có thể tiêu tan. Hệ thống các nước châu Mỹ do Hoà-Kỳ dẫn đạo có thể tan rã.

VÀI NÉT LỊCH SỬ, ĐỊA DƯ

Cuba là một hòn đảo dài và lớn nhất nằm trong vùng biển Antilles hay Caraïbes) phía Nam Hoa-Kỳ cách

CUỘC KHỦNG - HOẢNG Ở CUBA : MỘT VẤN-ĐỀ THỜI-SỰ

★ Bài của NGUYỄN - VIỆT

do chế độ cách mạng của Castro đã phản lại lời hứa, phản lại cuộc cách mạng của chính Castro đề xướng, cuộc cách mạng mà Castro, sau khi thành công, đã mang bán rẽ cho nhiều nước ngoài Tây bán-cầu không thuộc hệ thống Châu Mỹ để các nước này dùng Cuba vào một mục đích xâm lược rõ rệt. Các nước này thuộc khối Cộng-sản do Nga dẫn đầu. Hy vọng tự do dân chủ, công bình xã hội của dân chúng Cuba tan rã theo mây khói và chế độ Castro lại tỏ ra tàn khốc gấp bội chế độ Batista.

Chế độ của Castro đã dọn đường cho khối Cộng-sản xâm nhập Tây bán cầu và Cuba đã trở thành một đầu cầu, một căn cứ dùng vào mục đích này. Nó đã trở

mỏm Florides của nước này độ 200 cây số. Với một diện tích 42.857 dặm vuông và một dân số gần 6 triệu người, Cuba trước năm 1898 là một thuộc địa của Tây-Ban-Nha. Sau trận chiến tranh giữa Hoa-Kỳ và Tây-Ban-Nha từ năm 1895 đến 1898, Cuba trở thành đất Mỹ. Hoa-Kỳ chiếm đóng Cuba đến năm 1902 giao trả độc lập lại cho xứ này, chỉ giữ lại một địa điểm ở vịnh Guantanamo gồm 45 dặm vuông mà hiện nay là một trong số các căn cứ của Hải-quân Hoa-Kỳ. Hải cảng này Hoa-Kỳ đã mượn của Cuba với giá mỗi năm là 3386 Mỹ kim. Hoa-Kỳ đã chiến đấu với Tây-Ban-Nha để giải thoát cho Cuba khỏi ách thống trị của ngoại bang. Thủ-đô là La Havane, Cuba có nhiều

thành phố như Matanzas, Pinar Del Rio, Cienfuegos, Camagüey, Santa Clara Holguin và Santiago de Cuba. Cũng như phần nhiều các nước Trung-Mỹ, Cuba là một Quốc-gia chậm tiến, không kỹ nghệ, nguồn lợi chính trong nước là mía để làm đường, thuốc lá và gỗ quý, tóm lại là một nước còn trong thời kỳ nông nghiệp.

SỰ PHẢN BỘI CÁCH MẠNG CỦA CASTRO

Chế độ Batista đã gây ra sự phản ứng của dân chúng Cuba. Các nhà cầm quyền của chính quyền Batista tham lam, thối nát, nạn hối lộ và lạm dụng của công hoành hành trong nước. Cảnh sát thì dã man, tàn nhẫn, chính phủ lại thờ ơ trước sự chậm tiến, thiếu thốn vật



Fidel Castro và các đồng chí trong chiến khu Sierra Meastra trước ngày cướp chính quyền.

chất của dân chúng. Hầu hết các nhu cầu : học hành, y-tế, nhà cửa, công bình xã-hội, phân chia đồng đều lợi tức quốc-gia, ngàn ấy nhu cầu của dân chúng không được thỏa mãn thì tránh sao được một cuộc cách mạng ?

Vì vậy mà từ Sierra Meastra, một vùng rừng núi hiểm trở, Fidel Castro Ruz kêu gọi dân chúng Cuba nổi lên làm cách mạng lật đổ chế độ Batista ; dân chúng Cuba vô cùng hy vọng, lớp tích cực, lớp tiêu cực ủng hộ Castro, cũng như dân chúng của Tây-bán-cầu theo dõi một cách say sưa chiến thắng của dân quân cách mạng. Cuộc cách mạng của Castro nếu không nhờ đa số dân chúng Cuba đồng tâm ủng hộ và áp dụng chiến thuật du kích thì không chắc đã thành công. Hàng triệu dân

chúng trong vùng cai trị của chế độ Batista đã chống đối chế độ này, chính sự chống đối này gây cho quân đội Batista mất tinh thần chiến đấu, một quân đội hùng mạnh gặp bội lực lượng dân quân cách mạng. Dân chúng đã đáp lời kêu gọi của Fidel Castro, lời kêu gọi vô cùng thông thiết và cảm động trong đó Castro đã trình bày chương trình, mục đích đúng với nguyện vọng của toàn dân. Từ năm 1953, Fidel Castro đã hứa hẹn áp dụng Hiến pháp năm 1940, một Hiến pháp được xem như luật lệ tối thượng của xứ sở, Castro còn hứa hẹn đảm bảo tuyệt đối tự do ngôn luận, tự do chính trị do hiến pháp quy định, một chính phủ lâm thời tổ chức trong vòng một năm các cuộc bầu cử hoàn toàn tự do và dân chủ. Tóm lại, Castro hứa thực hiện một Cuba tự do, dân chủ, một chính quyền cố gắng đảm bảo sự công bình xã-hội và kinh tế. Chính vì muốn đạt được mục đích này mà dân quân cách mạng đã chiến đấu cam khổ, và dân chúng Cuba mới hợp tác lật đổ Batista, các phần tử cách mạng cũng đều ủng hộ phong trào 26 tháng 7. Và cũng vì ai nấy đều tin vào sự thành thật của ý định Castro nên một tuần sau khi nắm được chính quyền, ngày 1 tháng giêng năm 1959, chính phủ Castro được thiện cảm của các chính phủ Cộng Hòa Mỹ Châu, kể luôn cả Hoa Kỳ.

Trong một thời gian, chế độ Castro hình như cố gắng thực hiện các lời hứa hẹn, nhất là các sự hứa hẹn có tính cách xã-hội. Các chương trình được phác qua trong các tháng đầu của chế độ nhằm việc cất trường học, xây bệnh viện, nhà ở, cải cách điền địa, mở hết các bãi biển cho dân chúng tự do đến nghỉ mát, bãi trừ thối nát, hối lộ trong chính quyền, tất cả là một chương trình, kế hoạch vĩ đại. Không một chính phủ nào trên thế giới dám phủ nhận một chương trình như thế.

Nhưng riêng về các mục tiêu chính trị được hứa hẹn và trình bày nhiều lượt trong thời kỳ cách mạng, chế độ Castro lại tỏ ra luôn luôn phản lại các lời hứa. Các cuộc cải cách xã-hội của Castro lại cũng thối nát và trở thành dụng cụ, không phải để giải thoát dân chúng, mà lại để nô lệ hóa họ.

Dân quân cách mạng khao khát tự do dần dần bị giải tán và được thay thế bằng các lực lượng Cảnh bị quốc gia, dụng cụ quân sự chính của chế độ. Phong trào 26 tháng 7 cũng không được nhắc đến và được đảng Cộng-sản Cuba, đảng Partido Socialista Popular, thay thế. Cộng sản đã trở thành lực lượng chính trị nòng cốt của chế độ. Cuộc cách mạng của Castro trở thành lịch sử của giặc ngộ, của đàn áp dã man, của tù đầy, của xử tử nhiều người đàn ông có, đàn bà có ; những

người đã ủng hộ triệt để Castro trước đây, nhưng người từng tranh đấu cạnh Castro, nhưng bị thanh trừng chỉ vì mắc phải tội kêu gọi và tranh đấu để bắt buộc chế độ giữ lời hứa.

Trong số này có Jose Miro Cardona, một trạng sư danh tiếng của thủ đô La Havane, một trong số lãnh tụ sáng lập đảng Freute Civico Revolucionario (Mặt trận cách mạng dân tộc) năm 1958 chống chính quyền Batista, sau ngày được cử Thủ-Tướng của chính quyền cách mạng Castro. Nhưng vì nhận thấy Castro có xu hướng Cộng-sản càng ngày càng rõ rệt mà Miro Cardona phải lưu vong và hiện nay giữ chức chủ tịch Ủy ban Cách mạng của những người Cuba chống Batista và Castro, để cứu vãn cuộc cách mạng.

Một người khác là Manuel Urrutia Y Lleo, một thẩm phán tên tuổi tại La Havane đã từng chống Batista và ủng hộ Castro, đã kêu gọi dân chúng Cuba vô trang chống chế độ phản dân chủ của Batista. Ông là một trong số các anh hùng của cuộc cách mạng và đã từng giữ chức chủ tịch lâm thời của chính phủ cách mạng. Nhưng hiện nay vì xu hướng Cộng-sản của mình, Castro đành buộc ông từ chức và giam lỏng ông tại La Havane. Một số lớn các lãnh tụ cách mạng từng chiến đấu với Castro, quân sự có, chính trị có, đã lưu vong hoặc bị bắt vì đã tỏ ra chống xu hướng Cộng-sản của Castro. Trong số 19 nhân vật trong nội các đầu tiên của chính phủ cách mạng, hai phần ba đã lâm vào tình cảnh này và đứng vào phe đối lập chống Castro : Manuel Ray Rivero, người tổ chức phong trào bí mật chống Batista tại La Havane và đã từng là Bộ-trưởng Công-chánh của Castro ; Humberto Sou Martin đã kêu gọi một chương trình cải cách điền địa theo tinh thần Hiến pháp 1940 và đã từng là Bộ-Trưởng Canh-nông của chính quyền cách mạng... Những người từng chiến đấu cạnh Castro trong rừng núi nay trở thành nạn nhân đang bị chính quyền Castro theo đuổi, bắt bớ. Thieu-tá Huber Matos Benitez chỉ huy quân sự tỉnh Camaguey là một vị anh hùng của chiến khu Sierra Maestra, đã từng phản đối xu hướng Cộng sản của Castro và cuối cùng vì không kết quả ông đã từ bỏ quân đội. Hiện nay ông đã bị tố cáo là âm mưu lật đổ và phản chính phủ và bị kết án hai mươi năm tù. Người ta còn kể các tên sau đây : Manuel Artime, Nino Dias, Justo Carrillo, Raul Chibas, Jelipe Pazos (người được Castro đề cử giữ chức chủ-tịch Ngân hàng quốc gia Cuba), Thieu-tá Pedro Diaz Lanz, chỉ huy trưởng không quân Cuba và là phi công riêng của Castro...

Trường hợp điển hình của viên lãnh tụ

nghiệp đoàn David Salvador cho ta thấy rõ hơn sự phân bội của Castro. David Salvador đã từng bị Batista bắt giam vì đã tranh đấu ủng hộ Castro. Sau khi cách mạng thành công, Salvador trở thành một đồng chí của Castro và được cử giữ chức Tổng thư ký của Liên hiệp Nghiệp-đoàn Cuba. Tháng 11 năm 1959, Phong trào 26 tháng 7 sau kỳ đại hội nghiệp đoàn đã đạt được thắng lợi lớn, trong lúc các đảng viên Cộng-sản Cuba thất bại nặng nề, và Salvador vẫn được giữ chức tổng thư ký. Nhưng Castro lại đích thân dự đại hội và yêu cầu đại hội chấp nhận chương trình thống nhất nghiệp đoàn của Cộng-sản, Salvador quyết định tiếp tục tranh đấu để các tổ chức nghiệp đoàn vẫn được tự do. Một năm sau Salvador bị bắt trong lúc ông ta sắp trốn ra nước ngoài và hiện nay thay vì bị tù của chế độ Batista, ông bị chính chế độ mà ông đã ủng hộ (chế độ Castro) cầm tù ông.

Về phương diện tự do ngôn luận, tất cả các ký giả, đã từng tranh đấu bằng ngòi bút để được tự do phát biểu tư tưởng, nhìn nhận một cách chua chát rằng tự do dưới chế độ Castro còn kém hơn chế độ Batista nữa, Miguel Augel Quevedo, chủ bút tờ Bohemia, đã từng công khai chỉ trích, chống đối Batista và bênh vực Castro. Số báo tháng giêng năm 1959 đã hoan nghênh chế độ mới và bán gần một triệu số, nhưng một năm sau, Quevedo phải nhìn nhận không thể nào xuất bản được tờ báo lương thiện và đứng đấn ở Cuba. Cho đến khi Quevedo trốn thoát được khỏi Cuba hồi tháng 7 năm 1960, Castro đã phải tuyên bố : « đó là một sự thất bại nặng nề nhất của

*Tiếp xúc và ngã theo Cộng-sản ?
Fidel Castro và Krustchev tại L.H.Q.*



cuộc cách mạng ». Hiện nay từ Bohemia « tự do » được xuất bản ở Caracas xứ Venezuela. Luis Conte Agnero, bình luận cho đài vô tuyến truyền hình Cuba đã từng ca ngợi cuộc cách mạng nhưng sau này đã cả gan chỉ trích sự xâm nhập của Cộng-sản vào chính quyền Castao đã phải lưu vong sau khi trốn thoát vào Tòa Đại-Sứ của Cộng Hòa Á-Căn-Đinh. Còn José Pardo Llada cũng là phát ngôn viên của đài phát thanh Cuba, đã từng được biết đến với những lời lẽ công kích Hoa Kỳ mà hàng ngày anh phóng ra trên luồng sóng điện ở La Hanvane, hiện nay cũng phải chạy trốn sang Mĩ-Tây-Cơ. Tại đây, anh tuyên bố : « Tôi dứt tình với chế độ Castro và tôi chắc chắn không thể nào có một đường lối thỏa thuận với Đảng Xã-hội Bình-dân hay là đảng Cộng-sản Cuba (Parti do Socialista Popular), và tất cả ý kiến độc lập dù để bên vực cho chương trình xã-hội của cuộc cách mạng cũng bị xem như đi sai với đường lối, một hành động phản cách mạng gây chia rẽ.

Trong lịch sử thế giới chưa từng thấy một cuộc cách mạng nào đã tiêu diệt những người chủ-xướng ra nó một cách nhanh chóng đến thế. Quân đội đã nổi lên ủng hộ Castro và phong trào 26 tháng 7 là những tổ chức phản ảnh ý muốn tha thiết của dân chúng Cuba, ý muốn dân chủ được thánh hóa bằng các thiết hại-hy sinh vô bờ bến cho cuộc cách mạng. Nhưng khi mà Fidel Castro quyết định phản lại nó, thì ông không có cách gì khác hơn là phải tiêu diệt những người đã muốn xem mục đích cuộc cách mạng là tối hậu.



CHÍNH SÁCH THÂN CỘNG CỦA FIDEL CASTRO.

Muốn hiểu tại sao cuộc cách mạng của Fidel Castro chuyển sang xu hướng Cộng-sản sau khi đã thành công, chúng ta cần tìm hiểu chút ít lịch sử của đảng Cộng-sản Cuba, đảng duy nhất hiện đang hoạt động tại nước này. Bây giờ thì các đảng viên Cộng-sản hay những kẻ thân Cộng đang cầm đầu Chính phủ Cuba, đang chỉ huy các Ủy-ban Kế hoạch kinh-tế, lực lượng thợ thuyền, các tổ chức giáo dục và hầu hết cơ quan chính quyền.

Đảng Cộng-sản Cuba có một lịch sử dài và phức tạp. Có một thời gian, trong nhiều năm, đảng Cộng-sản Cuba đã thỏa thuận trên phương diện thực tế với chính quyền Batista : năm 1943, Batista đã chỉ định một



Che Guevara

đảng viên Cộng-sản vào nội các của ông và đó là lần đầu tiên một đảng viên Cộng sản chiếm một địa vị quan trọng trong một chính phủ Cộng-Hòa Mỹ Châu. Nhưng một thời gian sau, Batista lại xung đột với đảng Cộng sản Cuba và đảng viên Cộng sản bộ-trưởng bị loại ra khỏi chính quyền. Lúc đầu đảng Cộng sản Cuba không nhận định được thế lực của Castro và lúc Castro thành lập chiến khu chống chính quyền Batista, bọn Cộng-sản đã cho Castro là một tên « trưởng giả » và « âm mưu ». Nhưng đến khi bọn chúng nhận thấy cuộc tranh đấu của Castro có mọi thắng thế và được dân chúng Cuba ủng hộ, bọn Cộng-sản mới nhảy vào xí phần và đoạt lần quyền chỉ đạo.

Phong trào Castro chóng quên lối làm của bọn Cộng-sản đã chống đối họ lúc ban đầu cũng như đã hợp tác cùng chính quyền Batista. Em của Fidel Castro, thiếu tá Raoul Castro là người đã từng tham gia các hoạt động của Cộng-sản Quốc-tế lúc còn là sinh viên và đã từng viếng các nước Cộng Thiếu-tá Ernesto (Che) Guevara, người có nhiều ảnh hưởng đối với Fidel Castro, cũng là một tay cách mạng nhà nghề ở Á-Căn-Đinh, và đã từng làm việc với bọn Cộng-sản ở các nước Guatamala và Mĩ-Tây Cơ. Chính vì sự trung gian của Raoul Castro và Che Guevara mà đảng Cộng Cuba đã dần dần xỏ mũi được Fidel Castro-mặc dù họ không dẫn đạo được Phong trào 26 tháng 7 hay số quân đội đã theo Castro. Đảng Cộng Cuba không

những đã đề nghị được một chương trình cách mạng mà còn thành lập được một tổ chức mạnh mẽ đủ sức áp dụng chương trình ấy nhằm biến Cuba thành một nước Cộng-sản, đầu cầu xâm lược Tây bán cầu.

Ảnh hưởng của đảng Cộng-sản Cuba càng ngày càng mạnh trong chế độ của Castro. Osvaldo Dorticos Torrado, đương kiêm thủ-tướng của Cuba, trước vẫn là thư ký địa phương của Cộng-đảng ở Cienfuegos, nơi mà ông đã học luật; Anibal Escalante, tổng thư ký Cộng đảng Cuba là người đã nghĩ ra chính sách của Cuba dưới quyền dẫn đạo của Raoul Castro hiện nay là Bộ-trưởng Quân lực cách mạng của chính phủ, trong lúc bạn của ông là Ramiro Valdes Menendez đã từng cùng ông đi viếng các nước Cộng sản năm 1960, giữ chức Giám-đốc cơ quan tình báo quân sự. Riêng Che Guevara với tư cách Bộ-trưởng kỹ-nghệ, có nhiệm vụ hoạch định kinh-tế. Viện quốc gia cải cách điền địa là một cơ quan có nhiều quyền hành rộng rãi định đoạt đời sống dân quê ở Cuba cũng do Antonio Nunez Jisnenez, một đảng viên Cộng-sản đã từng sang viếng nhiều nước sau bức màn sắt, điều khiển. Về phương diện lý tài, Ngân hàng ngoại thương kiểm soát mọi việc Xuất nhập cảng của nền kinh-tế Cuba thì do Jacinto Torras (một đảng viên kỳ cựu Cộng-sản đã từng giữ mục kinh-tế của tờ báo hàng ngày Noticias de Hoy, một tờ báo Cộng-sản) đảm nhiệm chức giám đốc.

Về phương diện chính trị, ngoài đảng Cộng-sản Cuba và Partido Sociylista Popular, kỳ dư tất cả các đảng phái khác mặc dù đã từng ủng hộ Castro trong việc lật đổ Batista, vẫn không có quyền hoạt động do đó mà không có thể đối lập trong nước. Vài tháng trước đây, tiếp tục chính sách thanh trừng quyền tư pháp, chế độ Castro dần dần kiểm soát hết tất cả các cơ chế chính trị. Quyền tư-pháp trở thành dụng cụ đàn áp của chính quyền, tất cả mọi phản đối hay bất đồng ý kiến với chính phủ được xem như « phản cách mạng » và bị đưa ra tòa án quân sự trừng trị.

Các tổ chức nghiệp đoàn không còn tính cách độc-lập của nó nữa mà phải được xếp vào « kỷ luật cách mạng », các lãnh tụ nghiệp đoàn đối lập biến mất. Theo đúng truyền thống Cộng-sản, chế độ Castro kiểm soát luôn cả hệ thống giáo dục quốc gia, đưa việc tuyên truyền chính trị vào các trường học để nhồi sọ học sinh, tiêu hủy tính cách độc lập của nền đại học. Giám đốc các trường tiểu học là một nữ đảng viên Cộng-sản tên Dulce Maria Escalona Almeida; nền trung học được giao cho Pedro Canas Abril, một người, đã từng tham gia hoạt động các tổ chức thân Cộng. Castro cũng cho thành lập một Ủy-ban tư-thư soạn thảo lại tất cả sách vở giáo dục

cộng cộng. Hiện nay, hai phần ba giáo sư của đại học đường La Havane đã lưu vong.

Một ký giả Hoa-Kỳ, ông I.F. Stone đã từng lên tiếng ủng hộ chế độ Castro, nay đã phải tuyên bố sau một cuộc thăm viếng Cuba: « lần đầu tiên, khi tiếp xúc với các nhà trí thức của Fidel Castro, tôi có cảm tưởng là Cuba sắp trở thành một nước dân chủ bình dân kiểu Sô-viét » Tóm lại Fidel Castro đã cho các nước Tây bán-cầu một kinh nghiệm mới, kinh nghiệm của một chế độ độc tài tân tiến và khoa học.

Các nước Cộng-Hòa Châu Mỹ đã từng kêu gọi báo nguy về sự xâm nhập Cộng sản vào Tây bán-cầu do Castro làm trung gian và đã từng quyết định các biện pháp đối phó như Hội nghị Punta del Este, Hội nghị San José giữa các ngoại-trưởng Cộng hòa Châu Mỹ ở Costa-Rica. Họ đã từng tố cáo sự can thiệp của Cộng-sản quốc tế vào Tây bán cầu. Để đối phó lại Castro đã họp cái mà hắn gọi là « Hội nghị quốc gia của dân chúng Cuba » ngày 2 tháng 9 năm 1960 và tuyên bố phủ nhận các quyết định và quan-điểm của Hội nghị San José, tố cáo lại các chính phủ Cộng-hòa Mỹ châu là không đại diện được cho các dân tộc họ. Castro còn thêm rằng Cuba sẽ củng cố thêm nữa các mối liên lạc với khối Sô-Viét.

Các mối liên lạc mật thiết của chế độ Castro với khối Sô Việt không những dựa trên vấn đề quyền lợi mà nó lại có cả một nền tảng cứu cánh lý tưởng. Trong bài diễn văn đọc trước 4 giờ đồng hồ tại Đại hội đồng Liên hiệp quốc thứ 15, Castro đã nêu rõ cứu cánh lý tưởng Cộng-sản mà Cuba đang theo đuổi và cũng trong kỳ Đại Hội này người ta được thấy tình thân thiện giữa Castro và Khrouchtchev. Ngoài ra còn có ba sự kiện chứng minh sự đồng lý tưởng và cứu cánh của Castro và khối Cộng.

Ngày tháng 12 năm 1960, trong kỳ đại hội 81 đảng cộng-sản tại Moscou, Ernesto Guevara tuyên bố: « chúng tôi, mặc dù không tham gia vào việc soạn thảo tuyên ngôn của Đại-hội, nhưng chúng tôi vẫn ủng hộ triệt để tuyên ngôn này. » Guevara còn cho rằng tuyên ngôn này đã xem chế độ Castro như là một « liều thuốc mạnh kích thích cuộc tranh đấu giải phóng của các dân tộc châu Mỹ La-tinh, ca tụng không tiếc lời sự « đoàn kết đấu tranh giữa dân tộc Nga và Cuba », và cuối cùng cho rằng Cuba vẫn trông vào sự ủng hộ của Nga và cố theo gương tiến bộ hòa bình của nước này. »

Sự kiện thứ nhì là bản thông cáo chung ngày 19-12-1960 giữa Cuba và Nga mà đại diện liên hệ là Che Guevara và Mikoyan đệ nhất Phó Thủ-tướng Nga, sau các cuộc thương thuyết chính trị và kinh tế tại Mos-

cou. Trong thông cáo này, Cuba đã ca tụng công cuộc khước trương kinh-tế xã hội của Nga, sức tiến của Nga để đi đến chế độ Cộng-sản toàn thiện, toàn mỹ, và sáng kiến của nước này trong việc xây dựng hòa bình lâu dài cho thế giới. Riêng phần Nga cũng nhìn nhận sự góp sức của Cuba và công cuộc thực hiện các mục tiêu Cộng sản ở Châu Mỹ La-tinh, dưới quyền lãnh đạo của Castro.

Cuối cùng, lý tưởng chung giữa Cuba và Nga được biểu lộ trong lời tuyên bố của chính Guevara cho rằng Cuba là một « nước xã-hội ». Ngày 30-4-1961 Guevara tuyên bố : phong trào Castro là « cuộc cách mạng xã hội đầu tiên của Châu Mỹ La-tinh. » Cũng trong ngày 1-5-1961, ngày Quốc-tế Lao-động, Castro xác nhận rõ ràng vị trí của chế độ Cuba, đã nói đến « cuộc cách mạng xã hội của chúng ta », và vị trí mới của Cuba mà một hiến pháp hoàn toàn cấp tiến sẽ được soạn thảo cho phù hợp. Vị trí mới này là « vị trí xã hội chủ nghĩa » và hiến pháp mới là « hiến pháp xã hội » ?? Người ta phải hiểu rõ rằng, nói đến « cách mạng xã hội », Castro và các cộng sự viên không quan niệm một chủ nghĩa xã hội dân chủ Tây phương trong khuôn khổ của một nền dân chủ đại diện và tôn trọng các tự do cá nhân. Trái lại, Anibal Escalante lý thuyết gia và thơ ký ban chấp hành Cộng đảng Cuba đã trình bày quan niệm « cách mạng xã hội » của Cuba như sau : giai đoạn đầu là giai đoạn « giải phóng quốc gia » đã hoàn thành với sự lật đổ chính quyền Batista, mục tiêu kế tiếp là loại trừ ảnh hưởng Hoa-Kỳ ra khỏi Cuba bằng các cuộc tuyên truyền khuyến khích và giúp đỡ vật chất của khối Cộng, mục tiêu này đã đạt được ; giai đoạn chót thì không hạn định, nó nhằm mục tiêu hướng tất cả các cơ - chế chính trị,

*Đây lực lượng của Castro : mỗi lo ngại của
Tây bán Cầu*



kinh-tế, xã-hội đến chủ nghĩa xã hội, giai đoạn này được sự giúp đỡ quân sự, kinh-tế và kỹ thuật của khối Cộng cũng như về mặt tuyên truyền.

Trước tháng 8 năm 1960, Cuba đã lập lại mọi liên lạc ngoại giao với Nga-Sô, Tiệp-khắc và Ba-Lan. Ba tháng sau, Castro lập bang giao với Trung-Cộng, Bắc-Hàn, Bảo-Gia-Lợi, Hung-Gia-Lợi, Lỗ Mã Ni, Bắc Việt, Ngoại Mông và Albanie. Cuba trao đổi ngoại giao với các nước bên kia bức màn sắt trừ Đông Đức mà Cuba vẫn trao đổi thương ước và giáo dục. Chính quyền « cách mạng » của Castro đã giao các liên lạc ngoại giao của mình cho Tòa Đại-sứ Tiệp-Khắc tại Hoa-Thịnh-Đôn đảm nhận giúp, sau khi mọi liên lạc ngoại giao bị cắt đứt giữa Cuba và Hoa-Kỳ xảy ra vào ngày 3 tháng giêng năm 1961. Việc này chứng tỏ hơn một lần nữa chính sách thân Cộng của chế độ Castro.

Về phương diện kinh tế, Castro đã hướng mọi nỗ lực này theo Cộng từ tháng 9 năm 1959, nhưng chỉ kể từ tháng 8 năm 1960 hệ thống kinh tế của Cuba mới bắt đầu lệ thuộc vào các nước Cộng sản. Hiện nay thì kế hoạch kinh-tế của Cuba đang được xây dựng theo khuôn mẫu và phương pháp Cộng-sản, và Cuba sắp trở thành căn cứ trao đổi thương mại giữa khối Nea Sô — Trung - Cộng với Tây bán cầu. Cuộc triển lãm của Nga Sô tại La Havane được tổ chức vào tháng 2 năm 1960 và trong dịp này Mikoyan đệ nhất Phó thủ-tướng Nga-Sô đã ký kết tại Cuba một hiệp ước thương mại. Các nước Cộng-sản khác lần lượt ký thương-ước với Cuba các tháng kế tiếp.

Về viện trợ kỹ thuật, Cuba cũng có ký kết với các nước Cộng-sản nhất là Nga-Sô và Trung-Cộng chỉ trừ có Albanie. Tiệp-Khắc đã gửi đến Cuba một phái đoàn chuyên viên nghiên cứu điều kiện xây dựng các xưởng chế tạo máy cày, xe hơi và các loại trang bị có động cơ khác có thể không những thỏa mãn nhu cầu cho Cuba mà còn để bán cho các nước Châu Mỹ La tinh nữa. Phần Nga-Sô thì đang nghiên cứu việc xây dựng xưởng lọc dầu và cải tổ ngành kỹ-nghệ mỏ. Trên 2000 người Cuba hiện đang được gửi sang các nước Cộng sản để được huấn luyện kỹ thuật trong năm 1961, lối 800 sang Nga, 200 ở Trung-Cộng, 180 ở Đông Đức và số còn lại rải rác các nước Cộng khác.

Lúc đầu, các mối liên lạc giáo dục, văn hóa giữa Cuba và khối Cộng chưa được phát triển. Nhưng kể từ đầu năm 1961 các cuộc trao đổi các đoàn hòa nhạc, ca vũ và thể thao nhằm hướng dẫn hoàn toàn nền văn hóa Cuba theo khối Cộng-sản. Kết quả là

dân chúng Cuba bị bắt buộc theo một nền văn hóa mới, ngoại lai trái với nguồn gốc dân tộc và lịch sử của mình chỉ vì lý do chính trị.

Về liên lạc thông tin, báo chí của Cuba chỉ căn cứ vào một cơ quan thông tấn, Agencia Prensa Latina để biết các tin tức thế giới, và chỉ dùng các bản tin của Hãng Thông tấn Tass của Nga hay Hsinhua của Trung-Cộng. Prensa Latina là cơ quan thông tấn của Chính phủ Castro và do cơ quan của chính phủ kiểm soát. Hai hãng thông tấn Tass và Hsinhua có văn phòng tại Havane. Cuba và các nước trong khối Cộng vẫn trao đổi ký giả.

Cuối cùng về phương diện quân sự, kể từ tháng 9 năm 1960, chế độ Castro củng cố gấp rút mạnh mẽ lực lượng quân sự của mình. Castro đã nhận được của Nga vô khối trang bị quân sự và những hứa hẹn ủng hộ quân sự của Nga Xô và Trung cộng.

Trang bị quân sự nhận được của khối Cộng giúp Castro võ trang thêm một số lớn dân chúng. Lực lượng lục quân của Cuba quan trọng hơn hết đối với các nước Cộng Hòa Châu Mỹ, trừ Hoa Kỳ. Lực lượng này 10 lần quan trọng hơn bất cứ lực lượng nào của các chính phủ trước. Quân số hải, lục, không quân và Cảnh sát có thể lên đến từ 250.000 đến 400.000 (đối với một dân số 6 triệu người).

Trước đây lực lượng quân sự của Castro đã cướp được số trang bị quan trọng của lực lượng Batista, và Castro có mua vô khối vũ khí đạn dược của Bỉ và Ý năm 1959 và đầu năm 1960. Vũ khí của khối Cộng chỉ bắt đầu được đưa đến vào hồi giữa năm 1960, số lượng lên đến hàng chục ngàn tấn. Các vũ khí quan trọng gồm có 14 chiến xa Joseph Staline kiểu cũ 51 tấn, 19 trọng pháo xung phong Nga SU.100, 15 chiến xa T 34 cỡ 35 tấn, 78 đại bác chiến trường 76 ly, 11-85 ly, 4-122 ly và 108 đại liên 12 ly 7. Trong tháng giêng năm 1961, chính quyền Castro đã phô trương lực lượng này trong một cuộc diễn binh tại La Havane lâu 8 giờ đồng hồ, và trong các cuộc thao dượt quân sự tại các miền duyên hải. Lối 50.000 nhân viên Cảnh sát tham dự cuộc diễn binh đều được võ trang tiểu liên Tiệp Khắc. Nhưng Fidel Castro đã cho biết, trong bài diễn văn đọc vào dịp này các vũ khí trang bị được phô diễn chỉ là một « phần nhỏ » mà Cuba đã nhận được của khối Cộng. Người ta có thể nói là cả quân đội của Castro hiện nay hoàn toàn lệ thuộc vào các nước Cộng sản. Gần đây hơn, Nga-Sô đã viện trợ cho Cuba một số lớn phi cơ Mig và các loại khác

Ngoài trang bị và vũ khí, Nga-Sô và Tiệp khắc còn gửi sang Cuba một số lớn cố vấn và chuyên viên quân sự

để huấn luyện cho binh sĩ Cuba sử dụng vũ khí nặng. Số chuyên viên được ước lượng lối 300 người. Cuba đã gửi, vào cuối tháng 8 năm 1960, sang Nga Xô và Tiệp-Khắc lối 150 quân nhân theo học các ngành không quân, pháo binh hay các ngành chuyên môn khác trong quân đội. Trung-Cộng cũng tham gia vào việc viện trợ vũ khí cho Cuba : Raoul Castro có tuyên bố ngày 23-2-61 đã nhận được một số súng liên thanh của nhân dân Trung Hoa lục địa đưa sang biếu trong dịp « Tổng Thống Eisenhower muốn tấn công Cuba ». Chu Ân Lai đã từng tuyên bố long trọng sẵn sàng giúp đỡ Cuba khi cần đến.

CUBA, ĐÀU CẦU CỘNG SẢN Ở TÂY BÁN CẦU HAY UNG THƯ CỦA KHỐI CHÂU MỸ

Kể từ ngày cuộc đổ bộ của Ủy ban Cách mạng của những người Cuba chống Castro ở Vịnh Heo (Bay of Gigs) thất bại, mà dù muốn dù không thế giới cũng quy trách cho Hoa-Kỳ, chính sách lãnh đạo thế giới tự do này đối với Cuba là mong đợi chế độ Castro sụp đổ vì kinh tế Chính sách tiêu cực này còn nhằm cô-lập-hóa Cuba về phương diện chính trị và kinh tế. Nhưng thay vì sụp đổ, chế độ Castro trong 6 tháng gần đây đã tỏ vẻ là một đe dọa càng ngày càng nặng nề đối với Tây bán-cầu và nhất là đối với Hoa-Kỳ. Từ lâu Nga Xô vẫn viện trợ cho Cuba để chống đỡ nền kinh tế đang suy sụp và các cuộc tiếp tế vũ khí dù quan trọng cũng không làm cho Hoa-Kỳ và các nước Cộng-Hòa Mỹ Châu lo ngại. Nhưng kể từ tháng 7 vừa qua các cuộc viện trợ quân sự của khối Cộng cho Cuba lại tăng gia với một tốc độ kinh khủng. Theo cơ quan tình báo Hoa-Kỳ, đã có hơn 60 chuyến tàu đưa đến Cuba vũ khí đủ loại và chuyên viên của nhiều nước Cộng. Người ta ước lượng giá trị của trên 400.000 tấn vũ khí được đưa đến Cuba lên đến 175 triệu đô la là tối thiểu.

Nga-Sô đã đưa đến Cuba từ loại hỏa tiễn phòng không SA-2 đến các loại hỏa tiễn có tầm hoạt động trung bình và đã xây cất gấp rút các căn cứ để che giấu và sử dụng tại nhiều địa điểm trên đảo. Để điều khiển các hỏa tiễn, trên 4.000 chuyên viên quân sự Nga đã đến Cuba để thiết lập các đài radar và điện tử. Không-quân của Cuba cũng được tăng cường, số phi cơ khu trục tăng lên 25 Mig 15, 45 Mig 17 và 20 Mig 19, 24 phi cơ trực thăng loại Mig 14, 20 loại AN-2 và 40 phi cơ phản lực Ilyushin 28 có thể chở bom nguyên-tử. Về hải quân, Nga-sô đã cung cấp cho Cuba 6 tuần dương hạm và một số tàu chiến nhỏ chạy nhanh, có trang bị hỏa tiễn. Trên bộ, hiện nay Cuba đã có 75 chiến xa

T.34 loại 35 tấn, 25 chiến xa Joseph Staline II, 51 tấn và 100 chiến xa T.54 loại tối tân 40 tấn trang bị hồng quang tuyến để chiến đấu ban đêm và đại bác 100 ly. Pháo binh của Cuba cũng tăng cường một cách đại quy mô với trên 2000 trọng pháo bố trí khắp đảo, đa số loại Skoda 40 và 30 ly, loại 4 nòng ZPU. 4 của Tiệp Khắc chống phi cơ, đại bác 85 ly và 155 ly có khả năng lưu động và nhiều ống phóng hỏa tiễn nhiều nòng kiểu Nga (Orgue de Staline) chở trên cam nhông. Bộ binh được võ trang với 65.000 tiểu liên kiểu mới FN của Bỉ, 125.000 trung liên Tiệp Khắc và trên 200.000 súng trường của Nga và các nước Cộng-sản, nhiều loại vũ khí nhẹ, bách kích pháo và súng chống chiến xa. Các đơn vị bộ binh còn được trang bị trên 5000 súng cối hạng nặng. Thật là một lực lượng vĩ đại so với dân số chưa đầy 6 triệu người.

Nga-sô và Castro đều cho đó là các vũ khí để « tự vệ chống một cuộc tấn công của Hoa-kỳ ». Nhưng thành linh ngày 22 tháng 10 vừa qua. Tổng Thống Kennedy với bài diễn văn vô tuyến truyền hình đã phơi bày ra ánh sáng tất cả hành động của khối Cộng-sản do Nga-sô lãnh đạo nhằm biến Cuba thành một căn cứ phóng phi đạn nguyên tử vào Hiệp-chủng-quốc và Tây bán-cầu. Cũng với bài diễn văn này, Tổng Thống Kennedy đánh dấu một quyết định quan trọng vào bậc nhất của Hoa-kỳ trong vòng 20 năm qua sau khi cuộc thế chiến thứ II chấm dứt bắt đầu cuộc chiến tranh lạnh giữa Nga và Hoa-Kỳ. Quyết định này chấm dứt thái độ tiêu cực, thụ động của Hoa-Kỳ từ trước đến nay đã áp dụng với Cuba : đó là cuộc phong tỏa Cuba bằng hải quân của Hoa-Kỳ cấm hẳn tàu bè của bất cứ quốc-gia nào đang tải vũ khí chiến tranh đến Cuba, và xem bất cứ một cuộc tấn công nào bằng phi đạn nguyên tử xuất phát từ Cuba nhằm vào bất cứ một quốc gia nào của Tây bán-cầu, là một tấn công do Nga-Sô chủ trương và trong trường hợp ấy Hoa-Kỳ tức thì mở cuộc tấn công trả đũa toàn diện vào nước Nga. Căn cứ Guantanamo của Hoa-Kỳ được lệnh tản cư gia đình các quân nhân hay nhân viên đang phục vụ tại đây. Một hội nghị cấp thời của các cơ quan tư vấn Tổ Chức Các Quốc Gia Mỹ-Châu (Organization American States) được triệu tập để cứu xét mối đe dọa của Cuba hầu tìm biện pháp chung đối phó. Hoa-Kỳ cũng yêu cầu triệu tập ngay Hội-đồng Bảo-an Liên - hiệp - Quốc để trình bày bằng có Cuba đe dọa hòa bình. Cuối cùng là biện pháp chốt, Tổng Thống Kennedy đã kêu gọi Thủ-Tướng Khroutchev chấm dứt việc viện trợ vũ khí cho Cuba và xóa bỏ ảo mộng thống trị thế giới.

Các cường quốc Đồng minh của Hoa-Kỳ cũng đã tỏ ra tán thành biện pháp cương quyết do Tổng Thống Kennedy đề ra. Trong bài diễn văn của Ngoại Trưởng Anh - quốc Lord Home đọc ngày 23-10-62, chính phủ Anh đã bày tỏ lập trường tán thành chính sách đối phó hiểm họa Cuba của Hoa-Kỳ, sau khi cho hành động của Nga là hành động bạo lực cố tình đặt lực lượng hăm dọa Hoa-Kỳ, quần đảo Caraïbes và cả Nam Mỹ.

Thế giới phải một lúc hồi hộp vì chiến tranh nguyên tử có thể phát khởi không biết lúc nào. Sau bảy biện pháp của Tổng Thống Kennedy đề ra trong bài diễn văn ngày 22-10-62, nhằm chấm dứt cuộc tiếp tế vũ khí của Nga-Sô cho Cuba và chuẩn bị tích cực đối phó với chính Nga trong trường hợp Hoa-Kỳ bị tấn công từ Cuba, Hoa-Kỳ liền đề nghị ngay biện pháp buộc Nga-Sô phải tháo gỡ các giàn hỏa tiễn đã và đang xây dựng tại Cuba, dưới quyền kiểm soát của Liên-Hiệp-Quốc và rút về các phi cơ Ilyushin 28. Hoa-Kỳ đã cho biết có lối 10 căn cứ hỏa tiễn được thiết lập trong nội địa Cuba, trong số này có các căn cứ Sagna La Grande Remedios, San Cristobal và Guanajay, lối 6 căn cứ trang bị hỏa tiễn có tầm xa trên 4000 cây số đang được thiết lập. Không kể các hỏa tiễn lưu động có tầm ngắn lối 2000 cây số mang đầu đạn nguyên-tử (1) có thể bắn đến các thành phố Houston, St Louis hay Hoa-Thịnh-Đôn, các hỏa tiễn có tầm xa trung bình vừa kể có thể tàn phá mọi thành phố của Hoa-Kỳ từ Đông sang Tây.

CUỘC PHONG TỎA CUBA.

Kể từ ngày 10-10, Hoa-Kỳ đã cho phi cơ thám thính các loại RB. 475 và U.25 bay cao trên đảo Cuba để chụp ảnh và quan sát. Các hình ảnh chụp được đã được Hoa-Kỳ trình bày trước hội đồng Bảo an Liên-Hiệp-Quốc để chứng minh sự hiện diện của các vũ khí tấn công và chiến lược của Nga sô đặt trên đảo Cuba. Sau một tuần lễ nghiên cứu tình hình và hội họp liên tiếp cùng các nhân vật cao cấp và chuyên môn trong chính phủ, Tổng. Thống Kennedy đã quyết định và ra lệnh thi hành cuộc phong tỏa Cuba và nhiều biện pháp huy động các lực lượng hải, lục, không quân sẵn sàng đối phó với mọi biến chuyển bất ngờ. Khắp thế giới lực lượng Hoa-Kỳ được lệnh báo động và sẵn sàng tác chiến. Dưới quyền của Đô Đốc Anderson, nhiều tàu ngầm nguyên tử trang bị hỏa tiễn Polaris vượt trùng dương để thi hành những công tác mà

(1) Đầu đạn nguyên tử có sức phá hoại bằng 1 triệu tấn chất nổ T. N. T.

chỉ có một số nhỏ nhân vật cao cấp của chính phủ được biết đến. Không quân được lệnh báo động, nhiều phi đoàn phóng pháo cơ chiến lược B.52 cất cánh và hàng trăm phi cơ phóng pháo B.47 được tản mác đi trên 12 phi trường khắp nước. Tại Bá-Linh, 5000 lực quân Hoa-Kỳ cũng được lệnh tiếp tục thao dượt. Ba căn cứ không quân Hoa-Kỳ ở mồm Florides cũng được tăng cường một cách gấp rút. Lực lượng đặc biệt Task Force 136 gồm hơn 80 chiến hạm được điều động bao vây đảo Cuba và kiểm soát các vùng biển Carai-bes trong phạm vi 800 dặm cách Cuba. Lực lượng trừ bị là hàng không mẫu hạm nguyên tử Enterprise và một số tàu chiến khác của hạm đội thứ 6 Địa Trung Hải. Lệnh của Đô-đốc Anderson rất rõ ràng: Tất cả mọi tàu biển đi vào vùng phong tỏa đều phải bị bắt dừng lại. Tàu nào không tuân lệnh sẽ bị pháo kích cảnh cáo và nếu còn ngoan cố sẽ bị đánh chìm. Khi dừng lại sẽ được hải quân Hoa-Kỳ đến kiểm soát và nếu không có chở các loại vũ khí chiến tranh, tàu sẽ được phép tiếp tục đi đến Cuba. Nếu có chở các loại vũ khí cấm, tàu sẽ được lệnh quay trở lại các hải cảng khác do vị chỉ huy định đoạt, chứ không thể đi đến Cuba được. Trên không phận các phi cơ chuyên chở đi đến Cuba đều bị bắt buộc phải đáp xuống một phi trường Hoa-Kỳ để khám xét, và nếu không tuân lệnh cũng sẽ bị tấn công ngay. Đối với các tàu ngầm Nga-Sô hay các nước khác, nó sẽ được khám phá bằng ra-da hay so-na (2) và khi một tàu ngầm được nhận thấy, Hải quân Hoa-Kỳ sẽ bỏ mìn « mìn tử » để cảnh cáo, đồng thời phát ngay tín hiệu bằng các chữ I. D. K. C. A., tín hiệu quốc tế có nghĩa là phải nổi lên mặt nước. Nếu không tuân lệnh tàu ngầm sẽ bị tấn công đến chìm. Cuộc phong tỏa thành công và không có một sự đáng tiếc nào đã xảy ra. Nhiều tàu chuyên chở vũ khí của Nga đã được lệnh của Khroustchev quay trở về nước, Khroustchev đã nhất định không muốn thử thách với Hải quân Hoa-Kỳ trên biển cả.

NHUỘNG BỘ HAY MƯU MÔ CỦA NGA ?

Trong các cuộc hội họp với nhiều nhân vật cao cấp trong chính phủ cùng các cộng sự viên gần nhất của mình, Tổng-Thống Kennedy đã xét hết các biện pháp đối phó với vấn đề Cuba : biện pháp đánh chiếm ngay Cuba, biện pháp oanh tạc bất ngờ phá hủy các căn cứ hỏa tiễn Nga đang xây cất trên đảo. Hai biện pháp này đều bị gạt bỏ vì nó sẽ có thể gây phản ứng vô ý thức của Khroustchev là tấn công trả lại và thế giới sẽ chìm đắm vào một cuộc chiến tranh hạt nhân vô cùng tai hại. Tổng Thống Kennedy đã khôn khéo dành cho Khroustchev thời

giờ suy nghĩ để nhận định sự cương quyết đối phó của Hoa-Kỳ và nhìn thấy ai là kẻ mạnh. Ngoài ra giải pháp mềm dẻo phong tỏa Cuba còn dành cho Nga một lối thoát trong danh dự cũng như dành được cho Hoa-Kỳ nhiều hành động đối phó khác trong tương lai, cứng rắn và quyết liệt hơn. Đó cũng là một giải pháp được sự ủng hộ của các Đồng minh trong Minh-ước Bắc-Đại-Tây-Dương và các nước châu Mỹ trong tổ chức OAS.

Ngày 22 tháng 10 năm 1962, sau khi tuyên bố trên đài vô tuyến truyền hình Hoa-Kỳ để dân chúng nhận thấy mối đe dọa của Cuba và các biện pháp đối phó, Tổng Thống Kennedy đã hội họp với các nghị sĩ của hai viện tại Hoa-Thịnh-Đốn cùng nhiều nhân vật cao cấp trong chính phủ. Họ được thông báo tình hình và trình bày hình ảnh. Tổng Thống Kennedy thân nhiên tuyên bố : « chúng tôi đã quyết định hành động ». Nghị sĩ Dân chủ Richard Russel cho rằng biện pháp phong tỏa Cuba không đủ và quá trễ, và đề nghị với sự đồng ý của nghị sĩ William Fulbright, đánh chiếm ngay Cuba ». Tổng Thống Kennedy chống với các chỉ trích, chủ trương phong tỏa một cách bình tĩnh và vẫn giữ lập trường.

Mười hai giờ sau bài diễn văn của Tổng Thống Hoa-Kỳ, dư luận Nga sôi nổi và Khroustchev phản ứng cách ngạt ngào. Khroustchev đã nắm lấy đề nghị « ngưng chiến » hai hoặc ba tuần lễ của ông U. Thant, quyền Tổng Thư-Ký Liên Hiệp-Quốc, để Nga ngưng đưa hỏa tiễn đến Cuba và để Hoa-Kỳ ra lệnh chấm dứt cuộc phong tỏa. Tổng Thống Kennedy đã khước từ đề nghị này và cho ông U. Thant biết rằng « mối đe dọa Hoa-Kỳ là do sự nhập cảnh bí mật vào Cuba nhiều vũ khí tấn công, biện pháp đối phó chỉ là mang hết các vũ khí ấy đi ». Khroustchev liền đề nghị rút hết hỏa tiễn của mình về và, để đòi lại, Hoa-Kỳ cũng phải tháo gỡ các giàn hỏa tiễn của họ ở Thổ-Nhĩ-Kỳ. Hoa-Kỳ không chấp nhận cuộc « đổi chác » này; và Tổng Thống Kennedy cương quyết giữ vững lập trường, xúc tiến gấp các biện pháp đối phó quân sự.

Cuộc trao đổi công hàm giữa Kennedy và Khroustchev tiếp tục. Tổng Thống Kennedy cũng đã cương quyết báo cho Khroustchev rằng Hoa-Kỳ không chấp thuận mọi cuộc thương thuyết về Cuba nếu các hỏa tiễn Nga không được tháo gỡ và mang về nước. Ngày 29-10, trong một công hàm gửi cho Tổng Thống Kennedy, Khroustchev chấp nhận việc tháo gỡ các hỏa tiễn và các loại vũ khí mà Hoa-Kỳ cho là để tấn công, để mang về Nga và đề nghị để Liên Hiệp Quốc kiểm soát công tác này.

(xem tiếp trang bìa sau)

(2) Loại máy điện từ dùng để khám phá tàu ngầm hồi thế chiến II (Sonar) Sound Navigation Ranging.

TRÁI TIM

CỨU THẾ



*Lòng thương dâng Jesús như biển lớn
Cỏ trắng xanh, gió nhẹ, sóng yêu đương
Trăng : Lửa dắt hồn quê qua ám chướng
Gió : Lời thiêng. Sóng : lượn vô cùng.*

Chúa mở tay ngài ôm vũ trụ
Nhiệm màu giọt lệ ướt trên mi
Thế gian cuồng loạn phơi xương máu
Ai biết lòng Cha nói những gì !



Ta nghe thốn thức niềm đau khổ
Gai lửa chằng đầy một trái tim
Chúng sinh ai khóc đời tan vỡ ?
Hận thù sao chất mãi hồn điên !
Sao không hợp-tấu bài hoan-lạc
Gửi giữa vô biên điệu diễm kiều
Đạo hạnh vun-trồng cây tuyệt-tác
Nắm tay cùng nói lẽ thương yêu.



Ngoài kia nhân loại say gươm súng
Chúa gục hồn đau dáu nổi lòng
Đạn nổ rền vang trời sấm động
Ta nghe tiếng khóc buốt thình-không.

HOÀNG - LONG

**NHỮNG THÁNH - Ý VÀ DẤU
HIỆU THIÊNG LIÊNG ĐẦU TIÊN
CỦA MỘT CÔNG CUỘC VĨ ĐẠI**

**ĐẠI CÔNG - ĐỒNG
CÔNG - GIÁO VATICAN II**



*Đức Giáo-Hoàng
Gioan XXIII*

CÔNG ĐỒNG Vatican II là một biến cố rất vĩ đại, có ảnh hưởng đến đời sống tinh thần, cũng như ảnh hưởng đến những vấn đề nhân sinh của thời đại chúng ta, vì Công Đồng Vatican II là một cuộc hội họp toàn thể các Giám-mục của Giáo-Hội Công-Giáo trên hoàn cầu để bàn luận và quyết định các vấn đề liên quan đến Giáo Hội. Ngoài ra, trong trường hợp cần thiết, Công Đồng Vatican II sẽ xác nhận các tín điều, kết án những học thuyết lầm lạc và những người chủ trương các tà thuyết này. Tóm lại, mục đích tối cao của Công-Đồng Vatican II không ngoài việc phục vụ con người và đời sống tinh thần của nhân loại.

**DO Đâu CÓ DANH TỪ
«CÔNG ĐỒNG VATICAN II?»**

Từ khi có Giáo Hội ra đời đến nay, trong khoảng gần 2000 năm, gồm có tất cả 20 Công-Đồng như sau, không kể Công-Đồng Vatican II hiện nay :

- 1) Công Đồng Nixê, năm 325.
- 2) Công Đồng Constantinopoli I, năm 381.

- 3) Công-Đồng Ephêsô, năm 431.
- 4) Công-Đồng Canxêdônia, năm 451.
- 5) Công - Đồng Constantinopoli II năm 553.
- 6) Công - Đồng Constantinopoli III, năm 680.
- 7) Công-Đồng Nixê II, năm 787.
- 8) Công-Đồng, Constantinopoli IV, năm 869-870.
- 9) Công-Đồng Latran I, năm 1123
- 10) Công-Đồng Latran II, năm 1139
- 11) Công-Đồng Latran III, năm 1179
- 12) Công-Đồng Latran IV, năm 1215
- 13) Công Đồng Lyon I, năm 1245
- 14) Công-Đồng Lyon II, năm 1274
- 15) Công-Đồng Viennê, năm 1311 1312.
- 16) Công - Đồng Constance, năm 1414-1418.
- 17) Công-Đồng Florence, năm 1439-1445.
- 18) Công-Đồng Latran V, năm 1512-1517.
- 19) Công - Đồng Fridentinô, năm 1545-1563.

- 20) Công-Đồng Vatican I, năm 1869-1870.

Trước Công-Đồng Vatican II hiện nay, đã có Công Đồng Vatican I như vừa kể.

Công Đồng Vatican I này do Đức Giáo Hoàng Pie IX triệu tập vào ngày 8 tháng 12 năm 1869. Công Đồng này không có sự chính thức bề mặt, mà đã bị gián đoạn nửa chừng, sau 4 phiên họp chính thức, vì cuộc chiến tranh Pháp Đức bùng nổ, Đức Giáo Hoàng Pie IX cho phép các Linh mục dự Công Đồng được tạm nghỉ. Đến ngày 22.9.1870 quân đội Ý kéo vào La-Mã, nên sau đó, ngày 20.10.1870, Đức Giáo-Hoàng Pie IX loan báo hoãn họp Công-Đồng. Thế là từ ngày đó, Công-Đồng Vatican I không tiếp tục họp nữa, và đương nhiên bế mạc đến nay.

Sau 92 năm, từ khi Công-Đồng Vatican I ngưng nhóm, đến nay, thêm một lần thứ hai, Công-Đồng Vatican lại khai mạc dưới sự triệu tập của Đức Giáo Hoàng Gioan 23. Do đó, lần này Công-đồng mang tên là **CÔNG ĐỒNG VATICAN II.**

NGUYÊN DO NÀO KHIẾN ĐỨC GIÁO HOÀNG GIOAN 23 TRIỆU TẬP CÔNG ĐỒNG VATICAN II ?

Hiện nay thế giới đang rơi mình vào một cơn khủng hoảng trầm trọng. Xã hội đang chuyển hướng. Nhân loại đang đứng trước một khúc quanh của thời đại mới, một thời đại kiêu hãnh với những phát minh kỹ thuật và khoa học mới. Sự tiến bộ khoa học đã giúp con người sáng tạo ra những khí giới tối tân mà hậu quả chỉ là đi đến sự hủy diệt nhân loại. Ngoài ra, con người hiện đang hướng về các thú vui dễ dãi của trần tục do kỹ thuật tân tiến ngày nay cung ứng và đặt trước tầm tay họ, khiến cho sự ngưng mộ giá trị trong phạm vi siêu nhiên của tinh thần đã bị suy giảm. Bởi lẽ đó nên đã phát sinh một sự kiện hoàn toàn nguy hiểm đến sự sống còn của nhân loại. Đó là sự hiện diện của bao tổ chức vô thần đang hăng hái bành trướng trên bình diện Quốc-tế. Bao nhiêu cuộc chiến tranh đẫm máu đã và đang tiếp diễn, những sự đổ vỡ, suy giảm tinh thần cũng phát sinh bất nguồn bởi nhiều tư tưởng hệ khác nhau.

Do đó, Giáo-Hội nhận thấy không thể ngồi yên trước những biến chuyển đổi thay ấy của con người. Giáo Hội phải cương quyết đặt mình chống đối lại với những tư tưởng hệ duy vật từ chối Đức-Tin.

Thế giới tân tiến đang biến đổi một cách sâu rộng, thì Công-Đồng Giáo Hội cũng phải tiến hóa canh tân để phù hợp tinh thế mà mục đích chánh yếu là để đời sống nội tâm của toàn thể nhân loại được thánh hóa

Và tóm lại, để sẵn sàng chiến đấu cho Đức-Tin của nhân loại trong thế hệ này, nên Công Đồng Vatican II đã được triệu tập và huy hoàng khai mạc.

Ý TƯỞNG TRIỆU TẬP CÔNG ĐỒNG ĐÃ PHÁT SINH LÚC NÀO Ở ĐỨC GIÁO HOÀNG GIOAN 23 ?

Tình hình thế giới đang chìm ngập trong lo âu và xáo trộn. Một điều đáng lưu ý là loài người hằng tuyên bố muốn hòa bình và thỏa hiệp với nhau. Nhưng thực sự, đáng buồn thay, càng ngày sự gia tăng chia rẽ và đe dọa trầm trọng càng bộc phát. Trước sự kiện này, Giáo Hội phải làm gì để cứu vãn nhân loại ?

Đó là điều lo âu của Đức Giáo-Hoàng Gioan 23.

Trong một cuộc đàm thoại riêng, Ngài đã bày tỏ ý nghĩ ấy với Đức Hồng Y Tardini. Quốc-Vụ-Khanh. Đức Hồng Y Tardini cũng đồng ý xác nhận sự kiện ấy, Ngài kính cẩn lắng nghe và chờ đợi ý kiến Đức Giáo Hoàng.

Giữa phút thiêng liêng ấy, bỗng một ý niệm cao cả vụt xuất hiện và chiếu sáng tâm hồn Đức Giáo Hoàng : Một Công-Đồng ! Đó có phải chăng Đức Giáo Hoàng đã đón nhận một niềm trông cậy nơi Đấng Cứu Thế ban cho Ngài ?

Sự thật, ở giây phút đầu tiên vừa thốt ra 3 tiếng « Một Công Đồng » Đức Giáo Hoàng đã lo lắng, e rằng lời nói của Ngài sẽ gây thành một sự hoang mang và sợ hãi, vì ngài biết chắc chắn rằng sẽ có không biết bao nhiêu là khó khăn trở ngại trong công cuộc chuẩn bị lâu dài để thực hiện một quyết định quan trọng dường ấy.

Trái với niềm lo ngại của Đức Giáo Hoàng, vừa nghe lời nói thiêng liêng ấy, trên gương mặt Đức Hồng Y Tardini hiện lên ngay một niềm cảm xúc rõ rệt.

Đó là dấu hiệu chắc chắn đầu tiên của thánh ý Thiên chúa !

Thế rồi, vào sáng ngày 25-1-1959, tại Tu-viện Thánh Phao Lô ngoại

thành, Đức Giáo Hoàng Gioan 23 đã long trọng loan báo tin ấy cho Hồng Y đoàn.

Mọi người tưởng rằng, sau khi nghe huấn từ của Đức Giáo Hoàng, các Đức Hồng Y sẽ tới gần Ngài để biểu lộ sự đồng ý ưng thuận và vui vẻ chúc mừng. Nhưng ngược lại, tất cả đều im lặng một cách kính cẩn và khác thường.

Vài hôm sau, các Đức Hồng Y tới triều yết Đức Giáo Hoàng. Mỗi vị đều nói với Ngài rằng : « Chúng con lúc ấy cảm động và vui mừng khôn tả vì đặc ân quý báu và bất ngờ mà Chúa đã ban cho Giáo Hội qua Đức Tân Giáo Hoàng. Niềm cảm xúc và vui mừng ấy sâu xa, mãnh liệt đến nỗi chúng con không tìm ra được lời nào thích đáng để biểu lộ sự hân hoan và ý-chí phục tùng. Chúng con sẵn sàng bắt tay vào công việc. »

Đó là một dấu hiệu chắc chắn thứ hai chứng tỏ sự ưng thuận của Thánh ý Chúa !

Bản huấn-từ của Đức Giáo-Hoàng vừa loan ra, ngay sau đó, hầu hết trên khắp thế giới, trong những điện văn và những tin tức gửi về Tòa Thánh đều chứa đựng sự biểu lộ hưởng ứng nhiệt thành. Người ta không tìm thấy một sự phản đối hay một ý kiến nào tỏ bày sự trở ngại khó thể vượt qua để đi đến sự thể hiện một Công Đồng Vatican II.

Và bắt đầu từ đó, mọi công việc chuẩn bị to tát cho Công - Đồng Vatican II khởi sự trong niềm tin tưởng nhiệt thành của toàn thể Giáo Hội, và để rồi, vào sáng thứ năm 11-10-1962, sau ba năm chuẩn bị, Công - Đồng Vatican II đã long trọng và huy hoàng khai mạc tại đền thờ Thánh Phêrô tại La-mã, ghi vào lịch sử Công-giáo thêm một Công-Đồng : Công-Đồng thứ 21.

NHỊ-UYÊN

NHÀ CHÍNH - TRỊ LÀM THƠ

TRẦN - ĐÌNH - KHẢI

Có hai lãnh vực thường khó lòng thỏa hiệp với nhau là chính-trị với nghệ-thuật.

Hoặc chính-trị giết nghệ-thuật hoặc nghệ thuật coi rẻ chính-trị, nhưng thường thường nghệ thuật bao giờ cũng bị nước lép.

Nếu chính trị dung dưỡng thì nghệ thuật tươi tốt linh hoạt, nếu chính trị khắc nghiệt thì nghệ thuật cằn cỗi điều tàn.

Có thể nói nhà chính khách ít khi ưa nghệ thuật hoặc nhà nghệ sỹ không ưa làm chính-trị.

Một đảng dụng trí và một đảng dưỡng tình, hai chiều hướng xung khắc thường dồn người ta về hai phía đối lập.

Ít khi ta thấy một nhà chính trị lỗi lạc lại kiêm là một nghệ sỹ (bao giờ).

Nhưng trường hợp của Vương An-Thạch đã vượt ra ngoài thông lệ.

Ai cũng rõ Vương là một nhà chính-trị chủ trương biện pháp đề canh tân tất cả những chế độ thời nát của nhà Tống.

Với tinh thần tha thiết về chính sách duy tân đối với mọi lãnh vực, từ việc học, việc binh, việc canh nông, việc tài chính để đem lại phú cường cho quốc-gia, ai chẳng bảo Vương tất cả tâm trí chỉ dồn vào có chính trị mà thôi.

Thế mà không, Vương còn làm thơ.

Hơn nữa qua những vần thơ của họ Vương ta còn thấy chính khách Vương-An-Thạch quả có một tâm hồn nghệ sỹ chân chính.

Nghĩa là thơ của họ Vương chứa chan cảm tình chân thiết, không phải những lời thơ làm ra để thủ tục, hoặc đã được gò bó để thực hiện một tác dụng nào khác.

Đề tiền một người bạn phải đi xa, Vương đã biểu lộ tình cảm như thế nào, ta hãy ngâm:

Đưa Trường An-Quân

*Thieu niên ly biệt ức phi khinh
Lão khứ tương phùng diệc sáng tình.
Thảo thảo bôi bàn cung tiêu ngữ
Hôn hôn đấng hòa thoại bình sinh
Tự lân hồ hải tam niên cách
Hựu tác trần sa vạn lý hành
Dục vấn hậu kỳ hà nhật thị
Ký thư ưng kiến nhận nam chinh*

Nỗi niềm ly biệt của đôi bạn khi tuổi còn nhỏ hẳn là phải đắng cay thâm thía. Nhưng khi đôi bạn già phải chia tay, sự thảm thiết được trầm lặng không bóng bột, không sôi nổi, nhưng không phải vì thế mà kém phần chua xót. Có lẽ còn chua xót hơn.

Đừng vội nói đèn ly biệt hãy nói đèn gặp nhau, họ gặp nhau còn mừng túi đèn rơi lụy, huỳnh hồ ...

Đôi bạn già cách biệt đã ba năm trời nay mới lại được gặp nhau, họ cho dọn cơm qua loa với chút rượu để được ngồi lâu với nhau trò chuyện.

Họ nói gì với nhau đây trong buổi trùng phùng này với một ám ảnh người bạn đối diện sắp sửa sẽ lùi lùi xa cách với mặt mình hàng vạn dặm.

Một ý tưởng đang ngồi cùng nhau đây để rồi ngày mai hay lát nữa sẽ biệt cách, đủ mô tả biệt bao cảm hoài.

Lòng buồn thương tràn ngập, đôi bạn già không còn lực « giọt lệ vẫn dài » lại càng thấy thấm thía.

Có lẽ họ cũng chẳng nói với nhau nhiều, bác nâng chén trăm ngậm, tôi cũng nâng chén nghĩ ngợi...

Sau một hớp rượu « khà ! » bác thở dài, tôi cũng thở dài...

Bức tranh đôi âm của đôi bạn tương phùng để rồi chia ly, hay đơn sơ, tuy chỉ hiện lên như một vài nét chấm phá nhạt trên nền giấy trắng lụa, nhưng đã gây cảm xúc biệt bao cho người thường thức !

Thề rồi một ý nghĩ thắc mắc không thể nào không thốt ra câu hỏi được, ý nghĩ mà bất cứ ai gặp cảnh sắp chia ly, dù gan góc đến đâu cũng phải bật nên lời.

Đó là câu hỏi nhau hẹn ngày tái ngộ.

Họ đã hỏi để mong được biết đến ngày đó. Nhưng ở đây câu trả lời chỉ gói ghém vào mấy chữ :

Về Nam cánh nhạn sẽ đem thơ...

Ký thư ưng kiến nhạn nam chinh...

Nghĩa là buổi trùng phùng tái ngộ lần sau có lẽ sẽ lâu lắm lâu lắm...

Gặp nhau chắc chắn chỉ có trên hàng thư viết mà người thì vẫn còn cách biệt phương trời.

Bài thơ « Ký Trường An-Quân » đã được ông Đào-Trình-Nhật dịch sang thể Đường luật như sau :

*Biệt ly tuổi trẻ nhớ không vừa
Gặp gỡ tình già đã nào chưa ?
Mâm chén sơ sài ngồi đối mặt
Ngọn đèn leo lét chuyện ngày xưa
Ba năm hổ hải thương xa cách
Muôn dặm hồng trần lại tiễn đưa
Ướm hỏi bao giờ là hậu hội
Về nam cánh nhạn sẽ đem thơ.*

Với một bài thơ hàm xúc biệt bao nhiêu tình cảm kín đáo, tế nhị, mà lại vô cùng tha thiết

như thế, nếu ta không biết trước rằng Vương An-Thạch là một người cực kỳ tha thiết với chính trị. Có lẽ ta sẽ liệt cho Vương chỉ là một thi sĩ chứa chan cảm hoài, một nghệ sĩ tình cảm.

Đề nhận chân tâm hồn của nhà chính trị kiêm thi gia ấy ta thường thức thêm một bài tuyệt cú ghi cảnh tác giả đã đi qua.

*Kinh-khẩu Qua - châu nhật thủy gian
Chung sơn chỉ cách số trùng san
Xuân phong hữu lục Giang Nam ngạn
Minh nguyệt hà thời chiều ngã hoàn.*

Bài dịch của ông Đào-Trình-Nhật :

*Qua Châu, Kinh-Khẩu một sông
Chung sơn cách núi mấy trùng tro
Giang Nam xuân lại xanh bờ
Đường về, nào biết bao giờ trăng soi !*

Mấy câu tả cảnh không những đã đẹp như vẽ, mà bức tranh còn ẩn ức biệt bao cảm tình. Từng chữ từng câu đã được chọn lựa thích đáng, tên núi tên sông cũng được ký chú rành mạch.

Phải chăng đó là đặc điểm của nhà thơ thích chính-trị ?

Nhưng chỉ :

*Minh nguyệt hà thời chiều ngã hoàn
Đường về nào biết bao giờ trăng soi.*

Một câu kết trữ tình, để cập tới một hoài cảm băng khuâng, vừa lưu luyến, vừa hẹn hò nhưng biết bao thanh thoát, khiến người đọc thấy rung chuyển, thầy bối rối...

Và cái câu cuối cùng chứa chan tình cảm cao nhã ấy đã khiến người ta như cảm thấy ba câu tả cảnh trên mờ đi và xa cách hẳn. Có nó để dẫn đường cho khách tới một khung cảnh mà *gió là tình nhớ, trăng là tình thương, cây cỏ núi sông là tình yêu rộng rãi khoáng khoáng*. Đến được lãnh vực ấy, khách nhàn du thấy lòng rộng mở, bối hởi ngơ ngẩn, dạt dào xúc cảm, hẳn không thể nào còn nhớ được đường đi ngõ đến. Thành ra trong bài thơ, tất cả những sắp đặt, những ghi chú, những mô tả trong ba câu trên của một khối óc «áng suốt, tính toán, thiết thực đã bị một câu dưới trùm lấp...

Tâm thẳng trí !

Cái thẳng trong lãnh vực nghệ thuật đã giữ được giá trị cho nghệ thuật.

Nếu bài tuyệt cú của họ Vương, câu thứ tư cũng chỉ được viết với cùng một luận điệu như những câu trên, những nét vẽ vô hồn, thì có lẽ bài thơ cũng bị mai một từ lâu rồi.

Ngắm một bức tranh và nét vẽ điêu luyện, cảnh sắc mờ phỏng như hết nhưng không gọi cho người ngắm một dư ba gì về hoài cảm thì cũng nhạt nhẽo như những bài thơ đọc lên kêu vang vang mà tâm hồn người thường thức vẫn thầy tro tro không hề rung động.

Nhìn những bức tranh ấy, nghe những bài thơ ấy, nếu ta không đến nỗi là bọn tục tử hần ta cũng phải cảm thấy rằng tác giả của nó chưa phải là nghệ sĩ, hoặc giả chưa có tâm hồn nghệ sĩ.

Nhưng đọc thơ của họ Vương, ta thấy Vương đạt dào cảm xúc của người nghệ sĩ giàu tâm hồn.

Ta có thể kính phục về tài chính-trị của Vương, nhưng với tâm hồn nghệ-sĩ của Vương, ta thấy yêu Vương hơn nhiều.

Wương gần với ta hơn, gần ở rung cảm âm áp của tình cảm mà không phải ở phân tách lạnh lùng của trí tuệ.

Như thế hẳn ta lại phải băn khoăn tự nhủ rằng chính trị không xung khắc với nghệ thuật

và rất có thể người ta vừa là nhà chính khách lỗi lạc đồng thời lại kiêm cả nhà nghệ sĩ giàu tình cảm.

Thực ra, trên thực tế sự kiện ấy không thể xảy ra được.

Khi ta còn thầy các luật gia không ưa làm thơ, không thích thưởng thức thơ thì ta cũng không lạ gì khi thầy các nhà thi-sỹ không thể kiêm luật học được.

Trường hợp của Vương-An-Thạch ở đây đã chứng thực điều ấy, vì xét đến căn đề, họ Vương chỉ là một nhà nghệ sĩ. *Nghệ-sĩ cả ở phương diện làm chính-trị.* Với tâm hồn nghệ sĩ nên Vương mới có những ý tưởng biện pháp đột ngột tài hoa, và lại cũng vì những lỗi biện pháp nghệ sĩ ấy mà hiệu quả của nó đã chẳng thực hiện được đúng như ý nguyện.

Nếu chỉ đứng ở lãnh vực văn nghệ không thì chắc Vương không bị những nỗi đắng cay vì sự thất bại của biện pháp. *Wương đã ngộ nhận mình là một nhà chính trị,* trong khi tâm hồn mình còn chứa chan những rung cảm của một nhà nghệ-sĩ.

Không những Vương tự ngộ nhận mà người đời xét Vương cũng ngộ nhận như thế.

T. Đ. K.

SẢN - PHẨM NHỰA HÓA - HỌC

VIETNAM INDUSTRIAL CORPORATION

VIỆT - NAM CÔNG - NGHIỆP CÔNG - TY

Xưởng :
57, đường Lê-Quốc-Hưng
Khánh-Hội - Saigon
Đ. T. 611 Sg.

Văn phòng
117, đại-lộ Lê-Lợi
Saigon
Đ. T. 20.652

CHUYÊN SẢN - XUẤT :

POLYETHYLENE BAG
FLEXIBLE PIPE
VINYLON
VINAFILM
POLYFILM

Bao kiến dẻo (Túi Nylon)
Ống dẫn nước loại đen
Giấy cước Nylon Monofilament
Vải áo mưa P. V. C.
Vải kiến dẻo Polyethylenc

Những sản-phẩm này, đã được sự tín nhiệm của khách hàng trong nước.

TRONG lịch-sử điều-tra về chất nổ, người ta phân biệt ra 2 loại nổ :

— Những hiện tượng «nổ» không phải là hậu quả của những cuộc phản-ứng-hóa xảy ra trong thành phần vật chất (explosions physiques).

— Những hiện tượng «nổ» căn cứ vào những nguyên nhân hóa học làm biến đổi thành phần của vật chất (explosions chimiques).

Người ta giải thích các hiện-tượng «nổ», cho rằng đó là hậu quả của một cuộc biến cải đột ngột xảy ra trong trạng thái của vật chất : ví dụ một vật thể đang ở trong tình trạng cứng hoặc là lỏng, khi bị ảnh hưởng một nguyên-nhân ngoại lai nào đó làm biến ra thành hơi, khối hơi này sẽ phân tán ra trong không khí với một sức mạnh gây ra các sự phá hoại vật chất trên đường hơi ấy bị thổi đi.

Chúng ta thường nghe tin tức về tai-nạn nồi sốt-de nhà máy bị nổ làm chết nhơn-công bởi người đốt lửa không thăm dò đồng hồ an-toàn để dập tắt lửa khi cần ; những tai nạn bình chứa hơi acide carbonique, oxy, hydro, butane, acétylène... bị nổ bởi bình chứa đã cũ không còn đủ sức chịu đựng đối với áp-lực hơi nhất bên trong bình. Các trường-hợp nói đây xét ra không phải là hậu quả thật sự của những cuộc phản-ứng hóa học xảy ra bên trong thành-phần chất sanh ra các vụ nổ.

Trong các vụ «nổ» bởi một nguyên-nhân xếp về phương diện hóa học, người ta chia ra :

— Những cuộc phân ly chất thường (les dissociations simples) theo nguyên-tắc các cuộc phân ly chất để trở về tro bụi thì phát sanh ra các lượng nhiệt-năng lớn lao đáng kể (trường-hợp bom nguyên-tử nổ).

— Những cuộc «Nhiên-thieu» (les combustions), là nguyên-nhân thường của đại đa số các vụ nổ đã xảy ra.

ĐIỀU TRA VỀ

CÁC VỤ NỔ THƯỜNG - THỨC

NGUYỄN - CÔNG - CHÁNH

Việc thiêu chất đòi phải có sự hiện diện của một chất cháy (présence d'un combustible) và sự hiện diện của một chất thứ hai, khi hóa-hợp với chất kia, thì làm bởi giúp duy trì được sự cháy chất (présence d'un comburant).

Những chất cháy được có rất nhiều trong vũ trụ, còn loại chất để môi lửa cho cháy, thì thuộc về thiếu số, ví dụ như : oxy, chlore, lưu hoàng, iode và các hợp-chất chứa nhiều oxy (les corps très oxydants).

Hai loại chất kể trên (làm cháy và bị cháy) có thể ở trong tình-trạng thiên-nhiên hòa-hợp lại, hoặc là được chế thành hợp-chất nhơn - tạo chiếu theo nhu cầu kỹ - thuật.

Trong kỹ-nghệ chế-tạo hóa-phẩm và các chất nổ (explosifs), người ta rất dè dặt tránh, không cho một thể chất có tính làm cho cháy với một thể chất cháy được tiếp-xúc nhau vì việc phối hợp 2 loại chất ấy được coi như là việc rất nguy hiểm (gây sự nổ).

★

SÁCH « Le Feu et ses dangers » của soạn-giả R. J. DUMONT có đề-cập đến vấn-đề một số lớn các bụi bậm (certaines poussières) được coi như là nguyên-do đại-khái của những vụ nổ được ghi chép. Nhà chuyên-môn này giải thích rằng trong một bầu không-khí khô ráo, những hạt bụi nhỏ có thể rút lấy dưỡng-khí mau lẹ của không-khí và sau những cuộc va chạm liên tiếp nhau sẽ làm nảy sanh ra điện ; điện này làm cho bụi bậm nói trên có thể tự phát cháy lên thịnh-linh. Người ta kết-luận rằng cuộc oxyt-hóa chất bụi do bởi oxy có trong không - khí trời có hậu quả làm chất bụi biến thành thể - chất cháy và nổ được.

Việc phát hỏa của 1 chất nổ khởi đầu từ lúc gặp một ngọn lửa đèn hoặc một tia lửa xẹt ra giữa 2 khối chất chứa điện âm và dương, trong một bầu không-khí có đủ số oxy để cháy.

Các thứ bụi-bậm cháy mà người ta được biết nhiều hơn hết, là các loại sau đây : bụi aluminium, bụi tinh-bột (amidon), bụi gỗ (bois), đồng đỏ (bronze), bột cacao, bụi than (charbon), bụi xác bông-gòn (coton) và hồ-tinh (dextrine), bụi cây mốp (liège), bụi giấy (papier), mật cưa, đường cát (sucre), bột magnésium và tất cả các thứ bụi chất có tính-cách tự phát hỏa lấy nó được, không cần có ngọn lửa mồi, ví-dụ chất nhựa sống chẳng hạn (les poussières de tous les produits à combustion spontanée).

Bởi các lý-do nêu ra trên, người ta đã chứng-kiến các cuộc hỏa-hoạn xảy ra trong nhà máy đường, xưởng cưa, xưởng giấy, lò bột, lò bánh, và các vụ nổ trong hầm mỏ than ; trường-hợp sau cùng này thường xảy ra ở các hầm mỏ mà người thợ đào mỏ bất cẩn không dùng đèn có bọc lưới, khiến cho bụi than gặp lửa đèn bị cháy nổ.

Người ta có ghi chép một vụ nổ kỳ lạ do một thợ làm bánh gây ra khi bất cẩn làm đổ xuống đất 1 bao bột mì ; rồi bột bay lên tứ phía trong căn phòng dùng làm lò nướng bánh ; lửa ngọn bốc cháy bột bay lên và gây ra một cuộc nổ dữ-dội tại nơi đó.

Có đôi khi không cần phải đến ngọn lửa để bắt cháy ; người ta cho rằng việc xay bột trong cối xay, việc chế-tạo nhôm, bột magnésium, bột kẽm trong các xưởng kỹ-nghệ cũng gặp các sự nổ phá hoại khi có những phần tử nhỏ của các chất bột nói trên, rủi ro bị thấm dầu mỡ (chất cháy) trong khi máy chạy, rồi những bụi dính dầu mỡ dễ bị oxyt-hóa trong không khí, đến khi tự phát cháy lấy.

Trong các nhà máy lớn, người ta để ý tới các sự động-điện gây ra nhiệt bởi các sợi dây trần bằng da hay bằng cao su kéo những bánh trôn bằng gan hay thép, với tốc-độ trên 3 thước mỗi giây đồng hồ (tốc-độ cho là nguy-hiểm), vì sự cọ xát giữa dây trần và bánh trôn sanh ra điện.

Những cối xay chạy bằng động-cơ điện dùng để nghiền nhỏ thành bột những chất ví-dụ như là kính, ébonite, đá xanh là những chất cách điện (corps isolants), có thể nạp điện cho những phần chất này đang ở trong cối xay, theo nguyên tắc sanh ra tĩnh-điện, như là khi bộ phận « collecteur » đóng chất dư cùng là mòn khuyết không đều rồi hết tròn.

Một miếng thép, một cây đinh, một con ốc sắt vô tình rớt vô cối xay đang chạy cũng gây ra được những tia lửa xẹt ra bất thường, làm cháy nổ bụi trong nhà máy xay.

Sau hết người ta có ghi chép trường-hợp một động-cơ chạy thiếu dầu, phát nhiệt ở các bộ phận gối đầu cho trục máy ; rồi từ các chỗ này, bụi đã đọng lên đó từ lâu rồi phát cháy lên trước và lửa loang rộng ra tới các luồng bụi đang bay trong không-khí chung quanh đó.



CÁC cuộc điều-tra khoa-học về những chất cháy loại « hydrocarbures » như (dầu xăng, dầu hôi và các, chất chuyển-hóa, đem lại sự hiểu biết thêm về mặt kỹ-thuật vận dụng như sau đây) :

Các chất « hydrocarbures » lỏng được kể như là những chất « cách điện » hoàn toàn (excellents isolants électriques).

Vì tính chất ấy, thành-phần những loại chất lỏng này dễ thấm hút những lượng tĩnh-điện đáng cho chúng ta chú-ý trong các công tác di chuyển hoặc rót sang sót từ một chỗ này qua thùng chứa đựng khác, vì một tia lửa điện phát ra thỉnh thoảng có thể làm cháy và nổ nhiều ngàn lít dầu nhay lửa.

Ông Blandin, tác-giả quyển « Les éléments des risques d'incendie et d'explosion et de leur prévention » có giải thích rõ về những điều kiện làm sanh ra loại tĩnh điện (électricité statique) vừa nói trên. Ông cho rằng trong khi đổ một chất lỏng như dầu xăng là chất ít dẫn điện (liquide mauvais conducteur) cho chạy trong một ống sắt (ví dụ ống dẫn dầu), lượng tĩnh điện sanh ra sẽ có theo tỷ-lệ nhiều hay ít, tùy theo những điều kiện kể ra sau đây :

— tốc-độ của dầu chảy đi trong ống (vitesse d'écoulement)

— đường kính của ống dẫn dầu (diamètre du tuyau)

— thành-phần ống dẫn dầu, bên trong mặt ống trơn láng hay gờ-ghề (aspect de la paroi du conduit lisse ou rugueux)

— tính kháng-điện nhiều ít của chất dầu di-chuyển (résistivité du liquide).

Các trường-hợp trên đây được coi như có sự dính liú với định luật OHM qui-định về điện-thế, cường-độ và điện-trở trong một mạch điện.

Căn-cứ theo sự trình bày trên đây của Ô. BLANDIN, người ta đoán ra được rằng trong một ống dẫn dầu lớn về đường kính và có mặt phía trong trơn láng, khi chuyển sang 1 loại dầu ngang ống loại ấy, thì dầu chảy dễ không gặp sự trở ngại nhiều trong khi chảy đi, không bị văng phí ra mất bớt đi, không bị biến thành hơi (dễ cháy) và như vậy có thêm một phần sự bảo-đảm an-toàn về mặt gây ra cường-độ điện có thể làm phát cháy thỉnh linh. Giống như sự áp-dụng cho kim-thu-lôi của FLANKLIN (paratonnerre), tác-giả Blandin có nghĩ đến việc gắn đầu ống dẫn dầu bằng một mạch dẫn điện lớn cho dính liền xuống đất (ligne de terre).

Trong trường-hợp rót dầu sang qua những thùng chứa đựng khác, tác-giả BLANDIN có nhắc lại phương pháp khử trừ các khối tĩnh-điện, bằng cách nối liền 2 thùng chứa dầu bằng một mạch điện; làm như vậy, hai thùng chứa dầu giữ được sự thăng bằng hoàn toàn về mặt điện-thế (même potentiel électrique); điện không chạy đi tất nhiên là vô hại! Trong vấn đề tế nhị này, ví-dụ trong công-tác sang dầu xăng vô một camion-citerne hoặc một wagon-citerne, nếu dùng đến một ống cao-su, các chuyên-viên cho tra thêm vô 2 đầu ống này những khâu sắt hay đồng (dẫn điện) và nối liền những khâu ở 2 đầu ống bằng một dây dẫn điện cuốn theo hình ruột gà làm sườn cho ống dẫn dầu thêm cứng và không xếp lại.

Ngoài ra để tránh cho thùng xe chuyên-chở xăng hoặc chuyên chở các loại chất dễ cháy lửa khác, hiện tượng tự thân điện vô trong khi xe chạy (charge électrostatique), vì trong khi xe chạy có sự chà xát (frottement) giữa chất dầu trong thùng chứa và mặt phía trong thùng chứa, sự chà xát bánh xe cao-su lăn trên đường tráng nhựa, những nhà chuyên chở cần thận thường cho gắn thêm một dây chuyên loại dẫn điện giữa thùng xe và cho lồng thùng tiếp xúc với mặt đất để cho điện rút đi khỏi xe bằng lối chạy tản xuống đất.

Đối với các cuộc vận dụng thùng đã dùng chứa đựng dầu xăng, hoặc các chất chuyển hóa thuộc về dầu hôi có tính cháy lửa, được biết luôn luôn phải coi chừng còn chất xăng dính lại trong các cạnh góc thùng, hoặc bị nhốt lại trong những lỗ nhỏ phía trong thùng chứa, hoặc là trộn lẫn lộn vô phần cặn đóng lại dưới đáy thùng. Công việc cạo sạch thùng là một công việc phải thực hành với nhiều ý tứ; vì chất xăng còn dính lại như đã nói trên được phóng thích ra và biến thành hơi nổ (mélange détonant). Để tránh sự rủi ro có thể xảy ra được, người thợ phải dùng những khí-cụ

bằng đồng hoặc bằng nhôm để cạo chất dư bẩn, tránh dùng cây cạy và cây cạo bằng sắt; chất sắt có thể đụng chạm mạnh làm nổ lửa ra và châm mồi cho hơi nổ có sẵn ở chung-quanh chỗ để thùng chứa xăng và người công nhân đang làm việc.

Để thấy được các sự tai hại quan-trọng đáng tránh, Ô. MURAUOUR kỹ sư chuyên môn về chất nổ có cho biết rằng: 1 kilô dầu xăng (essence de pétrole) đốt cháy phát ra một lượng nhiệt-năng phỏng độ 11.000 calories.

Nếu chúng ta dùng dầu xăng ấy để đốt đèn thì nhiệt-năng sẽ phát ra chậm chậm và lẫn hơi phân tán ra trong không-khí chung-quanh ngọn đèn. Bây giờ, nếu ta muốn áp-dụng số 11.000 calories ấy dưới một hình thức khác, ví-dụ cho nổ một lần, thì chúng ta cho trộn xăng ấy với đủ số oxy và đem mồi lửa cho cháy.

Số xăng cháy sẽ biến thành một khí-thể hỗn-hợp gồm có gaz carbonique và hơi nước, bị đốt nóng lên tới nhiệt độ 4.000 độ Centigrade. Tính ra sức nổ này gây ra được những áp-lực có tính phá-hoại đi tới số cả trăm ngàn tấn cho mỗi phân vuông (pressions locales de l'ordre de centaines de tonnes par cm²). Đem so-độ thử sức nổ của các loại « hydrocarbures liquides » với các thuốc nổ, được thấy thuốc nổ kể ra sau đây có phần yếu hơn các loại nhiên liệu nói trên.

Đem thí-nghiệm 1 kilo thuốc nổ dinitroglycérine, là một thứ thuốc nổ loại mạnh, sức nổ phát ra nhiệt-năng 1485 calories.

1 kilo mélinite (acide picrique) nổ sẽ phát ra nhiệt-năng ước lượng 1030 calories.

1 kilo tolite (trinitrotoluène) nổ sẽ phát ra nhiệt năng ước lượng 1016 calories. (1)

Việc khác nhau ở các sức mạnh các khí-thể cháy nổ và các thuốc nổ là:

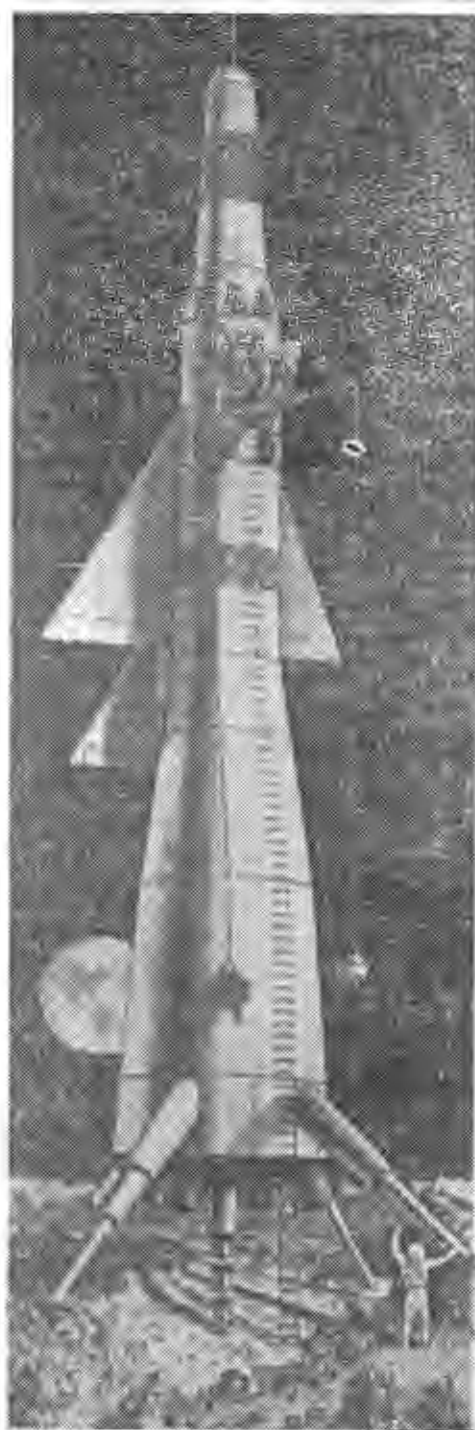
— các khí-thể nổ và các bụi bặm nhiễm oxy trong không-khí, khi cháy nổ gây ra những áp-lực tứ tán (explosions diffuses).

— Các chất thuốc nổ lại có tính cách đặc biệt gây ra được trong nháy mắt một sức nổ tập trung (explosions concentrées) có sức phá hoại tương đối nhiều hơn các loại kia.

(Nghiên-cứu theo các tài-liệu CSKH)

N. C. C.

(1) Đơn vị calorie nói ra nhiệt lượng cần dùng để nấu nóng được 1 gramme nước lên 1 độ centigrade.



L Ê N CUNG TRĂNG

★ NGUYỄN - ĐẠI

TAI miền Nam mũi Canaveral, người ta vừa lựa chọn được một hòn đảo nhỏ làm căn cứ để thực hiện dự án dự phòng cho một phi thuyền có chở một toán chuyên gia Mỹ lên Cung Trăng rồi lại trở về trái đất. Đó là hòn đảo Merritt, một hòn đảo nhỏ ở miền Nam Tiểu Bang Floride với những điều kiện địa dư mà người ta cho là gần giống

như trên mặt trăng vậy. Đây là một dự án vẫn từng được các nhà bác học Mỹ nghiên cứu và ngày đêm cặm cụi trong phòng thí nghiệm để thực hiện cho kỳ được. Đã có nhiều kẻ ước nhỏ trị giá tất cả lỏi 200 triệu Mỹ kim trích trong một ngân khoản khổng lồ 20 tỷ Mỹ Kim đã được ký kết với các công ty kỹ nghệ đủ loại để đóng con

thuyền không gian Apollo và các hỏa tiễn Saturn dùng vào công cuộc phóng này.

Các nhà bác học Mỹ đã dự định năm 1968 sẽ là năm phóng phi thuyền đi. Từ nay đến đó, Mỹ sẽ tiếp tục phóng, cứ hai ba tháng một lần, những con tàu không gian có người lên quỹ đạo trái đất để nghiên cứu, tương tự như những chuyến phóng các phi hành gia John Glenn, Carpenter, Scott và Schirra. Đã có nhiều phi hành gia không gian được tuyển lựa và trong những năm tới người ta sẽ tiếp tục tuyển lựa mỗi năm thêm chừng 5 người để huấn luyện. Đồng thời, trong các công xưởng của công ty North American Aviation ở Cựu Kim - Sơn, phi thuyền Apollo đang thành hình với những bộ phận đang được đóng dở.

Người đứng điều khiển chương trình thám hiểm mặt trăng của Mỹ trong Cơ Quan Quản Trị Hàng Không và Không Gian Quốc Gia (NASA) cho biết trong vòng 9 năm tới đây, cơ quan NASA sẽ tiêu hết một số tiền là 10 triệu Mỹ Kim mỗi ngày để đạt tới mục đích mong muốn. Ông còn lại nhân mạnh rằng số tiền này sẽ được chi tiêu ngay trên mặt đất này chứ không phải ở trên cung trăng. Một lực lượng 435.000 người cả nam lẫn nữ giới gồm toàn kỹ sư, chuyên viên thợ máy, nhân viên văn phòng sẽ được động viên trong khuôn khổ cơ quan NASA hay trong các cơ xưởng kỹ nghệ tư nhân để công tác. Ngoài ra, lại có tới hơn 10.000 cơ sở hay các hãng tư sẽ cùng hoạt động để thực hiện chương trình khổng lồ có một không hai trong lịch sử 2000 năm của nhân loại.

NHỮNG KHÓ KHĂN PHẢI VƯỢT QUA. Mặc dầu khả năng,

kinh nghiệm của tất cả các nguồn nhân lực kể trên, cũng vẫn còn có những vấn đề mà người ta cho là nan giải trong công cuộc bay lên cung trăng. Nhưng những bộ óc kỳ tài nhất của thế kỷ 20 đang cố công tìm cách giải quyết. Từ những chương trình huấn luyện phi hành gia, dự liệu các đồ phụ tùng hay các bộ phận hư trong phi thuyền cần được thay thế trong khi bay, việc kiểm soát phi thuyền trong suốt 60 tiếng đồng hồ bay cho đến các công việc phải làm khi lên tới mặt trăng trong thời gian ở lại đó từ 1 đến 3 ngày và rời cung trăng để đưa phi thuyền trở về trái đất, tất cả những công việc đó được sắp đặt xong xuôi. Tuy nhiên vẫn còn những sự khó khăn khác chưa được giải quyết xong. Ví dụ làm cách nào cho phi thuyền Apollo nặng 68000 ký cất cánh dễ dàng và đạt được tốc độ vượt khỏi hấp lực là 40.000 cây số một giờ? (Người ta nhớ rằng phi thuyền Ranger III được phóng hồi đầu năm nay và đã đi chệch khỏi mặt trăng mất 30.000 cây số, cùng phi thuyền Ranger IV phóng đi ngày 23 tháng 4, đều chỉ cân nặng, cái thứ nhất 329,5 ký và cái thứ nhì 331 ký mà thôi.)

Về vấn đề này, Hoa kỳ đã tính sử dụng hai phương pháp khác nhau: Một là chế tạo một loại hỏa tiễn cực kỳ mạnh, cao bằng ngôi nhà 30 tầng để phóng đi. Người ta vẫn không tin chắc ở phương pháp này lắm. Phương pháp thứ hai được coi là tiện lợi hơn, là dùng trạm để ghép hỏa tiễn không gian, tức là phương pháp đưa trước vào quỹ đạo một hỏa tiễn để làm trạm tiếp vận, còn phi thuyền sẽ được một hỏa tiễn khác đưa vào cùng quỹ đạo ấy sau đó. Muốn như vậy,

phải có một sự chính xác tuyệt đối khi khởi phóng hỏa tiễn. Muốn lên tới mặt trăng, phi thuyền phải đạt được một tốc độ là 6 dặm 84 một giây đồng hồ hay là 25.000 dặm một giờ. Người ta có thể chế tạo những hỏa tiễn mạnh và cao bằng những ngôi nhà chọc trời cao nhất để phóng phi thuyền Xưa kia, người ta đã tính đến việc dùng những hỏa tiễn có nhiều tầng. Tầng thứ nhất sẽ đưa phi thuyền lên tới một độ cao 40 dặm. Tầng thứ nhì đến đó sẽ khai hỏa và đẩy hỏa tiễn đi nhanh hơn. Rồi đến lượt tầng hỏa tiễn này rơi ra và tầng thứ ba khai hỏa đẩy phi thuyền tới tốc độ cần thiết là 25.000 dặm. Tầng thứ ba này sẽ ở liền với phi thuyền trong suốt đoạn đường lên tới mặt trăng. Khi tới nơi, các hỏa tiễn phụ sẽ được cho khai hỏa để làm cho phi thuyền chạy chậm lại, đuôi đổ xuống trước. Tầng hỏa tiễn thứ tư sẽ được khai hỏa để bắt đầu bay trở về trái đất. Mặc dầu tất cả mỗi bộ phận đều được điều khiển bằng máy tự động, phi hành gia ngồi trong phi thuyền vẫn có thể không cần đến những hệ thống điều khiển tự động đó mỗi khi thấy có sự trục trặc. Các đài vô tuyến và radar ở dưới đất mỗi giây đồng hồ đều theo dõi đường bay của phi thuyền và luôn luôn dùng điện tử để điều khiển phi thuyền cho đi đúng đường bay dự định. Các bộ phận trên phi thuyền cho biết rõ một cách chắc chắn vị trí của phi thuyền phải như thế nào. Nó luôn luôn so sánh hiện tại của phi thuyền với vị trí mà lẽ ra phi thuyền phải theo, nghĩa là cho thấy rõ sự khác biệt ấy lên trên tầm kính ở trước mặt phi hành gia để phi gia điều chỉnh lại.

Lại còn vấn đề đáp xuống

mặt trăng cũng là một vấn đề hết sức khó khăn. Mặt trăng ở cách xa trái đất 239.000 dặm và vận chuyển trong không gian với tốc độ 2300 dặm một giờ. Nếu ta phóng phi thuyền lên thẳng hướng mặt trăng, thì khi lên tới nơi, nó sẽ bị cách mặt trăng, 140.000 dặm so với lúc khởi phóng đi khỏi mặt đất. Lại nữa, chúng ta phóng phi thuyền đi không phải từ một vị trí cố định, mà là ở trên mặt trái đất vẫn vận chuyển trong không gian với một tốc độ 66.600 dặm một giờ, và lại xoay quanh mình nó với một tốc độ 100 dặm một giờ (ở xích đạo). Do đó muốn lên tới được mặt trăng, cần phải kiểm soát luôn được tốc độ của phi thuyền một cách thật chính xác, và không phóng phi thuyền lên đúng chỗ mặt trăng đang đứng, mà chỗ mặt trăng sẽ đi tới sau đó 61 tiếng đồng hồ. Phi thuyền phải cất cánh khỏi trái đất và bay đi theo chiều hướng từ tây sang đông, vòng quanh trái đất để nhắm trúng mặt trăng trong 61 tiếng đồng hồ sau. Vì mặt trăng nhỏ hơn trái đất nhiều, nên trọng lực của nó cũng ít hơn. Cho nên phi thuyền phải đi lên, vượt khỏi sức hút của trái đất, rồi chạy chậm dần lại. Tới khi được 9 phần mười đường bay rồi thì phi thuyền sẽ chỉ còn một tốc độ là 1000 dặm một giờ. Một khi vượt qua được giới hạn trọng lực từ điểm đó thì phi thuyền sẽ bắt đầu rơi xuống mặt trăng (vẫn còn cách xa nó những 23.000 dặm) và đã rơi cứ dần dần nhanh mãi lên. Trên mặt trăng không có bầu không khí như ở dưới đất để điều hòa hay cản bớt sức nóng của mặt trời.

Khí hậu trên mặt thay đổi từ 250 độ trên không độ ở nơi tiếp

(xem tiếp trang 30)

LÊ - NINH

GIÁN - ĐIỆP I LÀNH TIỀN C

Sưu tầm của M V 21

L. T. S. Có ai ngờ được là LÊ - NINH, Chúa Đò lãnh đạo cuộc cách mạng vô sản tháng 10 năm 1917 tại Nga là một tay sai gián điệp đã lãnh tiên của Đức ? Và cuộc cách mạng tháng 10 này chỉ là kết quả tất nhiên của kế hoạch làm suy yếu nước Nga của tay chúa trùm mật vụ Đức là Đại-tá NICOLAI, bậc thầy của Đô-Đốc CANARIS trong thời Thế chiến thứ nhất. Lénine đã làm gián điệp cho ngoại quốc, cũng như sau này bọn lãnh-tụ Đông-Dương Cộng-sản đảng đã làm gián điệp cho thực dân giết hại những người cách mạng quốc gia và phân bội Tđ-Quốc Việt-Nam.

KHI Thống Chế Von Falkenhayn bị tước quyền chỉ huy tối cao quân đội, được Thống Chế Hindenburg và Tướng Ludendorff lên thay, Trung-Tá Nicolai nhận thấy đã đến lúc phải hành động : tiến hành cuộc cách mạng lật đổ chế độ Nga-Hoàng-Một « Ủy ban tối cao bí mật » được triệu tập dự ý kiến của Nicolai tại Cambrai ngày 17 tháng 9 năm 1916, dưới quyền chủ tọa của Tướng Ludendorff. Trong cuộc hội họp bí mật này, người ta nhận thấy sự có mặt của Tướng Von Bartenwerffer, Đại-tá Bauer, Trung-tá Nicolai, Kỹ-nghệ gia Krupp Von Bohlen-Halbach, nhà lý tài kiêm chuyên chở hàng hải Von Bary và viên Giám Đốc Ngân-hàng Arthur Von Gwinner. Với sự có mặt của Đại-Tá Bauer, chỉ huy trưởng An-Ninh Quân-đội, có cả cảnh sát trưởng Woegelé, tùy viên của bộ Tổng Tham-Muru Quân-Đội Đức.

Cuộc hội họp này ngoài mục đích thành lập « Ủy ban tối cao bí mật » — một tổ chức vẫn tiếp tục hoạt động sau khi thế chiến thứ I chấm dứt — còn nhận xét tình thế

càng ngày càng bi-đát của nước Đức và nếu muốn cứu vãn cần phải xúc tiến cuộc cách mạng tại các nước địch, nhất là Nga. Ủy ban bí mật đã ra lệnh cho Tướng Von Bartenwerffer và Trung-tá Nicolai thi hành lập tức công tác này mà không cần báo cáo với Hoàng Đế Guillaume II và nhiều nhân vật của Triều đình. Đây không phải là lần đầu tiên mà Hoàng Đế Guillaume II bị đặt ra ngoài các quyết định quốc sự quan trọng, Guillaume II vẫn than phiền rằng từ khi lên ngôi ông vẫn bị Quân đội vượt quyền luôn. Ông đã từng cố gắng củng cố và duy trì quyền hành của mình nhưng ông còn trẻ và hay nóng nảy. Ông nhận thấy bất lực trước thế lực của đám quân phiệt mặc dù ông vẫn tìm cách đặt ý kiến riêng của mình hợp với quyền lợi của Quốc-gia.

Trong buổi họp, Tướng Ludendorff đã cho biết Đức đang có 137 Sư-đoàn tại mặt trận Nga và 83 Sư đoàn khác tại các mặt trận phía Tây và từ đây đến một năm sau Đức sẽ thành lập thêm 50 Sư-đoàn mới.

Nếu Đức gây được cuộc cách mạng tại Nga để loại nước này ra khỏi vòng chiến thì có thể để lại tại mặt trận này lối 40 Sư-đoàn chiếm đóng và tiếp tục huấn luyện, còn bao nhiêu dồn sang mặt trận phía Tây.

Như vậy với quân số từ 220 đến 230 Sư-đoàn, Đức sẽ đánh bại được các địch thủ Tây-phương.

Tướng Ludendorff còn thêm rằng : « Việc cứu vãn được miền Đông Phổ là công của cơ quan Mật-vụ và gián điệp của Trung-Tá Nicolai. Nhưng hiện nay thì Bộ trưởng chiến tranh của Nga là Sukhomlinov và nhiều cộng sự viên của ông đang làm việc cho chúng ta không thể giúp chúng ta được nữa. Cơ-quan gián-điệp của ta mặc dù đạt được nhiều thành tích, đã bị thiệt hại nhiều về nhân mạng. Lực lượng Nga vẫn còn hùng mạnh và có thể gây cho chúng ta nhiều thiệt hại. Vậy cần phải hành động gấp để loại Nga ra khỏi vòng chiến. » Cuộc thảo luận không kéo dài, sau vài ý kiến của kỹ nghệ gia Krupp và sự trình bày tình hình tài chính của Von Gwinner, Tướng Von Bartenwerffer và Trung-tá Nicolai nhận chỉ thị hành động.

Trung-tá Nicolai bắt đầu đến Bá-Linh gặp viên Trung-Ủy Bauermeister, chuyên viên của ông về các vấn đề nội bộ Nga và viên Giám-đốc xí-nghiệp A.G.E., (1) tên Deutsch. Với viên giám-đốc xí-nghiệp này, Nicolai nói chuyện

HÀNG HAI CỦA ĐỨC

(Tiếp theo Bản Dân số 33)

rất lâu, câu chuyện không ngoài vấn đề tìm cách giúp đỡ tài chánh cho các tay cách mạng lưu-vong của Nga, vì ai cũng biết tên Deutsch là anh rể của nhà Ngân hàng Hoa-kỳ danh tiếng Otto Kuhn.

Ngày 11 tháng 9 năm ấy, Nicolai và Bauermeister với giấy tờ thông hành có tên giả là Mechelsen, bác sĩ y khoa và Miller, một nhà hóa học, vượt biên giới để sang Thụy sĩ. Hai người có nhiệm vụ chính thức của Hội Hồng - Thập-Tự Đức đến thành phố Bâle và Berne, thủ đô Thụy sĩ, nơi đây họ ngụ tại tòa Đại sứ Đức một ngày. Qua ngày sau cùng với Bác sĩ W. Nasse và Đại úy Hagen, phụ tá tùy viên quân sự, họ đến thành phố Fribourg để gặp Thiếu tá Von Bismarck, tùy viên quân sự Đức tại Thụy sĩ từ năm 1913. Với tư cách này, Von Bismarck chỉ huy gián điệp Đức tại Thụy sĩ. Năm người liền đi đến Lausanne, nơi đây trong 3 ngày, họ gặp nhiều nhân viên gián điệp Đức trong số có một nữ gián điệp tên Seegmuller cùng nhiều người Nga của các giới cách mạng lưu vong. Trong các cuộc tiếp xúc liên tiếp này, Nicolai tổ chức và hoàn tất việc tiến hành cuộc cách mạng tại Nga.

Các tay cách mạng lưu vong Nga nhận được nhiều phương tiện quan trọng để khởi cuộc cách mạng. Gián điệp của Pháp, Cảnh sát trưởng Woegelé, theo dõi Nicolai và đã



Những ngày đầu của cuộc cách mạng tháng 10 — 1917
Trotsky (bên trái mặc quân phục) Staline (bên phải)

thông báo kịp thời cho Sở Giám điệp Pháp về hoạt động của cơ quan mật vụ Đức, và kết luận là Nicolai đang chuẩn bị cuộc cách mạng. Nhưng không hiểu vì lý lẽ gì, mà hình như ở Pháp cũng như ở Anh, các nhà cầm quyền không để ý đến các báo cáo của Woegelé và không thi hành những biện pháp đối phó.

Có lẽ vì Quân-đội Đồng Minh đang quá lạc quan mà các báo cáo về hoạt động xúi giục cách-mạng của Nicolai được xem như « những bản văn quái dị », do đó mà người ta không lấy làm ngạc nhiên khi hành động của Nicolai gây được nhiều tai hại một cách nhanh chóng.

« Ủy ban bí mật tối cao » được thành lập dưới quyền điều khiển của Tướng Ludendorff trong lúc Thống chế Hindenburg và cả Hoàng-đế Guillaume II cùng các nhà lãnh đạo chính-trị không hay biết, do đó mà Ủy-ban phải bị bắt buộc kêu gọi đến các nhà lý tài Đức và Hoa-kỳ. Vì làm sao sử-dụng hàng triệu bạc và thỏa mãn các nhu cầu về ngoại tệ để thực hiện một công cuộc cách mạng vĩ-đại, làm sao giải thích việc sử dụng

các số tiền to lớn ấy mà không báo cho các người được xem là cầm đầu nước Đức lúc ấy ? Và lại còn vấn đề tuyệt đối bảo vệ bí-mật quốc phòng ?

Với sự trung gian của Von Gwinner, các nhà lý tài Warburg ở Thụy - Điển và Jacob Schiff ở New-York được tiếp xúc, và chính Jacob Schiff là người đã cung cấp tài chính cho cuộc cách mạng Nga hồi năm 1905, cuộc cách mạng đẫm máu đã thất bại trong lúc Lê-Ninh đang ung dung sống ở Luân-Đôn.

Schiff, một tay tài phiệt, Giám đốc một nhóm Ngân hàng có thể lực nửa Đức nửa Hoa Kỳ, Ngân hàng « Kuhn, Loeb et Cie », Warburg thì có nhiều liên lạc tài chính tại Anh, Ba Tây, kết thân với bọn Loeb — Gwinner và kiểm soát nhiều chi nhánh ngoại quốc của Ngân hàng « Dresdner Bank », họ là những tay lý tài đủ

(1) A. E. G. : Allgemeine Electricitäts Gesellschaft, một xí-nghiệp to lớn sản xuất vật dụng điện hiện đang còn hoạt động tại Tây - Bá - Linh.

sức cung cấp tài chính cho Nicolai hơn cả Chính phủ Đức.

Đầu năm 1916, do sự trung gian của Grüntz, một tay gián điệp Đức vừa là điệp chỉ viên của Pháp, bác sĩ V. Nasse phụ tá tùy viên quân sự Đức tại Thụy sĩ đã giao cho tên Leiba Bronstein, được biết dưới tên Lev Trotsky, nhiệm vụ tuyên truyền tại Hoa Kỳ.

Bronstein - Trotsky, sau cuộc nổi loạn thất bại năm 1905 tại Nga đã rời bỏ xứ, chạy trốn sang Vienne, thủ đô Áo quốc. Tại Vienne, Trotsky được cấp giấy tờ vào tháng 12 năm 1914 để sang Thụy sĩ, và tại đây hắn vẫn làm việc cùng Von Bismarck tùy viên quân sự Đức. Tài liệu của Bismarck có nói rõ :

« Bronstein mà Vienne đã cho chúng tôi biết, là người có thể làm được nhiều việc, một trí thức nửa chừng có nhiều tham vọng, một diễn giả lỗi lạc có thể thu hút được quần chúng các nước dân chủ. Chúng tôi định dùng hắn để chống lại các kẻ địch. Nhưng cần phải theo dõi hắn. Riêng tôi, tôi tránh không trực tiếp gặp hắn. Nhân viên H.16 là trung gian tiếp xúc với hắn. Hắn là một kẻ vô thần nhưng can đảm hơn hết trong số những người Nga được chúng tôi sử dụng » (2).

Bronstein hay là Trotsky được Von Bismarck gửi sang Pháp một cách dễ dàng do sự chênh mảng của Bộ Nội Vụ Pháp. Hắn không những được nhập cảnh nước Pháp mà còn được tham gia vào ban biên tập của tờ báo đang có xu hướng chống Đồng Minh, tờ Naché Slovo. Các bài vở của Trotsky làm cho tờ báo bị Chính phủ đóng cửa vào năm 1916 đồng thời Trotsky cũng bị trục xuất ra khỏi Pháp. Hắn được đưa đến tận biên giới Thụy Sĩ và mặc dù có sự can thiệp tận tâm của Tòa Đại sứ Đức, Thụy-sĩ cũng từ chối không cho hắn nhập cảnh. Nước Pháp bắt buộc

phải đưa hắn sang Tây - ban - nha, nhưng hắn lại bị cảnh sát nước này bắt giữ và đưa sang Niu - Uớc, tại đây hắn được cơ quan của Nicolai giới thiệu cùng Jacob Schiff và các tay sai gián điệp Đức.

Năm 1917, tháng 4, Jacob Schiff không ngần ngại tuyên bố công khai cuộc cách mạng tháng 10 của Nga thành công là nhờ sự giúp đỡ tài chánh của hắn. Lời tuyên bố này quá đáng. Schiff có giúp đỡ tài chánh thật, nhưng không phải một mình hắn, mà còn có các tay tài phiệt sau đây : Félix Warburg, Otto Kuhn Mortimer Schiff, Jérôme H. Hanauer Guggenheim, Max Breitung... Nhưng đầu dây mối nhợ là do Nicolai, chúa trùm gián điệp Đức. Trong hoạt động xúi giục, tài trợ cách mạng Nga, Nicolai còn được không những sự biểu đồng tình của nước Anh mà còn được Anh giúp đỡ tích cực và kín đáo.

Đây là khía cạnh bi thảm nhất của vấn đề vì ai cũng biết lúc ấy Anh vẫn là đồng minh của Nga trong cuộc chiến đấu chống Đức. Bọn gián điệp với sự trung gian của các Ngân hàng quốc tế đã thành công trong việc thuyết phục nước Anh chống lại cái mà chúng gọi là « Đế quốc Nga ». Ai cũng biết rõ Anh là một nước hết sức thực tế và không vấn đề gì qua vấn đề quyền lợi, và lại Anh đã nhìn xa trong việc đồng lõa cùng Đức gây cuộc cách mạng tại Nga. Nhưng đối với một chiến sĩ đã từng tranh đấu trong trận thế chiến 1914-1918, đã từng sát cánh với người Anh mà họ được dịp biết đến tính tình ngay thẳng và dũng cảm, thiết là nã o lờng mà nhìn thấy Nicolai được sự ủng hộ của Chính - phủ Anh. Thái độ của Anh đối với Đồng - minh của mình là Nga lúc ấy có phải do vấn đề quyền lợi không ? Dù sao nó cũng là một sự phản bội. Người Anh chỉ

nghĩ đến quyền lợi riêng của họ và trọng vấn đề xúi giục cách mạng Nga họ viện cớ là không được biết đầy đủ chi tiết ? . . . Họ cho rằng họ bị áp lực của bọn tài phiệt Kuhn, Loeb et Cie, Warburg và nhiều nhân viên tình báo của họ tại Nga đã bị lừa ?

Có nhiều nhân vật ngoại giao cho rằng đã tìm thấy George Buchanan, Đại sứ Anh tại Nga, nhúng tay vào việc tổ chức cách mạng Nga, nhiều nhân viên gián điệp Anh đã phát tiền Rúp cho binh sĩ Nga để xúi họ làm loạn. Năm 1916 chính Nicolai cũng cho rằng « cuộc cách mạng Nga là công việc của Đức dựa vào sự kém hiểu biết chánh trị nội bộ của Anh về nước Nga ». Chúng ta khó tin lời của Nicolai được vì ai lại không biết khả năng của các cơ quan tình báo và gián điệp Anh quốc và nhất là sự khôn ngoan về chánh trị của các nhà cầm quyền Anh từ xưa đến nay.

Nicolai đã dùng Anh là nước địch của mình để phá hoại tinh thần quân đội Nga và trong công tác này

(2) Tài-liệu của hồ sơ số 1351 — P có dấu hiệu RIII b/B. B.



Thống chế Hindenburg



Guillaume II

nước Anh « sáng suốt » nhận thấy có lợi. Hai kẻ thù trở thành bạn trong một công tác vì cả hai đều có lợi.

Ngày 2 tháng 3 năm 1917, Ngân hàng Reichsbank của Đức đã chỉ thị cho tất cả các chi nhánh của mình tại Thụy - Điển như sau :

« Với chỉ thị này, các nhu cầu tài chánh về việc tuyên truyền hòa bình tại Nga phải được cung cấp từ Phần-lan. Các nhu cầu này do những người sau đây đòi hỏi : Lê Ninh, Zinoviev, Kamenev, Trotsky, Sumenson, Kolovsky, Kollontai, Sivers và Merkalin. Những người này, theo chỉ thị số 2754 đều phải được mở chương mục tại các chi nhánh ngân hàng Đức ở Thụy Điển, Na.Uy và Thụy - Sĩ. Các chi phiếu rút ngân phải có mang chữ ký của một trong hai nhà : Dirshau hay Milkenberg. Có một trong hai chữ ký này, các lệnh rút ngân của một trong số các người kể trên phải được thi hành tức khắc ».

Lệnh này được truyền ra trước ngày cuộc cách mạng Nga bùng nổ và những tay cách mạng Nga được kể trên đều đang lưu vong tít tẩn.

Sau một thời gian gián tiếp ủng hộ Chính phủ lâm thời Kerensky của Nga, một chính phủ giai đoạn sau khi Quốc Vương Nicolas II thoái vị,

Nicolai liền khởi thế công bằng cách tổ chức đưa về Nga tất cả các tay gây loạn mà từ trước đến nay do ông nuôi dưỡng hằng tháng.

Von Bismarck tại Thụy-sĩ nhận được chỉ thị phải tổ chức một chuyến xe đặc biệt mà các nhân viên của Nicolai sẽ kiểm soát tại biên giới Đức và theo dõi suốt khoảng đường ngang qua nội địa nước Đức. Đó là chuyến « xe lửa đỏ » mà người ta thường nhắc đến. Ngoài số binh sĩ có nhiệm vụ hộ tống, chuyến xe này chở 111 người do Lê-Ninh chỉ định, 110 người của Nicolai và 3 người của Von Bismarck.

Trong số 224 người của chuyến xe này, 27 có quốc tịch Nga, 30 Ba-lan, Bảo gia lợi, Nga miền Géorgie và Arménie, số còn lại 167 toàn là người Đức hay Do thái, nhưng tất cả đều mang số thông hành Đức. Lê dĩ nhiên số 113 người do Nicolai và Von Bismarck chỉ định là những tay gián điệp của Đức. Trong số 111 người của Lê-Ninh, ngoài hấn ra, còn có Zinoviev, Gruntz cũng là những kẻ đã lãnh tiền của Nicolai.

Trotsky lúc ấy đang bị giam lỏng tại Gia nã đại đã được Canarias giúp trốn sang Thụy Điển và từ đây cũng được Đức đưa về Nga với Bà Kollontai (3), nhân viên cộng sự của Nicolai từ năm 1912.

Gần 400 tay cách mạng Nga hay nhân viên gián điệp của Đức trở về Nga qua ngã Thụy Điển do tiền bạc của hai tay tài phiệt Max Warburg

và Olet Aschberg theo lệnh của Nicolai. Đó là những con vi trùng « dịch hạch » theo lời của Nicolai.

Trong số những kẻ lớn nhỏ đã lên cầm quyền tại Nga hồi tháng 11 năm 1917, chỉ có 3 người không lãnh tiền của Đức, đó là Lounatcharski, ủy viên giáo dục, Djougachvili hay Staline và Krylenko. Ba tay này cộng với Lê-Ninh vẫn là bọn thiếu số của Chính phủ Bôn-Sơ-Vít.

Để điều khiển cuộc cách mạng, người ta cần tiền, nhưng nhu cầu về tiền của cuộc cách mạng tháng 10 năm 1917 ở Nga không mấy quan trọng như người ta tưởng. Theo lời của Tướng Ludendorff và Jacob Schiff, cuộc cách mạng Nga chỉ tiêu có 70 triệu đồng Mạc của cơ quan Mật vụ Đức và 12 triệu của chính Jacob Schiff và các tay em của hấn. Đối với Đức 70 triệu đồng Mạc không đủ để tài trợ cho các cuộc thí nghiệm đại bác « Grosse Bertha (4) ».

Đối với các tay tài phiệt Đức - Hoa kỳ, số tiền 12 triệu đồng Mạc mà họ đã bỏ ra được bù lại sau này một cách rộng rãi. Từ năm 1918 đến 1922, bọn Bôn-Sơ-Vít đã gửi sang

(3) Người đàn bà này, con một cựu sĩ quan Nga, hai lần ly dị chồng, là một tay gián điệp tài ba, sau này là Đại sứ Nga tại Thụy Điển (Xem Gián điệp và phân bội trong Thế chiến II)

(4) Đại bác đã bán xa hơn 120 cây số và bắn vào Ba-lê năm 1918 làm chấn động dư luận Pháp nhưng không gây thiệt hại đáng kể.



Các tay cách mạng của Nga đã cộng tác cùng Lénine.
Từ trái sang phải : Kamenev, Zinoviev, Radek, Kyrov



Hoàng đế NICOLAS II

Ngân hàng Kuhn, Loeb et Cie 600 triệu đồng Rúp vàng và với số tiền khổng lồ này, bọn Jacob Schiff đã tài trợ cho Bộ Tổng Tham Mưu Đức sau khi hòa ước 1918 được ký kết.

Âm mưu của Nicolai thành công và chỉ vài tuần lễ sau, cuộc cách mạng Nga mang lại sự đầu hàng của nước này với hòa ước Brest-Litowsk đúng với dự tính của Ludendorff. Lê-Ninh đã từng tuyên bố : « Hoặc cuộc cách mạng sẽ chấm dứt chiến tranh hoặc chiến tranh sẽ giết chết cuộc cách mạng ». Tướng Ludendorff có lúc đã lo ngại sự thành công của cuộc cách mạng Nga sẽ trở lại gây rối cho Đế quốc Đức và hồi ý kiến của Nicolai.

— Đó là sự lo ngại mà Đại Tướng không nên để ý, Nicolai trả lời, những tay cách mạng Nga chỉ có can đảm trong lúc họ đang đói mà vồ vập vào cái thây ma của Đế quốc Nga, nhưng hiện nay thì họ không bao giờ dám mạo hiểm bước vào một cuộc phiêu lưu mà họ không chắc sẽ thắng.

— Nhưng dù sao, Ludendorff nói, chúng ta cũng cần phải giữ mình.

— Quân đội Nga không còn nữa, đó là điều cần thiết.

— Phải, quân đội Nga tan rã quá nhanh chóng.

Nicolai cũng đã thú nhận với Von Bartenwerffer : « Lê-Ninh, Trótsky, Zinoviev vẫn là người của chúng ta, nếu chúng ta có thể hạ được nước Pháp và Đồng minh, chúng ta sẽ tiêu diệt bọn Bôn-Sơ-Vít trong vòng 10 ngày không cần một sự hy sinh nào cả ».

Thật là một lời nói ghê gớm nếu ta hồi tưởng lại bao nhiêu người

chết, và thiệt hại trong cuộc cách mạng tháng 10 của Nga trong số ấy có cả gia đình Hoàng Đế Nicolas II. Chiến tranh, cách mạng trên thế giới có phải do một vài gia đình tài phiệt điều khiển mà những kẻ như Ludendorff, Nicolai chỉ là người tổ chức?...

MV. 21

Thuật theo Jean Bardanne

LÊN CUNG TRẮNG

(Tiếp theo trang 25)

cận sức nóng của mặt trời tới 215 độ dưới không độ trong bóng mát. Vì lẽ đó nên một phần của mũi phi thuyền sẽ được sơn những gạch trắng đen liền nhau. Ở mặt phơi ra phía mặt trời thì những lần kẻ trắng sẽ phản chiếu sức nóng mặt trời còn những lần kẻ sơn đen sẽ hút sức nóng ấy vào. Ở mặt quay vào bóng tối thì những lần kẻ sơn trắng lại giữ lại sức nóng của phi thuyền còn những lần kẻ đen sẽ phát ra. Nhờ đó, nhiệt độ trong phi thuyền sẽ được điều hòa được một phần lớn.

Ngoài những điều trên đây, còn vô số những vấn đề khác nữa đang được nghiên cứu để giải quyết hay là vẫn chưa được giải quyết cách nào. Người ta biết rằng cả Nga lẫn Mỹ đều đang cố gắng rất nhiều trong lãnh vực này.

Nhưng nhắm vào những phi tòn vô cùng lớn lao cần phải chi tiêu cho chương trình, người ta thấy đã có những triệu chứng cho biết là Xô Viết còn đang do dự chưa muốn lao mình vào công

cuộc nghiên cứu du hành mặt trăng một cách đại quy mô như Mỹ. Khoa học gia Mỹ James Killian, cựu chủ tịch viện Kỹ Thuật Massachusetts và là người đã từng giữ chức cố vấn khoa học cho cựu Tổng Thống Eisenhower, đã trình bày kỹ lưỡng quan điểm của ông về các chương trình thám hiểm không gian của Mỹ. Ông kêu gọi một sự dè dặt và nghiên cứu kỹ lưỡng mỗi khía cạnh để tránh một sự chi tiêu hoang phí về tiền bạc cũng như về khả năng của con người.

Tuy nhiên vấn đề đã được đặt ra và chương trình đang được thực hiện lần lần. Chỉ một vài năm nữa, chúng ta, những người trần của thế kỷ 20, sẽ được theo gót Đường Minh Hoàng du nguyệt điện, để thưởng thức khúc nhạc Nghệ Thường của Hằng Nga và những nàng tiên nữ từ muôn đời đã sống trong trí tưởng tượng của con người qua suốt mấy ngàn năm lịch sử.

Ai sẽ thắng trong cuộc chạy đua nay ? Nga hay Mỹ ?

N. Đ.

THÊM

MỘT HÀNH ĐỘNG BỈ ỒI

CỦA NGA-SÔ TRONG ÂM MƯU GIÁN-ĐIỆP

★ HOÀNG LONG

CHRISTOPHER Vassal, cựu tùy viên hải quân Sứ Quán Anh tại Mạc-Tur.Khoa vừa bị cơ quan tình báo Anh bắt vì hoạt động gián điệp cho Nga-Sô. Đương sự bị bắt quả tang đang dùng điện-thoại thông báo bằng mật mã những tài liệu quốc phòng cho gián điệp Sô-Việt. Khi khám xét tư thất của Christopher Vassal, cơ quan Scotland Yard đã tìm thấy ở 1 ngăn kéo bí mật: 140 tấm hình vô cùng hệ trọng đánh cắp của Bộ Hải Quân. Can phạm bị tổng giam vào khám đường Brixton và sẽ bị xét xử tại toà án Old Bailey về tội phản quốc.

Hành động tạo phản của Christopher Vassal đã kéo dài 8 năm, gây nguy hại không nhỏ cho nền An-Ninh của Anh Quốc và cho cả thế giới. Chúng ta hãy lật hồ sơ của đương sự để tìm hiểu nguyên nhân nào thúc đẩy Christopher Vassal phản bội tổ quốc và do những lời khai của đương sự, để biết thêm về những hành động bỉ ổi đê hèn của Nga-Sô trong âm mưu gián điệp.

Đương sự năm nay mới 38 tuổi, con một mục sư tại Piccadilly. Với tư chất thông minh và một trình độ học vấn xuất sắc, Christopher Vassal đã tham gia ngành ngoại giao và được cử sang Mạc Tur Khoa hồi tháng 3/1954 làm tùy viên hải-quân tại Sứ quán Anh.

Trong cuộc sống của nhà ngoại giao trẻ tuổi tại thủ đô Sô Việt, Christopher Vassal thường phải tiếp xúc với các giới ngoại giao Đông-Tây, trong số này có 1 nhân viên sứ quán Ba Lan: Michailsky có vẻ tương đắc với Christopher Vassal. Hai người thường gặp gỡ nhau trong các cuộc tiếp tân, Michailsky còn đái ngộ Vassal luôn luôn tại các trà đình tửu điếm. Vassal đã tưởng Michailsky có

tư cách hào hoa phong nhã, đầu gối rỗng sa vào bẫy của một điệp viên Cộng-sản.

Một hôm, Vassal được Michailsky mời tới 1 khách-sạn gần hí-viện Bolchoi đưa lên 1 căn lầu cao, nơi đây có một một số các tân khách mà Vassal chưa được quen biết, tất cả cùng uống rượu mạnh. Đã cạn mấy chai Cognac, mọi người đều cởi áo khoác ngoài, cả Vassal cũng vậy. Tiệc rượu tiếp tục mãi hết ly này đến ly khác, Vassal thấy nóng như lửa và say túy lúy. Michailsky cùng đồng bọn đỡ Vassal lại nằm nghỉ ở một chiếc ghế dài gần đó.

Hôm sau Vassal nhận được giấy mời tới Cẩm-Linh. Vài sĩ quan Sô-Việt đón tiếp Vassal, đưa cho xem những tấm hình đêm trước, Vassal kinh ngạc khi thấy mình . . . hoàn thoát y với những bộ điệu vô cùng lộ bịch. Sĩ quan Sô-việt nói nhỏ vào tai Vassal: « Đó là những hình của ông, nếu chúng tôi trao những hình này cho cơ quan Cảnh sát chắc chắn ông sẽ bị tù và tư cách nhân viên ngoại giao của ông cũng không sao cứu vãn được!»

Sau đó Vassal được các sĩ quan Nga mời ra về để có thời giờ suy nghĩ. Hai ngày sau các sĩ quan Sô viết đề nghị với Vassal nếu muốn những tấm hình đối trụy kia khỏi bị phát giác thì phải nghe theo họ. Vassal điên cuồng vì tức giận, nhưng sự thể đã lỡ rồi, nếu những tấm hình lỏa thể của chàng bị tiết lộ thì sẽ gây ra nhiều rắc rối về ngoại giao, không những danh dự của chàng bị chôn vùi mà còn thương tổn đến uy thể của tổ quốc chàng nữa. Giữa lúc Vassal ngập ngừng băn khoăn thì các sĩ quan Nga ôn-tôn giải thích: « Anh không nên lo lắng, vì chúng tôi chỉ nhờ anh những công việc không nguy hại gì đến tổ quốc của anh ».

(xem tiếp trang 49)



gián và phán

(tiếp theo)

CÂU CHUYỆN RẮC RỐI CỦA FRIEDRICH EDGE

NGUỜI Nga vẫn biết rõ Greta Kainen là một nữ gián điệp trọng yếu của Đức Quốc-xã có nhiệm vụ hoạt động trong các nước Scandinavie, Greta Kainen, người đàn bà đã tìm cách gạt Nils và nhiều người khác, là một người tin tưởng ở chế-độ quân phiệt chứ không thể hiểu hòa. Là người Phần-lan có tinh thần quốc-gia, nàng rất ghét người Nga. Laurenti Béria đã cho theo dõi nàng từ lâu.

Trong khoảng tháng 10 năm 1941, vài tháng sau khi Hitler xâm chiếm Nga, Greta Kainen có tổ chức một buổi tiệc tại Helsenki. Một số lớn khách khứa phức tạp trò chuyện trong các phòng khách trang trí cực kỳ sang trọng. Cũng như các cuộc hội họp của nàng, rất nhiều người của phong trào hòa bình vẫn có mặt tại đây. Lại có cả các công chức của Đức, những người Phần-lan theo chủ nghĩa quốc-xã, văn sĩ, nhà báo và giáo sư Friedrich Wilhelm Bergmann, giám đốc sở du lịch Đức tại Phần-lan. Buổi tiệc rất vui vẻ, mọi người ăn uống, nhảy và thuật cho nhau những chuyện hài hước của xã hội các nước miền Bắc.

Trong số các nhà báo, có một người Đức tên là Friedrich Edge, hội viên quan trọng của Hội Ái-hữu

thông tin viên ngoại quốc ở Phần-lan và là một trong số các người được Greta yêu chuộng nhất. Lẽ dĩ nhiên với cách sống huy hoàng của mình, Greta có nhiều nhân tình, nhưng thường thương lại nhiều nhân tình trong một lúc.

Tôi quen biết Edge, nhưng tôi khinh hấn vì hấn là một tên Quốc-xã. Không ai còn nghi ngờ về hoạt gián điệp của hấn, cũng như một cuộc điều tra chính thức đã chứng minh rõ ràng.

Tôi cũng được gặp hấn thường luôn. Cũng như tôi, hấn là một thông tin viên báo chí ngoại quốc. Ở Thụy-điển báo chí ngoại quốc vẫn có những hội viên Phát-xít và Dân-chủ. Trong các cuộc họp báo của chúng tôi cũng có cả người Nhật nữa. Riêng đối với Edge, trước khi hấn được quen biết Greta, tôi vẫn không có thiện cảm.

Edge là một người Đức cao lớn, tóc vàng cũng như phần đông dân Đức. Hấn đã sang Thụy-điển vào khoảng tháng 4 năm 1933. Hấn ước độ chừng 30 tuổi, vợ hấn người Bá-linh, có mái tóc óng ánh và nói giọng đặc biệt dân Thủ-đô nước Đức. Hai vợ chồng hấn có rất nhiều hành lý, hấn đã giải thích cùng nhà cầm quyền Thụy-điển là vợ chồng hấn sang đây để tỵ nạn chính trị. Hấn bị bắt buộc phải rời bỏ nước Đức vì có nhiều người bạn cho hấn hay là hấn sắp bị bắt.

- điệp

bội trong thể chiến II

N. T. H. trích dịch của KURT SINGER

Cảnh-sát-Trưởng Soderstrom điều tra về hắn và xem xét cẩn thận trường hợp của hắn. Edge được phép tạm trú tại Thụy-điển.

Hai vợ chồng Edge chỉ có ít tiền. Họ tự cho là kẻ thù của bọn Quốc-xã. Các người tỵ-nạn xấu số nhất được hắn tiếp đãi và giúp đỡ. Mặc dù đã tỏ ra hết sức rộng rãi, hắn vẫn không được họ mến. Một giáo sư đại học người Đức tỵ-nạn có thuật lại sự thiếu xã giao và lịch sự của Edge : « Hôm ấy Edge mời tôi ăn bằng cách đập mạnh vào lưng tôi và nói rằng : « ăn đi, ông bạn tôi ơi, cổ nhét vào một lần thôi ». Như vậy Edge không phải là một người tế nhị. Tư cách hắn còn tệ hơn thế nữa, nhưng người ta không thể kết tội một người vì lý do thiếu tư cách xã-giao.

Edge không làm việc gì cả. Hắn chỉ cố gắng học tiếng Thụy-điển và tham gia các buổi hội họp của những người tỵ-nạn hay tổ chức tuyên truyền chống bọn Quốc-xã. Cũng như phần đông các người tỵ-nạn, hắn sống biệt lập, chỉ khác họ ở chỗ hắn có chút ít tiền.

Người ta ai cũng hiểu rằng số tiền hắn có không thể còn mãi được vì trong bảy tháng đầu sống ở Thụy-điển hắn chỉ nhận được vài số tiền nhỏ, tiền nhuận bút của vài bài mà hắn đã viết cho báo chí. Hắn không thể sống với các số tiền nhỏ nhoi này được.

Nhưng, một ngày kia, một tin làm xôn xao dư luận trong giới các người tỵ-nạn : Friedrich Edge nhận chức tổng giám-đốc một nhà xuất bản, một chức vụ được ưu đãi, không phải là một nhà xuất bản Thụy-điển mà lại là một nhà xuất bản Đức. Đây là một chi nhánh tại các nước miền Scandinavie của nhà xuất bản quảng cáo ở Leipzig. Bạn bè hay những người quen

biết Edge đều ngạc nhiên và phẫn nộ. Edge mà đi làm việc cho bọn Quốc-xã ? Một sự xấu hổ ! Không ai giao du với hắn nữa, người ta lại tố cáo hắn với Cảnh-sát hay kết án hắn với cả trăm thứ tội mà chắc chắn là hắn không phạm phải. Những người đã hợp tác cùng hắn cũng chưởi mắng hắn công khai để tránh sự nghi ngờ. Nhiều người khác tỏ ra bối rối.

Edge muốn giải thích cùng các bạn thân là « việc là việc » và ngoài việc ra hắn không nghĩ gì khác. Hắn nhận việc làm chỉ cốt để vợ chồng hắn sống và hắn vẫn là người chống bọn Quốc-xã. Nhưng Cảnh-sát-Trưởng Thụy-Điển không thể chấp nhận một sự giải thích quá giản dị như vậy được và hạch hỏi vợ chồng, hắn tí mỉ. Vợ chồng Edge đã trải qua 15 phút khó chịu. Cảnh-sát-Trưởng Soderstrom đã cho hắn hay là ông ta biết cha của bà Edge là sĩ-quan mật vụ Gestapo ở Bá-ling, đó là một công chức quan trọng lắm.

Edge một mực chối cãi hắn không theo Quốc-xã. Soderstrom đã trả lời hắn : « Dù anh theo hay không theo bọn Quốc-xã, anh cũng đang là người xin tỵ túc trong nước này với tư cách tỵ-nạn. Trong lúc ấy anh lại đi làm việc cho bọn quốc-xã. Có thể anh là người vô tội nhưng Cảnh-sát Thụy-điển phải có những biện pháp đề phòng.

Cảnh-sát không bắt vợ chồng hắn nhưng ra lệnh cho hắn phải rời nước Thụy-điển trong thời hạn một tuần. Hắn có quyền sang bất cứ nước nào, nếu hắn không muốn trở về Đức.

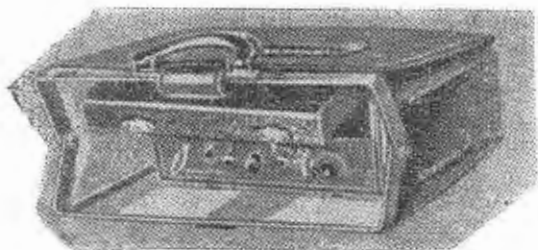
Vợ Edge phải thu xếp đồ đạc đã mang từ Bá-Linh sang để chuẩn bị lên đường. Với vài người bạn đến tiễn đưa hắn, Edge than phiền rằng hắn không phải là bọn Quốc-xã và vẫn nhắc lại bọn Quốc-xã là quân ăn

cướp. Chỉ có vài người tin rằng hắn bị nghi ngờ oan và người ta đã bắt công với hắn. Tôi, thì theo đa số và nghĩ rằng một người đã chống bọn Quốc-Xã không thể nào nhận việc làm của họ. Trong buổi họp của các thông tin-viên báo chí ngoại quốc, trong lúc Edge tỏ lời từ giả, tôi có cảm giác là tôi lầm. Edge đã có vẻ thành thật tuyên bố rằng một ngày kia mọi người sẽ rõ là hắn không phải theo bọn Quốc-xã, tôi gần tin lời nói của hắn. Nhưng, hai tuần sau, sự nghi ngờ của tôi lại có dịp được xác nhận lại.

Hai tuần sau khi hắn rời khỏi Thụy-Điển, báo chí Đức nổi lên công kích chính phủ Thụy-Điển và Hoàng-đế Gustave. Đối với báo chí Đức, Edge là một nạn nhân và sự nghiệp của hắn bị hy sinh chỉ vì lý do hắn chịu làm việc cho nước Đức. Edge đi sang Phần-Lan và ở đây hắn tự lột mặt nạ. Báo chí Đức chào mừng hắn như một chiến sĩ oanh liệt. Đến Phần-Lan, Edge nghiêm nhiên trở thành chủ bút tờ báo Quốc-Xã : « Người Đức ở Phần-Lan ».

Kể từ nay, báo chí miền Scandinavie nhìn nhận hắn là nhân viên của đạo binh thứ 5 của Đức Quốc-xã tại các nước miền Bắc. Hắn chiếm địa vị quan trọng trong danh sách các nhân viên tuyên truyền cho bọn Quốc-xã và tất cả dân Thụy-điển đã mừng rỡ vì loại được khỏi nước họ một người nguy hiểm. Trong một bài báo tôi có dịp kể lại những lời bình luận của báo chí Thụy-điển về trường hợp của Friedrich Edge, gián-điệp Đức Quốc-xã. Sau việc trục xuất hắn, các cơ quan theo dõi hắn, cho rằng hắn đã có làm việc cho « Hội miền Bắc », một tổ chức quan trọng làm gián điệp cho Đức. Hội này do Himmler làm chủ tịch danh dự, được thành lập nhằm mục đích « giữ sự liên lạc văn hóa với các dân tộc miền Bắc ». Hội có nhiều chi nhánh khắp các hải cảng Đức và các thành phố lớn các nước Scandinavie. Sau khi Đan-Mạch và Na-Uy bị Đức chiếm, nhiều hội viên của hội được cử « cai trị » hai nước này.

Vào một ngày của năm 1941, một công chức cao cấp Đức Quốc-xã đã đến tìm gặp Edge nơi nhà riêng



Một máy ghi âm : va-ly xách tay

của hắn ở Helsinki. Viên công chức này, người Teuton (dân Đức) to lớn, mắt xanh, tên Vitalis Pantenburg. Hắn là một trong số các chỉ huy « Hội miền Bắc » và là một tay chỉ huy cơ quan mật vụ Đức tại các nước Scandinavie. Chính tên Pantenburg này đã thúc đẩy Olaf Sundlo, người chỉ huy hải cảng Narvik của Na-Uy, xin cho sĩ quan và binh-sĩ Na-Uy nghỉ phép để quân Đức xâm chiếm dễ dàng nước này. Pantenburg đã yêu cầu Edge giúp hắn một tay trong việc chống bọn phản gián Nga tại miền Scandinavie, vì khổ thay, đối với bọn Quốc-xã, cơ quan O.G.P.U. của Nga đã biết rõ các cuộc tập trung quân lính Đức tại Phần-Lan, cũng như tổ chức gián điệp Đức tại Carélie và các công sự phòng thủ Đức tại biên giới Nga-Phần.

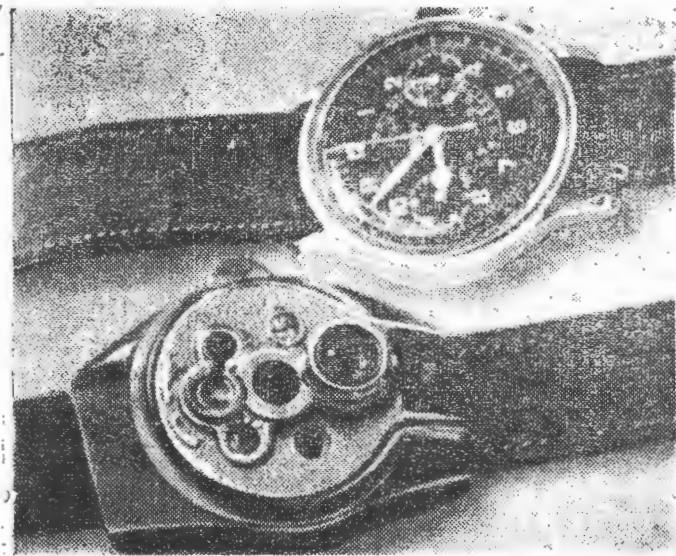
Edge trở thành phụ tá của Pantenburg. Người ta còn cho hắn một cộng sự viên đàn bà được biết dưới số 25. Nhân viên số 25 này cung cấp và chuyển tin tức sang Đức.

Ai có dịp quen biết Greta Kainen, — gián điệp số 25 — và chính nàng là số 25 — và Friedrich Edge đều công nhận là giữa hai người đã có một mối tình. Ít người rõ rằng chính Greta đã nhét tài liệu tin tức do Edge cung cấp trong các va-ly ngoại giao được gửi về Bá-Linh. Edge cung cấp nhiều tin tức quan trọng. Hắn báo cáo về các kiến trúc ở hải cảng Mourmansk, về các hoạt động của Nga trên quần đảo Kola và các đảng Cộng-sản tại miền Scandinavie. Các cấp chỉ huy của hắn lấy làm vừa lòng về hoạt động của hắn và đã cho hắn tăng lương hai lần trong một thời gian rất ngắn. Cơ quan mật vụ Đức xem hắn như một gián điệp tài ba và ca tụng tính cách chính xác của các tin tức do hắn cung cấp. Không bao lâu hắn có thêm 5 nhân viên làm việc dưới quyền hắn. Hắn tổ chức hệ thống gián điệp chặt chẽ đã tỏ ra có nhiều hiệu quả. Nhờ ở tin tức của hắn mà Phần-Lan và Đức tóm được nhiều vụ quan trọng.

Năm 1942, không ai còn nghi ngờ về hắn nữa. Báo chí Thụy điển nói đến hắn như một « con rắn độc trong các nước miền Scandinavie », như một tên gián điệp lợi hại, một người xúi giục, âm mưu ghê gớm tại các nước này. Nhưng Phần Lan vẫn từ chối việc trục xuất hắn vì lẽ hắn đã cung cấp cho họ nhiều tin tức về bọn Nga. Edge là một trong số ít người được biết nhiều về hoạt động của Cộng-sản quốc-tế.



NĂM 1942 tôi đã rời Thụy-điển và Na-Uy để trở về Hoa-Kỳ và tôi không còn nhớ đến Edge cũng như hoạt động quỷ quái của các gián-điệp Đức tại miền



Đồng hồ đeo tay : một máy ảnh tí hon.

Scandinavic. Nhưng một buổi sáng kia, đọc tờ « Nữ-Ước Thời báo » trên chuyến xe điện hầm ở Nữ-Ước trong những giờ đông đúc người đi làm việc, tôi bỗng giật mình kinh ngạc nhận thấy tin sau đây :

« Cơ quan mật-vụ Gestapo hành quyết một nhà báo. Stockholm (Thụy điển) ngày thứ hai 7 tháng 6 năm 1943 (U.P.) Theo nguồn tin đáng tin cậy, ở Helsinki, hôm nay cơ quan mật vụ Gestapo Đức đã cho lệnh hành quyết tên Friedrich Edge, một nhà báo Đức, đã bị bắt mới đây về tội làm gián điệp. Chính nhà cầm quyền Phần-Lan đã bắt tên Edge. Cũng với nguồn tin này, Edge được giao cho cơ quan mật vụ Gestapo mang đi sang Esthonic để bị hành quyết ở đây. Edge là hội viên quan trọng của hội Ái hữu thông tin viên ngoại quốc ở Helsinki trước đây bị tố cáo đã làm gián điệp cho Nga ».

Như vậy, Edge đã thành thật trước ngày rời Stockholm mà nói rằng : « Một ngày kia, các anh sẽ rõ là tôi không phải thân bọn Quốc-xã ! » Nhưng bây giờ

thì quá muộn rồi... Thật là tấn bi kịch, mà cả trăm bài báo đã lên án Edge làm gián điệp cho bọn Quốc-xã, mặt sát và chữ rửa hần !

Đời của Edge thật là một tấn thảm kịch ! Edge đã giúp đỡ Liên Hiệp Quốc nhiều hơn các người đã chửi hần. Và những người đã mặt sát hần dù có muốn sửa chữa lỗi lầm của họ nhưng đã trễ. Riêng tôi, với khả năng và tư cách nhà báo tôi tự hỏi tôi đã làm gì với bản năng và sự tinh khôn của tôi ? Tôi không thể tự bào chữa và tự an ủi là cũng đã có hằng trăm nhà báo khác đã nhầm.

Nhưng sự nhầm lẫn này rất cần thiết vì nếu chúng tôi tin sự thành thật của Edge, hần sẽ không thể nào thi hành tròn phận sự.

Tôi trở lại nghiên cứu vấn đề của Edge. Tôi đã hỏi thăm một nhà ngoại giao Phần-Lan ở Hoa-Thịnh. Đón và được cho biết một cách úp mở là tin giờ chót về Edge có thể không đúng sự thật. Edge có thể vẫn còn còn sống. Với nhà ngoại giao này tôi không biết thêm gì nữa. Trái lại tôi nhận được từ Stockholm nhiều chi tiết khác

Bọn Đức cho rằng Edge đã trao cho chúng nhiều báo cáo do cơ quan O.G.P.U. đặc biệt làm riêng cho chúng. Đã nhiều năm nay, Edge đã làm việc cho Nga-Hần giấu diếm quân nhảy dù Nga đã nhảy xuống Phần-Lan, đã trao cho Nga các kế-hoạch về việc tập trung quân Đức ở biển Baltique hay các hạm đội Đức được điều động theo kế hoạch « Ostsee », và nhất là hần đã chỉ cho Nga đúng các điểm mà Đức cần dùng muốn biết về Nga-Sô-Viết. Nếu biết các điểm bọn Đức muốn biết, Nga sẽ dễ dàng đoán được các kế hoạch dự tính của Đức.

Edge cũng báo cho Nga biết các cuộc tiếp tế vũ khí của Mỹ cho Phần-Lan trong chiến tranh đầu tiên giữa Nga - Phần, và các cuộc buôn vũ khí do Axel Wenner-Gren, vua vũ khí của Thụy - Điển, tổ chức ; chính tên Wenner-Gren, sau này sang sống ở Mỹ-Tây-Cơ và có tên trong sổ đen của Hoa - Kỳ và Anh quốc.

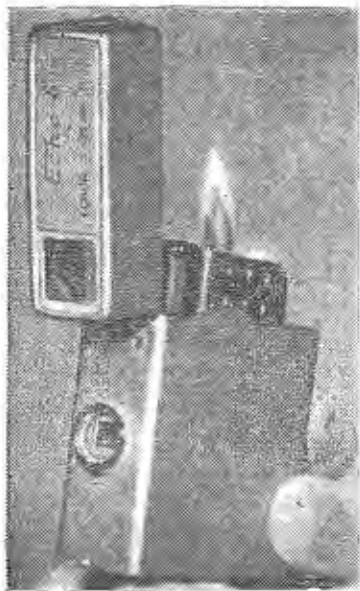
Việc Edge bị bắt là kết quả của một trong nhiều sự mỉa mai của số phận đã thường xảy ra trong lịch sử cận đại. Có thể là sự khinh rẽ của mọi người đứng



Một cách giấu phim của gián điệp

đến làm cho Edge không chịu đựng nổi. Có một ngày, Edge đã tỏ cho một hội viên Hội Hòa Bình người Thụy-điển là hấn chống chiến tranh và nhất là hấn rất ghét bọn Quốc-xã. Người này rất tin lời hấn bởi về thành thật của hấn và thuật lại cho người khác nghe, quên rằng trong các tổ chức hòa bình đều có đầy dẫy bọn tay sai Quốc-Xã. Chuyện này có lẽ đã đến tai Greta Kainen lúc ấy là linh hồn của Hội - Hòa - Bình Thụy - điển. Greta đâm nghi ngờ vì lý do lúc bấy giờ không có gì bắt buộc Edge phải thốt ra những lời lẽ chống bọn Quốc-xã. Nàng liền báo cáo cho Friedrich Wilhelm Bergmann, giám đốc sở du-lịch Đức, và từ ngày ấy Edge bị xem chừng luôn.

Nhưng cơ quan gián điệp Đức tại Phần-lan do Bergmann điều khiển, không tìm được bằng chứng gì để bắt Edge. Người ta vẫn kể tên hấn vào danh sách các gián điệp tình nghi. Đã nhiều lần, người ta lục xét nhà hấn, xe và quần áo hấn, nhưng vô hiệu. Nhưng rồi một ngày kia, người ta nhận thấy hấn đi với một người đàn bà Phần-lan được nổi tiếng về soạn kịch. Người đàn bà liền bị theo dõi, và cuối cùng người ta tìm thấy tại nhà nàng một binh-sĩ nhảy dù Nga. Người ta cũng tìm thấy tại nhà nàng các bộ phận của một máy phát vô tuyến điện mà theo các phức trình của bọn Quốc-xã, có dấu tay của Edge. Người ta lại tìm được chính cái máy vô tuyến điện giấu tại phòng của người đàn bà Phần lan này. Edge đã dùng máy này để chuyển các tin tức của hấn sang Nga và nhận lệnh của chúa trùm cơ quan O.G.P.U., Laurenti Béria. Bọn Quốc-xã đã nói đúng.



Khi bật lửa, máy ảnh sẽ sẵn sàng

Sở phận người đàn bà soạn kịch này hiện nay ai cũng biết; nàng bị bắt và bị kết án tử hình. Về sau án tử hình của nàng được giảm xuống thành án tù chung thân, nhưng nàng lại được Nga cho thả ra vào khoảng năm 1945.

Cũng với những nguồn tin của Thụy-Điển, cơ quan mật vụ Đức có bằng chứng về một điện tín mật mã đã thông

báo cho sở O. G. P. U. Nga hay ngày giờ khởi hành của một chuyến xe lửa tiếp tế đạn dược đi từ Na-Uy sang Phần-Lan. Chuyến xe lửa này đã bị phá hủy. Theo Đức, chính Edge chủ mưu vụ phá hoại này, hấn đã thông báo cho Nga các chi tiết về chuyến xe lửa chở đầy đạn dược ngay trang dưới hình thức « lương thực ». Sự buộc tội Edge của bọn Đức không phải là một bằng cớ, tuy nhiên với tội này, người ta cũng có thể quan niệm được các hoạt động của Edge Tôi rất hối hận và quả quyết rằng, Edge là một trong số các anh hùng vô danh của trận giặc này. Hấn không có quân phục, không có lấy một dấu hiệu tượng trưng hay một huy chương. Ai cũng khinh rẻ hấn cũng như bọn Quốc-xã Đức đã trả lương cho hấn, vì ai đã làm nghề của hấn đều bị ghét bỏ. Không có cuộc đời nào khổ sở bằng đời của hấn, đến vợ hấn, chắc chắn cũng không thể biết được tấn tuồng hàng hai mà hấn đã đóng. Một người thường, khó chịu đựng nổi tình cảnh của hấn. Chính tình cảnh này đã thúc đẩy hấn chiến đấu chống bọn Quốc-xã Đức và đưa hấn đến bước đường cùng.

Tấn bi kịch này đến đây cũng chưa được chấm dứt và không phải chỉ có tính cách cao thượng không mà thôi. Edge, con người bị hiểu lầm, vẫn còn sống và nhà ngoại giao Phần-lan đã có lý khi cho tôi biết cách úp mở là Edge có thể không bị hành quyết. Thật vậy vài tuần sau, tờ Nữ Uớc Thời báo đã đăng tải một tin khá cho hay rằng Edge không bị xử tử, án của Edge được giảm xuống thành 4 năm tù, và chúng tôi có thể đoán được vì lý do gì? Edge cuối cùng đã chọn con đường dễ nhất. Với nghề gián điệp, nhiều khi người ta bị bắt buộc phải làm việc hàng hai...



CUỘC ÁM SÁT ĐÓ ĐỐC CANARIS

Laurenti Béria quyết định hạ Canaris, đối thủ lợi hại nhất của ông. Nhưng ông không nghĩ rằng việc này cũng như việc hủy diệt các hệ thống gián điệp của Canaris trong các miền Baltique, Bắc cực và Bắc Đại Tây Dương, sẽ vô cùng khó khăn. Canaris có nhiều phương tiện. Các điệp viên của ông có thể bị bắt, bị giết, nhưng vẫn có người khác thay thế ngay và hoạt động vẫn tiếp tục.

Sau trận thất bại ở thành Stalingrad và chiến tranh đã có chiều bất lợi cho Đức Quốc Xã, cơ quan mật vụ Nga liền tổ chức một cơ quan đặc biệt để bảo vệ các cuộc viện trợ Anh Mỹ trong kế hoạch « vay mượn »; cơ quan đặc biệt này của O.G.P.U. đặt chi nhánh ở

Ba Tư, Phần Lan và miền Bắc Na - Uy và với các địa điểm này, nó có thể theo dõi các cuộc di chuyển tàu bè đến hải cảng Mourmansk. (1)

Các gián điệp của Béria tại Ba Tư đã hoạt động có kết quả. Họ bắt được các tên phản trắc và các gián điệp ngoại quốc, họ chiến đấu công khai chống phá hoại và đào quân thứ 5 của Đức.

Đối với hai nước Na Uy và Phần Lan là hai nước bị Đức chiếm đóng, hoạt động gián điệp của Nga không giống như ở Ba Tư. Các căn cứ tàu ngầm Đức ở Cap Nord, ở Fjord Varanger và Petsamo là những mối đe dọa nặng nề cho cuộc di chuyển tàu bè Đồng minh. Có nhiều lúc, có đến gần 50 0/o trọng lượng tàu bè Đồng minh đi về hướng Mourmansk bị tiêu hủy bởi các tàu ngầm Đức xuất phát từ các căn cứ kể trên.

Nga và Anh thi hành các biện pháp đối phó. Họ oanh tạc Petsamo ở Phần Lan và nhiều địa điểm miền Bắc Na Uy. Các thiết giáp hạm Bismark, Scharnhorst và Tirpitz của Đức bị bắt buộc phải tạm lánh vào các eo biển ở Na Uy. Các chiến sĩ ái quốc kháng chiến Na Uy và gián điệp Nga theo dõi hết sức cẩn thận các chiến hạm này. Họ nhận thấy chiếc Bismark và chiếc Scharnhorst rời Na Uy. Với các máy vô tuyến điện phát làn sóng điện ngắn, chỉ trong vòng vài phút họ đã cho các cơ quan mật vụ Đồng minh hay. Bây giờ đồng hồ sau khi được tin, trong lúc đang ở giữa biển, chiếc tàu chiến tối tân nhất của Đức nằm im dưới đáy Đại Tây Dương.

Béria vẫn chưa được thỏa mãn. Các căn cứ tàu ngầm miền Bắc vẫn ám ảnh ông luôn và vẫn là mối đe dọa thường xuyên cho các đoàn tàu Đồng minh muốn đi đến Mourmansk. Béria đã gửi rất nhiều gián điệp nhảy dù xuống Phần Lan, miền Bắc Na Uy, nhưng hoạt động phản gián của Phần Lan tổ chức theo kiểu Đức tỏ ra có hiệu quả. Nhiều điệp viên của Beria bị bắt. Dưới áp lực của Canaris, Phần Lan buộc lòng phải xử tử các gián điệp Nga. Phần-Lan cũng dự hiểu rằng với những vụ xử tử này Nga sẽ không thể nào tha thứ cho họ một khi nước họ bị Nga xâm chiếm và họ muốn đổi các án tử hình này ra tù chung thân, nhưng Canaris nhất định phản đối.

Những thất bại của Canaris ở miền Bắc làm cho ông lo rầu nhiều. Đức đã mất ba thiết giáp hạm mạnh mẽ nhất. Thêm vào đó, trong các trại giam ở Na-Uy của Đức, nhiều tù binh Nga vẫn vượt ngục được luôn với sự giúp đỡ của các gián điệp Na-Uy và Nga. Về các sự di chuyển tàu bè Đồng minh tiếp tế cho Nga, mặc dù với tất cả các cố gắng của Canaris, ông vẫn không ngăn nổi.



Đồ - đốc CANARIS

Nhưng không phải chỉ vì những cơ này mà Canaris quyết buộc Phần-Lan phải xử tử các gián điệp Nga. Ông chỉ áp dụng chính sách ác độc của Đức-Quốc-xã là làm liên lụy càng nhiều người càng tốt trong các vụ sát nhân của ông. Nước Phần-Lan càng bị lương tâm cắn rứt nhiều chừng nào, họ sẽ càng không thể ký kết hòa ước riêng với Nga được.

Không một cơ quan mật vụ nào lại quên được cái chết của nhân viên họ. Rất nhiều khi, cái chết của một gián điệp là báo hiệu cho một cuộc tàn sát lẫn nhau giữa hai bên đối địch. Ý thức trả thù vẫn tồn tại. Người ta không thể quên được cái chết của một đồng chí, người ta cũng không thể nghỉ ngơi trước khi trả được thù.

Béria cũng vậy, ông vẫn thề sẽ trả thù cho các nhân viên của ông. Phương pháp sẽ được ông dùng đến chứng minh tính tình ông : Ông quyết định đánh vào đầu não của tổ chức có trách nhiệm. Chính đích thân Canaris phải trả các món nợ máu mà Beria đã mắc với các nhân viên của ông.

Chúng ta được biết là có hai người được Béria chọn để thi hành nhiệm vụ hạ sát Canaris. Ta tạm gọi họ là « Ivan » và « Boris ». Hai nhân viên này len lỏi vào được nước Đức và tại đây các gián điệp Nga đã tiếp xúc với họ.

(xem tiếp trang 47)

(1) Kế-hoạch « vay mượn » (Prêt Bail) : Kế-hoạch của Hoa-Kỳ nhằm giúp các nước Đồng-minh theo đuổi chiến tranh chống Đức.



MÙA xuân, tháng 2 năm Đinh hợi (1287), Nhà Nguyên xua quân ô ạt sang xâm lăng Việt-Nam lần thứ hai.

Với 30 vạn hùng binh, kiện tướng, sát khí đằng đằng, Thoát - Hoan quyết phen này phục thù, rửa cái nhục « 50 vạn quân Mông Cổ bị Việt-Nam đánh tan nát đến không còn manh giáp, phải chạy trốn về Tàu năm Ất Dậu (1285), trong lần xâm lăng thứ nhất » và cái nhục « suýt bị vua Nguyễn chém đầu » vì sự thất bại đau đớn này.

Nhưng tinh thần « Sát Đát » và ý chí quyết chiến quyết thắng của quân dân Việt-Nam, một lần nữa đã đập tan mộng đế quốc cỏ hươu của dân tộc phương Bắc. Và đại nguyên soái Thoát - Hoan phải ôm hận suốt đời, không trả được.

Ý chí quyết chiến quyết thắng ấy đã kiêu hùng thể hiện nơi **Lời Thề** của Hưng-Đạo-Vương, vị tướng lãnh tài đức, thao lược của Nhà Trần.

Trong cuộc tiến quân lên diệt giặc, Hưng-Đạo-Vương được tin báo rằng quân Tàu sắp kéo đến sông Bạch Đằng, Ngài liền hô quân sĩ, trở sông Hóa-Giang, thề rằng :

**« Trận này không phá xong giặc Nguyên,
thì không về đến sông này nữa !**

Thề rồi, chỉ một trận quyết định, quân tướng Nhà Trần, dưới quyền thông lĩnh của Hưng-Đạo-Vương, đã chôn vùi dưới đáy sông Bạch Đằng thanh thề Nhà Nguyên và hàng bao nhiêu vạn quân Mông Cổ từng bách chiến bách thắng.

Chiến thắng Bạch-Đằng-Giang đã làm rạng danh non sông Việt !

Chiến thắng Bạch-Bằng-Giang còn làm vang dội mãi « Lời thề trên giong sông Hóa » trong lòng người Việt-Nam !

Vì Lời Thề ấy đã được kiêu hùng thực hiện.

Lời Thề ấy thốt ra tự tâm can của bề tôi trung liệt, đã từng trả lời Vua Trần - Nhân - Tông : « Nếu Bệ Hạ muốn hàng thì xin chém đầu thần đi đã, rồi sau sẽ hàng ».

Lời Thề ấy là lời thề của một người hai vai đang gánh nặng trách nhiệm đối với Dân với Nước.

Và chính là Lời Thề Danh Dự của bậc chính nhân quân tử, long trọng thốt lên giữa chôn ba quân đang đương đầu cùng giặc nước, một Lời Thề có tánh cách quyết liệt không gì có thể lay chuyển nói : một là diệt được giặc để cứu nước, hai là lấy cái chết để đền nợ nước.

Lời Thề sông Hóa !

Lời thề thiêng liêng, cao cả, làm rung cảm lòng muôn dân, kích động ba quân quyết chiến, kéo một mạch đến sông Bạch-Đằng và kích động ngay chính tâm lòng trung kiên của Đức Trần Hưng-Đạo.

Thề và giữ đúng được lời thề, chỉ có những bậc chính nhân quân tử, biết trách nhiệm và dám nhận trách nhiệm của mình.

★ Nguyễn-Việt



ĐƯỜNG-LINH và TRƯỜNG-SƠN
phỏng dịch
của **CHU - LIÊM**

định chàng là sĩ quan Không quân, Chàng tên là **LÝ SINH** và nàng tên là **MẦN PHÂN**; hai người là bạn học cùng trường. Nàng mân mê tay chàng giọng tha thiết :

— Anh ! Em có khuyết điểm gì mong anh cứ phê bình giúp em.

Chàng khẽ lắc đầu, mắt vẫn dăm dăm nhìn về chân trời xa thẳm, ngập ngừng :

— Không có gì em ạ !

— Tại sao lại không? Anh không yêu em sao? Em đã bị khai trừ khỏi Đoàn-tích rồi, anh không biết sao?

Nói xong nàng muốn hòa lên khóc. Sinh quay lại chăm chú nhìn nàng, lạnh lùng hỏi :

— Anh nghe em đã phạm lỗi nghiêm trọng ở Cao Ly phải không?

Đột nhiên nàng ngồi nhồm dậy mở to đôi mắt mọng ướt, nghẹn ngào chụp hai tay chàng lắc mạnh. Chàng tiếp :

— Em ăn cắp tiền của chí nguyện quân phải không?

— Không, không phải...

ĐOẠN I

TRỜI cuối đông lạnh như cắt da. Mưa tuyết âm thầm tràn ngập không gian. Thành phố **STALINE** như đã chết tự bao giờ, ngoài đường không một chiếc xe, một bóng người. Tất cả đều vắng lặng.

Bỗng cuối đường **STALINE** người ta thấy hai bóng người lầm lũi đi về đường **KHÔ-LÂN** rẽ vào vườn hoa nhỏ bên đường, những hoa lá tươi thắm nay đã tả tơi dưới làn mưa tuyết nặng nề. Hai người thong thả đi nhau đến một gốc cây, trong gốc vườn. Chàng đội mũ hàng không, mặc quần áo da, mặt sạm nắng, mắt long lanh sáng; nếu trên ngực chàng không mang huy hiệu sinh viên của « Trường - Xuân chế tạo cơ khí », người ta nhất

Mãn Phân muốn hét lên thật to để cãi lại, nhưng có cái gì nghẹn ở cổ họng, nàng rên lên khe khẽ :

— Em... em không thể phân trần cùng anh được.

Sinh kinh ngạc nhìn nàng và cần môi suy nghĩ... Nàng thồn thức :

— Đôi khi em muốn nói với anh, nhưng đảng.. Kỷ luật đảng sẽ thủ tiêu em.

Sinh bỗng hiểu, chàng dụi ngay nét mặt, hỏi :

— Em, phải em bị oan ?

— Phải anh ạ ! Em mong anh hiểu em là đủ, em sung sướng lắm rồi.

Nàng nhìn quanh như sợ có người nghe thấy, rồi hạ thấp giọng :

— Anh hoàn toàn giữ bí mật cho em nhé ! Đó chỉ là một quỷ kế của Đảng tổ chức giật giây cho em thôi. Em là một bức bình phong cho Đảng.

— Như thế thì...

Mãn Phân như cởi mở tấm lòng, không cho Sinh nói hết, nàng tiếp :

— Không ! Em phải nói hết cho anh nghe, anh ạ ? Hồi đó khi em đỗ xong trung học đệ nhất cấp, thì xảy ra chiến tranh Cao Ly, em bằng bột hưởng ứng lời hiệu triệu của tổ quốc, tham gia « Kháng Mỹ Viện Triều » rồi theo học khóa huấn luyện cán bộ ; mãn khóa xong, em bị chuyển sang chiến trường Cao Ly để phục vụ thương binh. Lần đầu tiên em bước vào một nhà thương dã chiến. Em sợ quá anh ạ ! Theo chỉ thị của cấp trên, đối với mọi thương binh, em phải săn sóc cẩn thận. Một hôm người ta đưa vào nhà thương một chí nguyện quân bị thương khá nặng, hẳn ta để sợ quá ! Vết thương ra máu rất nhiều ; cần phải sang máu mới mong

cứu sống. Em khảng khái sang máu cho hắn, thế là hắn được cứu thoát khỏi tay tử thần. Nhưng vì hắn thoát chết, em càng lo sợ hơn trước nữa anh ạ ?

— Sao có sự lạ như thế ?

— Hắn không phải một binh sĩ thường mà là một cán bộ cao cấp.

— Rồi ra sao ? Sinh nóng nảy thúc giục.

— Đảng lẽ em theo đến đại học-y khoa, nhưng vì việc này em không muốn ở lại nhà thương để công tác nữa. Em thi sang khóa công.

— Tại sao ? Hắn có bị tật không ?

— Không anh ạ ! Hắn chỉ bị mảnh bom ghim vào đùi, nhưng sau khi vết thương khỏi hẳn, hẳn lại đau dạ dày. Em được lệnh mới là trường kỳ săn sóc hắn.

Mãn Phân ngừng một tí, đoạn kể tiếp :

— Trong thời kỳ này chiến sự bất lợi, quân đội Mỹ tăng cường lực lượng ở Nhân Xuyên, nhà thương phải di chuyển từ Thiết Nguyên về Ấp Lục Giang. Suốt đoạn đường này, một mình em phải săn sóc hắn.

— Không có tàu hỏa sao ?

— Không anh ạ ! Chỉ đi bằng xe hơi và phải đi ban đêm.

Nói đến đây nàng bỗng cúi mặt xuống, môi hơi mím, mấy đầu ngón chân di di xuống tuyệt, mặt dần dần đỏ. Nhưng nàng lại tiếp :

— Có một đêm, xe phải dừng lại trạm nghỉ, vì câu chuyện bị máy bay oanh tạc. Đêm ấy anh tài xế và cần-vụ-viên đi vào trong xóm uống rượu, trên xe chỉ còn mình em và hắn thôi.

— Lúc ấy khuya rồi chứ ?

— Khuya lắm, nên trời trong xanh, ánh trăng vàng vạc, trong xe lại treo một cây đèn gió. Đang lúc em pha nước cho hắn uống thuốc, người em mệt nhọc vì ngồi suốt ngày trên xe, thỉnh thoảng chụp lấy hai tay em nắm thật chặt...

Nghe thế, Sinh bỗng trừng trừng nhìn vào mặt Mãn Phân.

— Hắn nắm tay em, dòn dập kẻ công ơn của em ban cho hắn. Đôi mắt hắn đã lạc thần như người sắp chết. Em run cầm cập, cố sức kéo tay về, hắn càng cố sức nắm chặt hơn, mắt thẳng băng, em ngã chúi vào lòng hắn, hắn xoa tóc em và nói : « Em phải thương tôi, em đã an ủi tôi, em là ân nhân của tôi, em Mãn Phân ! Tôi đã theo Mao Chủ tịch suốt từ Càng Sơn, Diên An rồi đánh từ Cai Mục Tơ đến Hà Môn. Hiện giờ còn phải chạy từ Thiết Nguyên về Ấp Lục Giang. Tôi như hòn đá cuối lần long lóc, bây giờ chán lắm rồi, già yếu lại mang bệnh tật nữa. Em Mãn Phân ! Em hãy cứu tôi một lần nữa, đời tôi chưa biết lạc thú là gì... ». Nghe hắn nói thế, em hoảng quá vùi khóc òa. Hắn bèn móc tiền ra đưa cho em và tiếp : « Tôi hiện giờ tứ cố vô thân, số tiền này cũng chỉ vô dụng thôi. Em Mãn Phân ! Em



hãy nhận số tiền này và... ửng tôi...». Rồi thỉnh linh hẳn đẩy em ngã xuống sân xe và siết em vào lòng. Em đập tung hẳn ra và la cầu cứu. Nhưng mặc, hẳn lấy tiền nhét vào mồm em và xé toạc quần áo em ra. Em chụp được cổ hẳn và siết mạnh, hai đứa cũng lăn tròn trên sàn xe và cuối cùng làm thế nào mà hai đứa cùng lăn xuống đất và...

Kể đến đây, Mãn Phân bỗng im bật, nét mặt nàng còn hiện rõ sự kinh hoàng, nàng lấp bắp tiếp :

— Và... đầu hẳn đập vào đá, máu ra lai láng, hai tay hẳn từ từ buông ra, em chỉ kịp nghe một tiếng thở dài rồi im bật.

— Đảng có biết tại hẳn không ?

— Đảng biết rõ lắm. Nhưng đảng lại chính em không có tinh thần phục vụ triệt để, không nghĩ đến quyền lợi của đảng, không làm thỏa mãn nhu cầu cho hẳn đề đảng bị thiệt một cán bộ quân sự cao cấp. Nhân việc này đảng bắt em phải thú tội trước nhân dân là có ăn cắp tiền của chỉ nguyện quân và phải hoàn toàn giữ bí mật. Bây giờ đảng tạm khai trừ em khỏi đoàn tịch ; một vài năm câu chuyện phai dần mới cho em hồi phục đoàn tịch lại... Aah Sinh ! Em không hy vọng khôi phục đoàn tịch, em chỉ mong anh hiểu em và đừng khinh em. Em đau khổ nhiều rồi, đừng bắt em phải đau khổ nữa. Tội nghiệp em lắm !

Nước mắt ràn rụa, nàng nhìn chàng như van lơn cầu khẩn, chờ sự quyết định của chàng. Sinh nói :

— Anh cảm thấy...

— Anh cảm thấy thế nào, anh ?

Bỗng tiếng còi tàu hỏa như muốn xé tan làn mưa tuyết, cắt đứt câu chuyện giữa chàng và nàng.

Sinh giật mình ngồi nhồm dậy, hối hả kéo Mãn-Phân chạy ra đường.

— Chúng mình hãy mau đáp chuyến tàu này để kịp về trường trước đêm nay.

Đến lúc ngồi yên trên xe, nàng cảm thấy xấu hổ lạ ! Không dám quay lại nhìn chàng, tuy hai người ngồi sát bên nhau. Khó mà hiểu được lòng nàng lúc bấy giờ : xấu hổ và khoan khoái lẫn lộn. Xấu hổ vì câu chuyện nàng vừa kể cho chàng và khoan khoái vì nàng vừa được cởi mở tâm sự mà nàng hằng giấu kín nó tận đáy lòng, nó dày vò day nghiền nàng suốt năm trường nay.

Hai mươi phút sau hai người về đến trường. Chưa kịp từ giả người yêu, nàng ù chạy về phòng mình, úp mặt xuống giường thốn thức.

Bỗng nàng nghe như ai gọi tên mình, nàng vụt nhồm dậy chạy đến cửa sổ nhìn xuống công trường. Nàng giật mình đăm đăm nhìn chàng đứng tần ngần ngoài mưa tuyết nhìn sững lên phòng nàng. Mãn-Phân xúc động muốn gọi chàng thật to, nhưng nản g nghẹn ngào không thốt ra lời ; trong lúc ấy Sinh thong thả quay lưng về phòng mình. Đến cầu thang chàng còn quay lại nhìn nàng lần nữa.

Sáng mai phải thi động-lực-học rồi mà nàng chẳng quan tâm tí nào ; mặc cho các bạn sửa soạn bài vở và cảnh cáo nàng. Nàng ửng oải nhìn quanh phòng một lượt đoạn nặng nề ném mình lên giường cố nhắm mắt để khỏi thấy mọi vật chung quanh sao mà chúng đáng ghét đến thế ? Chúng nhìn nàng như soi mói. Hình ảnh Lý-Sinh hiện rõ trước mặt nàng. Rồi cảnh Lý-Sinh săn sóc nàng trên tàu hỏa, âu yếm dìu nàng lên, xuống xe, giúp nàng phủi sạch bông tuyết ngoài công trường, trước khi về phòng mình chàng còn quay lại nhìn nàng như thăm chúc nàng một đêm ngon giấc. Ôi đôi mắt tinh tứ biết bao ! Nàng ôn lại từng cử chỉ nhỏ nhặt của Sinh, nàng thấy chàng đã hiểu và yêu nàng. Nhưng nghĩ đến câu chuyện kể cho chàng nghe trong vườn hoa, nàng vẫn thấy áy náy, khó chịu. Nhất là câu trả lời lơ-lửng của chàng, khiến nàng xót xa hơn ; nghĩ đến



đây nàng bật khóc như một đứa bé vừa bị người ta cướp mất nguồn vui duy nhất của nó. Nàng khóc rất thảm thiết, ray rứt suốt đêm. Đời nàng sao mà phủ phàng đến thế ! Mãn-Phân cảm thấy đời mình đến đây thôi thế là hết. Mãi quay cuồng với bao ý nghĩ trong đầu, nàng thiếp đi lúc nào không biết.

Còn phần Sinh sau khi về phòng mình cũng thao thức suốt đêm. Chàng bị hai hình ảnh lôi kéo : Như Như và Mãn-Phân. Chàng thấy mình yêu Mãn-Phân thật rồi, yêu vì sắc đẹp của nàng, sự dịu dàng của nàng, nhất là giọng hát như tiếng oanh sồ lồng vút trời cao. Nhưng vì lý do khác khiến chàng không thể cùng nàng đi đến hôn nhân. Sinh oán hận hoàn cảnh éo le đã đem khổ não đến cho chàng, oán số mệnh sắp đặt cho chàng gần gũi nàng dưới mái học đường, cùng một ban chuyên môn, cùng một tiểu tổ, lại cùng một bàn ăn. Ông tạo sao khéo trêu người chi lắm vậy !

Sáng hôm sau. Sinh dậy thật sớm, vào phòng rửa mặt đã thấy Mãn Phân rồi. Thấy chàng, nàng khẽ gọi :

— Anh !

Sinh yên lặng nhìn nàng khẽ gật đầu. Một lúc lâu, chàng thấy cần phải nói rõ tình cảm của mình :

— Thi xong động lực học, anh chờ em bên kia cầu công lộ nhé !

Tan giờ thì, Sinh hối hả đến chỗ hẹn đã thấy Mãn Phân đợi chàng ở đó từ bao giờ.

— Aoh Sinh !

Nàng xúc động gọi tên chàng, nhưng đôi mắt vẫn đăm đăm nhìn dòng sông tuyết lơ lửng trôi về nơi xa thẳm. Số phận của nàng sẽ được quyết định ở câu trả lời của chàng hôm nay.

Sinh như một diễn giả mới lên diễn đàn lần thứ nhất, rụt rè, ngập ngừng. Chàng định sẽ đưa ra những lý do chàng đã nghĩ trước : sự oán tiếc của chàng, những lý luận bình hòa chặt chẽ để nàng không thể bắt bẻ vào đâu được.

Hốt nhiên Mãn Phân ngừng đầu lên, đôi mắt nàng hơi sưng, quầng mắt hơi thâm. Chàng thấy xót thương nàng, khiến những ý định tan biến đầu mất. Sinh chỉ biết thở dài, nghẹn ngào. Mãn Phân không thể chịu được nữa, nàng cần phải biết số phận của nàng :

— Hôm qua anh bảo « cảm thấy... », anh cảm thấy gì ?

— Thế à !

Sinh hơi trầm ngâm, cảm thấy mình như một tội phạm đứng trước quan tòa.

— Anh cảm thấy... cảm thấy không thể được.

— Trời ơi !

Mãn Phân hét lên một tiếng, ôm đầu lao đao quay lưng chạy thẳng về trường, nàng như con nai con bị hổ vồ bị thương. Sinh hốt hoảng gọi rối rít:

— Mãn Phân ! Mãn Phân ! Em hãy nghe anh nói hết đã !

Nhưng nàng đã chạy xa rồi.

Chủ-tịch Lưu-Hán-Tiến đang khấp khểnh với một chân què lê từng bước trước công trường. Bỗng thấy Mãn Phân hốt hải chạy vào trường, hắn chặn nàng lại nói :

— Mãn Phân ! Ông đâu gọi- mau lên.

Nàng đẩy hắn sang một bên, lấy lối đi rồi cứ việc chạy thẳng vào trường. Lưu Hán-Tiến tròn xoe đôi mắt gọi to :

— Mãn-Phân ! hãy dừng lại tôi bảo cái này, em khôi phục đoàn tịch rồi, em đã khôi phục đoàn tịch rồi !

Lúc ấy Sinh cũng vừa về đến nơi. Nhưng Mãn-Phân như hồn ma chui vào mõ, cửa phòng đã đóng chặt rồi Chàng chỉ biết ngẩn ngơ trước sự việc xảy ra quá sức tưởng tượng của chàng. Lưu-Hán-Tiến đến sau lưng lúc nào mà chàng cũng chẳng hay. Hắn mỉm cười rồi khấp khểnh quay về phòng đảng

ủy. Hắn là một phục vụ viên tận tụy cộng-quần vừa là một ngũ kim gọt cắt chuyên môn của hệ thống chủ-tịch và chi thư ký đảng. Vừa rồi hắn thừa lệnh của đảng ủy đi tìm Mãn-Phân.

ĐOẠN II

VĂN phòng của đảng ủy biệt lập hẳn với khu nhà trường, cũng quét vôi trắng như những khu nhà chung quanh. Nhưng nơi đây không một ai được phép lại gần trừ khi có lệnh đảng ủy đòi. Tất cả những tài liệu bí mật đều do nơi đây soạn thảo và như vũ bão tung ra ngoài. Những người có ý không ưa chủ nghĩa duy vật thường gọi là văn phòng nâu Các sinh viên thì gọi là phòng nhiếp ảnh, vì trong phòng lúc nào cũng tối như mực.

Mặt Lưu-Hán-Tiến béo phì đỏ nọng, giọng nói đặc mùi duy vật. Hắn cố lê cái chân què đưa Mãn-Phân đến trước phòng giấy rồi quay lại bảo :

— Em vào đi. Đảng ủy đang đợi đấy.

Nàng bủ môi, bước tới gõ vào cửa hai tiếng rồi tự động xô cửa bước vào. Lưu Hán Tiến thông thả khép cửa lại và ngồi chặn trước cửa phòng.

Đảng ủy đã có tuổi đảng trên hai mươi năm, hắn xuất thân từ một anh đầu bếp sành nghề. Người hắn béo phì, tóc le the mấy sợi ; hắn bệ vệ ngồi xuống ghế, gian phòng hoàn toàn yên lặng, hoang lạnh.

Mãn-Phân vừa bước vào phòng, hắn liền lên tiếng :

— Mời cô ngồi.

Hắn cười toe toét, miệng rộng như lỗ cống. Trên bàn chõng chất những công văn, trên tường treo ảnh STALINE và một cái chõng lông gà, ngoài ra chẳng còn thứ gì khác. Giữa phòng là một bộ « sa-lông » sang trọng : bàn giấy của hắn. Hắn ôn tồn nói :

— Đảng rất quan tâm đến những thanh niên hoạt động như cô. Hơn nữa cô là một tiên nữ biết bao chàng trai hằng mơ ước !

Mãn-Phân ngược mắt lơ lơ nhìn hắn đang cười hềnh hếch híp cả mắt. Trí óc mãi nghĩ tặn đầu đầu, nàng dợm muốn ra về. Hắn đưa tay ngăn lại :

— Đảng ủy đã có ý định tác hợp cô và Lý-Sinh. Theo sự nhận xét của tôi, nếu không lầm, cô đã yêu Lý-Sinh và ngược lại Lý-Sinh cũng chẳng ghét cô ?

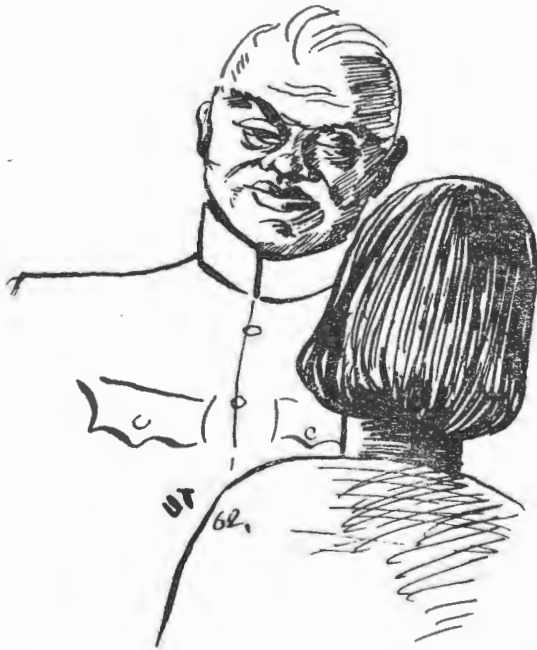
— Không... không anh ấy... không...

Nàng không đủ can đảm để nói hết câu :

— Vì vấn đề này, đảng quyết định khôi phục đoàn tịch và danh dự của cô, cô vẫn là một đoàn viên gương mẫu.

Gương mặt của hắn lúc này như những nắm mớ rắc đầy hoa, khá đến mẩn. Nhưng Mãn Phân nghĩ : biết đâu hắn đang gài bẫy mình chăng ? Hắn tiếp :

— Cô và Lý Sinh đều là sinh viên tam hảo cả, nhưng gần đây công tác của hai người đang xuống



giốc. Hôm qua cô không tham gia thi động lực học phải không ?

— Vâng ! Nhưng hôm nay tôi thấy ân hận lắm.

— Không ! Không được như thế, cô phải chăm chỉ học tập, chuẩn bị cho tương lai phục vụ nhân dân ; phải can đảm trình bày những uẩn khúc của đời mình để đảng giải quyết cho. Sao có lại âm thầm đau khổ một mình như thế ?

Lời lẽ ôn tồn của đảng ủy nhân hậu làm sao !

Nghe xong, Mãn Phân cảm thấy trong người có đôi phần khoan khoái. Nhưng nàng hơi nghi ngờ. Hắn có thật tốt không ? Hay lại gì nữa ? Dù sao màu hy vọng trong lòng nàng đã phai dần rồi !

Đảng ủy nhìn đồng hồ rồi nói :

— Về phần Lý Sinh, tư tưởng có đôi phần trở ngại, tôi biết rõ lắm. Nhưng cô cứ yên tâm, tôi đã có phương pháp.

Hắn lại nhìn đồng hồ tay lần nữa và tiếp :

— Chiều nay có liên hoan, đảng sẽ xếp đặt một tiền mục cho cô và Lý Sinh hợp ca bài « Nông gia lạc », cô phải đứng xa máy vi âm một tí và đứng sát vào Lý Sinh... Chỉ có thế thôi, cô về được rồi.

Nghe hắn nói xong, nàng như người trong cơn mê. Nếu phải như thế cũng liệu vậy, chứ biết sao ! Nàng như người đang chết trôi giữa biển mênh mông, thấy tấm ván mỏng manh cũng cố bám lấy. Nàng đứng dậy, cáo biệt đảng ủy, yèn lặng bước ra khỏi phòng. Lưu Hán Tiến vẫn đợi nàng từ nãy giờ, thấy nàng ra, hắn cười đắc chí bảo :

— Hôm qua tôi đã nói trước, cô vẫn chưa tin.

Nàng kéo cao khăn quần cở, che lấy mặt, lầm lũi đi về phòng mình.

CHIỀU hôm sau, hội liên hoan khai mạc, đảng ủy cùng những quan khách tề tựu đông đủ. Trong số quan khách này người ta nhìn thấy có hai bất thục chi khách từ Thượng Hải đến, cũng là đảng ủy xuất thân từ một anh bồi bếp. Hai người này có nhiệm vụ cần kíp gặp đảng ủy Trường Xuân.

— Thưa các đồng chí ! Đại hội liên hoan của chúng ta hôm nay bắt đầu khai mạc.

Đảng ủy Trường Xuân đứng lên trình trọng tuyên bố. Tiếp theo là đoàn tổng thư nói :

— Tôi xin công bố hai việc đảng vừa bố cáo :

1— Bắt đầu tuần sau chúng tôi sẽ lưu trú tại quý trường để thi hành công tác kiểm thảo tư tưởng của sinh viên. Đảng đoàn viên phải đứng đầu khích động toàn trường can đảm tự kiểm thảo lấy mình và kiểm thảo các bạn.

2— Cô Mãn-Phân được khôi phục đoàn-tịch cùng danh dự. Cô ngày xưa là một nữ y-tá và là đoàn viên gương mẫu.

Đoàn tổng-thư nói xong, tiếng hoan hô vang dậy. Lý-Sinh sung sướng quá chạy đến sau lưng Mãn-Phân khẽ bóp tay nàng, nàng quay lại nhìn chàng thâm nghĩ : « tin tưởng đã trở lại với đời ta rồi ».

Lão Lưu-Hán-Tiến vừa vỗ tay vừa hét to :

— Yêu cầu đồng chí Mãn-Phân lên ca một bài... À ! Mời cả anh Lý-Sinh cùng hợp ca bài « nông gia lạc », tất cả đồng ý không ?

— Đồng ý !...

Toàn thể khán giả vỗ tay hoan hô ầm cả lên, đồng yêu cầu Mãn-Phân và Lý-Sinh lên sân khấu.



Dưới hàng ghế đầu, hai vị quan khách Thượng Hải đã chực sẵn máy ảnh. Mãn-Phân vừa cất tiếng hát : « Hỡi ! Hỡi ơi ! Anh khao gần lúa cao lương, em khao gần lang quân ơi !... ». Người ta thấy ánh sáng xanh lóe lên thân ảnh hai người. Tất cả khán giả vỗ tay hoan hô nhiệt liệt.

Buổi dạ hội liên hoan chấm dứt. Đảng ủy cùng các quan khách ra về. Bây giờ đến lượt các sinh viên vui nhộn. Họ nhảy lên, la hét vang ầm, từng đôi một ôm nhau nhẩy múa. Lý-Sinh cùng Mãn-Phân cũng đi vui cùng các bạn. Sinh ngây ngất tắm mình trong ánh sáng mờ ảo, chàng khẽ bảo bên tai nàng :

— Anh sung sướng quá !

Đôi mắt Mãn-Phân sáng rực lên, nàng mỉm cười :

— Em cũng thế anh ạ !

— À ! Ngày em, chủ nhật này chúng mình đi chơi nhé ! Em thích anh tặng quà gì nào ?

— Em thích của ngọt thôi.

— Thế chúng mình đi Thu Lâm Châu-Sắc, tha hồ cho em chọn nhé !

— Không ! Em muốn chỗ kín đáo cơ !

Mãn-phân nũng nịu nắm tay Sinh lắc lắc mấy cái.

Nhà hàng Thu-Lâm Châu-Sắc của người Nga. Thị trường thương mại tại các thành phố lớn ở Đông-Bắc Trung-Hoa đều nằm gọn trong tay người Nga. Tất cả các đại xí nghiệp, các cửa hàng to lớn đều của người Nga.

Chủ nhật hôm ấy hai người cùng đi Thu-Lâm Châu-Sắc. Sinh hỏi cô bán hàng :

— Đây có bán cao lương không ?

— Có ! Mua mấy gánh ? Cô ta hỏi giọng khinh khỉnh không mấy sôi tiếng Tàu.

— Bán-cho tôi một gánh.

— Mày... người Tàu... thẳng nghèo... nửa ký cũng nhiều lắm rồi.

Sinh muốn tặng cho cô hàng vài tát tai, nhưng Mãn-Phân vội kéo tay chàng lại. Chàng chỉ lắc đầu mỉm cười :

— Em còn nhớ hôm đầu trong trường chúng mình học môn gì không ?

— Môn chính trị — học tập dân tộc Nga-Sô.

— Người Nga như thế đáng để chúng mình học không ?

Sinh vừa nói vừa nhìn cô bán hàng có vẻ khiêu khích.

— Này, thẳng tốt mã...

Cô ta tỳ tay lên bàn cân hẳn học tiếp :

— Mày gầy như thế có phải dân Thượng Hải không ?

Sinh tăng lờ quay đi, nhưng cô hàng càng trêu già, cô xoa hai tay mình nói :

— Này ! Xưa kia ở Thượng Hải nhiều con gái Mỹ lắm phải không ?... Gái Mỹ đẹp hay gái Nga đẹp ?

Sinh quay lại để tay lên vai Mãn-Phân kiêu hãnh trả lời :

— Chỉ có gái Trung Hoa là tuyệt.

Nói xong hai người đều nhìn cô gái Nga cười ngất.

Công viên hôm nay như một cô gái đang xuân, không ủ rũ như mấy hôm trước vì không có mưa tuyết. Trời mây quang đảng, gió mơn man, không khí mát mẻ khoái người.

Hai người đưa nhau vào nhà mát giữa công viên. Trạ lưng vào lan can, Sinh bóc một chiếc kẹo cho vào mồm Mãn-phân, nàng ngậm lấy hỏi chàng sẽ :

— Anh còn tin em không ?

— Trời ơi !



Sinh thầm kêu. Chàng nghĩ : hôm trước mình trả lời dứt khoát với nàng có hơn không ? Kéo dài mãi càng thêm khổ ! Chàng thấy thương hại nàng, âu yếm nắm tay nàng, nói :

— Nếu hôm trước em nghe hết câu chuyện của anh, anh tin chắc em không giận anh đâu.

— Bây giờ thì sao ?

— Anh nhận thấy đảng giải quyết vấn đề nào là nắm chắc tình hình của đương sự rồi và dựa vào thuyết duy vật để cải tạo tư tưởng. Sở dĩ có sự nhầm lẫn trong khi công tác vì sự bất cẩn của một vài bộ phận nhỏ nào thôi, rồi sau đó họ sẽ cải chính ngay. Nếu lúc đó em đem vấn đề trình bày với thượng cấp thì làm gì bị khai trừ khỏi đoàn tịch,

— Vậy thượng cấp không phải là Cộng sản à ?
Nhưng bị khai trừ hay được khôi phục đối với em
chẳng ra mùi gì...

Nói đến đây, nét mặt nàng thoáng hiện vẻ lo
âu, nàng tiếp :

— Em chỉ cần hỏi anh... tin em không ?

— Không tin em chứ còn tin ai ?

— Hiểu em rồi chứ ?

Sinh mỉm cười, bẹo má nàng.

— Vậy anh có...

Mãn Phân nắm chặt tay áo Sinh, đôi mắt long
lank ướt nhìn chàng, giọng run run :

— ... có yêu em không ?

Sinh hơi cúi đầu, mắt nhắm nghiền. Hoàn cảnh
éo le đột hiện trong óc chàng. Khó xử quá ! Giấu
hay nói thật ? Giấu không thể được nữa. Mà nói thật
thì Mãn Phân sẽ ra sao ? Chàng thấy khổ tâm quá !
Cuối cùng Sinh thở dài và ngừng đầu lên :

— Em !

Sinh ngập ngừng một tí, chàng thấy can đảm
hơn, giọng âu yếm :

— Em muốn tình đôi ta sẽ mãi mãi trong lòng
chúng ta không ?

— Em lúc nào cũng chiều anh.

— Em ! Em của anh ngoan quá ! Anh nguyện ghi
trọn hi vọng em trong tim anh. Nhưng mà...

Sinh trầm ngâm một phút, môi chàng mím chặt
đến rướm máu :

— Nhưng em phải hứa sẽ giữ mối tình của chúng
ta hoàn toàn trong trắng. Nếu không, em đừng oán
anh nhé !

— Anh nói gì em không hiểu ?

Giọng nàng hơi run.

— Anh đã eó...

— Có gì ? Anh đã có... ?

Mặt nàng tái xanh, toàn thân lạnh ngắt, nàng
lặng đi.

Sinh bối rối, không biết nói sao cho phải với
nàng. Cưỡng họng chàng như bị tắc nghẹn, chàng
phải dựa vào lan-can cho khỏi ngã. Sinh không dám
nhìn nàng, không hiểu kết quả sẽ ra sao !

Đột nhiên nàng hỏi :

— Anh đã có người yêu rồi phải không ?

Sinh lẳng lặng rút trong túi ra một bức thư trao
cho Mãn-Phân. Nàng run run mở ra :

Anh Sinh yêu quý !

*Chị Hạ đã thành hôn rồi anh ạ ! Em đi phù dâu
đây. Thấy hạnh phúc của người, em trạnh nghĩ đến
đôi ta. Anh mau nghĩ hè về Thượng Hải với em nhé !*

*Trong lúc cử hành hôn lễ em đỡ vật sa cho chị
ây. Lúc lên nhà trên, em thấy nhà trai đông quá !
Mắt em hoa lên chẳng thấy gì nữa. Em chỉ thấy anh ;*

*anh cũng như ngày xưa. Anh đến bên em ôm lấy em
ghì vào lòng. Bỗng nhiên trời đất như tối sầm lại và
em ngất đi !*

*Đền lúc tỉnh lại, em đã nằm trong nhà thương
rối. Ông y-tá đang xem mạch cho em. Nghĩ có buồn
cười không anh ? Chỉ vì nhớ anh quá chứ em bệnh gì ?
Bắt đền anh đây !*

*Em nghe Đình Bắc lạnh hơn Thượng Hải nhiều.
Em sợ anh bị nhiễm lạnh rồi sinh bệnh, nên đã gởi cho
anh một bộ quần áo da, một cái mũ hàng không. Bây
giờ em đang đan cho anh một cái áo « len » nữa đây.
Em của anh có ngoan không hở anh ?*

Thượng Hải, ngày 13-9...

Em của anh

NHU-NHU

Đọc xong, Mãn Phân thấy đó là một tối hậu thư
vô cùng đau đớn bắt buộc nàng phải rời khỏi Lý-
Sinh. Nàng nghĩ : Thời thế là hết, đời ta từ đây sẽ
như đám mây trôi ». Nhưng nàng chợt tỉnh và háy
đời không quá tệ bạc như đã tưởng. Nàng thấy rằng
hạnh phúc vĩnh cửu của con người là : đem hạnh
phúc của mình ban cho kẻ khác. Nàng hiểu tâm lý
đàn bà nhiều, nhất là những cô gái như nàng. Như-
Nhu lần đầu bước vào ngưỡng cửa tình ái cũng như
nàng. Nếu nàng không biết sớm thì hạnh phúc đời
Như Như sẽ tàn khốc đến bực nào ? Nàng chỉ là kẻ
đến sau !

Mãn-Phân xếp cần thận bức thư trả cho Lý-Sinh.
Nước mắt đầm đìa, nàng miễn cưỡng mỉm cười :

— Em hạnh phúc lắm rồi anh Sinh ạ ! Yêu và
được yêu, như thế không còn gì hơn nữa ! Anh hãy
trở về với Như-Nhu, cô ấy đang là người yêu lý
tưởng của anh.

— Anh hồ thẹn lắm

— Tại sao lại hồ thẹn ?

Đề an ủi chàng, Mãn-Phân lấy khăn lau nước
mắt cho Sinh và hỏi :

— Như Như đã khỏi hẳn chưa anh ?

— Anh không được biết, từ ngày nhận được thư
này đến giờ chả có bức thư nào khác nữa !

— Trời ơi, từ 13 tháng 9 đến nay cả tháng rồi !

Nàng ái ngại nhìn Sinh bảo :

— Anh nên đánh điện hỏi xem ?

— Anh đã viết liên tiếp mấy lá thư rồi. Nhưng
thư đi thì có mà thư về thì không !

ĐOẠN III

HỘI « TRUNG-THÀNH, THÀNH THẬT » đã khai
mạc, toàn trường được nghỉ hai tuần lễ. Đảng
ủy chủ tọa buổi họp và bằng một giọng hách dịch

bắt buộc toàn trường, các giáo sư và sinh viên, đều phải tham gia tiến hành kiểm tra tư tưởng.

Nhiệm vụ của giáo sư:

1—) Phải trình bày minh bạch vấn đề sử ký và qua hệ xã hội

2—) Kiểm tra giai cấp tư sản, quan điểm giáo dục và phương thức.

Nhiệm vụ của sinh viên:

1—) Phải luôn luôn sát cánh với mọi người trong gia đình chính mình. Mỗi người ít nhất phải bám sát hai người trong họ hàng và giáo sư phản động.

2—) Kiểm thảo học tập, động cơ và thái độ học tập của mình.

Cuối cùng đảng ủy trân trọng cảnh cáo rằng:

-- Nếu ai giấu giếm và ngụy tạo thì sẽ chiếu theo luật đảng mà nghiêm trị.

Bây giờ đến lượt kiểm thảo ban ngũ kim gọt cắt. Sinh viên theo ban này không nhiều mấy, nên không chia thành tổ, do đoàn-chi-thư Lư-Hán-Tiến làm chủ tịch và hai tích cực đoàn viên làm phó chủ tịch. Chủ tịch Lư-Hán-Tiến bắt đầu diềm danh. Người bị gọi tên trước nhất là Lý-Sinh.

Sinh hết sức ngạc nhiên. Mãn Phần và các sinh viên cũng lấy làm lạ. Bởi vì ai « đầu sỏ » là cả vấn đề vô cùng quan trọng.

Sinh đứng dậy, khẽ cúi đầu chào mọi người. Chàng thấy toàn thể cử tọa nét mặt lạnh như tiền, im lặng nhìn chàng. Chàng đâm bối rối, lo lắng, bao nhiêu điều chàng định trước, sắp đặt thứ tự bấy giờ tự nhiên tan biến đầu mất. Chàng lặng đi một lúc mới lấy lại được bình tĩnh và nói:

— Kính thưa toàn thể cử tọa: Chúng ta là sinh viên đại học, thế hệ của Mao-Trạch-Đông, đó là điều mà chúng ta rất lấy làm hãnh diện.

Chúng ta nhờ sự anh minh vĩ đại của Mao Chủ tịch và vinh quang của Trung quốc Cộng sản đảng. Chúng ta hãy tự kiểm thảo mình; gột bỏ tư tưởng tư bản đề cầu tiến, mới xứng đáng là một sinh viên tâm hảo.

Sinh bắt đầu phản tỉnh, ý tứ không được mạch lạc:

— « Tôi thi vào khóa công, với tư tưởng không được trong trắng. Mới vào, tôi đã tự vạch con đường tương lai rồi. Tôi định sau khi tốt nghiệp với mảnh bằng kỹ sư, tôi sẽ mở xưởng chế tạo xe hơi to lớn tự mình làm chủ. Tiền lương ít nhất mỗi tháng một nghìn công phân (1), sắm xe hơi, tậu nhà tây. Nhưng sau khi tôi được « tam phần », « ngũ phần », mới biết được tư bản chủ nghĩa là đã man, không tương lai. Tóm lại ý nghĩ tư bản giai cấp của tôi sặc mùi sù ối. Tâm hồn tôi bị in sâu hình ảnh phản tiến hóa, tôi bại. Lúc nào tôi cũng nghĩ đến danh lợi riêng tư, không có một tí tinh thần phục vụ nhân dân. Chính vì tư tưởng sặc mùi tư bản ấy mà nhân dân xa tôi. Gần đây tôi được nghe sau khi ra trường tôi phải đi Tân Cương, chế tạo dụng cụ xe hơi

Tôi phác họa trong óc: Tân Cương là nơi sơn cùng thủy tận, không phố xá, cảnh vật đìu hiu, dân ở đó chưa được khai hóa. Rồi đầu óc tôi rối lên, học tập lười lãn đi, thành tích cũng bị hạ xuống. Nhưng thực tế, tổ quốc chúng ta vô cùng vĩ đại, khắp đất nước ngàn hoa tươi thắm. Xã hội chủ nghĩa chúng ta kiến thiết tương lai, biển sa mạc thành vườn hoa. Giờ đây, tôi được nghe báo cáo tư tưởng tôi được đề cao. Từ nay trở đi tôi nguyện lúc nào cũng tuân lệnh cấp trên một cách tuyệt đối. Tôi sẵn sàng đi phục vụ công tác bất cứ... nơi nào... Gia đình tôi thuộc thành phần giai cấp tư sản, nên tôi đã cắt đứt liên lạc với gia đình từ lâu. Tôi có người chú nghiện thuốc phiện, tôi bị ảnh hưởng khá nặng. Lúc còn bé tưởng sau này lớn tôi cũng như chú tôi mất! May sao Đảng Cộng sản cứu lấy tôi! Bấy giờ chẳng những tôi thoát được hố sâu nha phiến, mà đảng còn đặc ân dành cho tôi một chỗ ngồi trong đại học đường nhân dân Công ơn ấy của Mao-Chủ-Tịch như trời như biển. Lúc tôi ở trung học có một giáo sư tư tưởng phản động. Nó thường mớm cho chúng tôi những tư tưởng phong kiến, nói cái gì cũng: « thư trung tự hữu vàng kim ốc, thư trung tự hữu nhan như ngọc » (2). Đầu óc tôi bị tiêm nhiễm sâu đậm « vạn ban cai hạ phạm, vi hữu độc thử cao » (3) của tư tưởng phản tiến hóa chỉ phối tôi. Tôi đáng được phê bình... Đến đây mong quý bạn cho tôi vài ý kiến quý báu giúp tôi được tiến bộ tôi xin thành tâm chịu nhận mọi sự phê phán của các bạn.

— Tôi có ý kiến

Một tích cực đoàn viên đưa tay.

— Anh Lý-Sinh phản tỉnh hoàn toàn không đi sâu vào tư tưởng của anh, anh chỉ viết nhẹ vẽ mờ, tránh nặng tìm nhẹ, tôi không đồng ý.

Lư-Hán-Tiến hùng hổ đứng lên:

— Anh bạn Lý-Sinh hoàn toàn mơ hồ, qua quảng cho xong việc, anh chỉ bán thông minh thôi không một tí thật thà nào hết. Mong toàn thể các bạn phát biểu ý kiến, không nên dung túng chủ nghĩa ôn hòa.

— Tôi nhận thấy Lý-Sinh hoàn toàn không đã động gì đến bản chất tư tưởng của anh.

Một tích cực viên khác nói:

— Anh bảo có tư tưởng tư-bản nhưng tác phong giai cấp tư sản ở chỗ nào mới được chứ? Còn nữa, anh bảo thoát ly quan hệ gia đình thế sao anh lại có quần áo da, mũ hàng không mới tinh?

— Những thứ... những thứ ấy... của người yêu tôi ở Thượng Hải gửi cho.

1.— Tiền thưởng của chính phủ Cộng-sản.

2.— Trong thư đã có sẵn nhà vàng, trong thư đã có sẵn sắc đẹp.

3.— Vạn sự đều thấp hèn chỉ có độc thư là đáng quý.

(xem tiếp trang 58)

GIÁN - ĐIỆP VÀ PHÁN BỘI TRONG THẾ CHIẾN II

(Tiếp theo trang 37)

Cơ quan phân gián của Đức có được thông báo hay không ? Hay là Canaris đã có được sự tinh khôn để đề phòng phản ứng của Béria ? Chúng ta không bao giờ được biết, nhưng dù sao, lúc ấy lại có tin đồn trong giới nhà báo là Canaris đã bị Hitler bãi chức và được người khác thay thế để chỉ huy cơ quan mật vụ Đức. Những tin đồn này không qua được mắt Béria và các nhân viên của ông, và họ không thay đổi ý định hạ sát Canaris.

« Ivan », một người Nga cao lớn, đã từng tham dự vào cách mạng Bôn-Sơ-Vít, còn « Boris » đã học tập nghề gián điệp trong cuộc nội chiến Tây-Ban-Nha. Hai người đều đủ khả năng để chiến đấu cùng bất cứ tên phát-xít nào. Họ không phải là những người thông minh ghê gớm nhưng họ là những người tay chân lạnh lẽo, tâm hồn bình tĩnh và không hay nghi ngại. Có những người khác chuẩn bị cuộc ám sát, họ chỉ hành động vào lúc được ấn định. Đảng Cộng-sản quốc tế thường hay chủ mưu nhiều vụ bắt cóc và ám sát các tướng lãnh của quân đội Nga Hoàng xưa kia và tay chân bộ hạ của Trotsky cùng những người chống Cộng ngày nay là nạn nhân của họ. Những kẻ thi hành án mạng không khi nào bị bắt hay bị hành phạt và cũng không thiếu gì những người Âu như « Ivan » và « Boris » không cần tập dượt mới có thể giết người.

Ivan và Boris bền chí đợi giờ hành động. Họ được giấu kín trong một biệt thự ở ngoại ô Bá - Linh trong vùng Grunewald. Họ không được đi ra ngoài và trong nhiều tuần lễ họ sống như ở tù. Chính nơi đây hàng ngày họ lo sợ chờ đợi mồn tiếng còi báo động chấm dứt các cuộc oanh tạc ban đêm của Đồng - Minh, và họ giết thì giờ bằng cách đánh bài.

Béria không cần nghĩ đến sự nguy hiểm có thể xảy đến cho các nhân viên đặc lực của ông. Sau khi thi hành xong cuộc ám sát, Ivan và Boris phải trở lại biệt thự của mình và ẩn mình nơi đây trong vài tuần nữa. Sau đấy họ có thể đi đến một trong vài làng nhỏ của dân đánh cá biển Baltique, nơi đây một tàu ngầm sẽ đón họ về nước. Kế hoạch đã thực hiện nhiều lượt có kết quả. Và lượt này vẫn có thể áp dụng trở lại.

Trong lúc chờ đợi, các gián điệp của Béria ở Đức gom góp tài liệu tin tức nhỏ nhặt nhất về đời sống của Canaris. Sự thành công cần đến các chi tiết này.

Canaris là người hay đánh bạc. Như trước đã có nói đến, ông xem thị trường chứng khoán trong nước như các canh bạc. Ông đánh bạc vừa để làm giàu vừa để mua vui.

Canaris có giao du với một nhà ngoại giao Lỗ-Ma-Ni, không thân mật lắm, nhưng có thể kể như bạn bè. Nhà ngoại giao Lỗ này, trăm phần trăm phát-xít, hợp tác chặt chẽ với Văn phòng Quốc xã của ngoại kiều. Hắn có cho Canaris và Ribbentrop nhiều tin tức quan hệ về các nước vùng Ba-Nhĩ-Cán. Chúng ta tạm gọi hắn là « Betany » trong câu chuyện này. Có nhiều lý do chánh đáng để không thể gọi đúng tên hắn và sau này chúng ta sẽ thấy là Betany cũng có ký kết với Nga. Tình cảnh hắn gần giống như đồng nghiệp hắn ở Phần - Lan là Friedrich Edge.

« Betany » cũng như Canaris là một tay mê đánh bạc. Canaris đã gặp hắn trong một mùa hè nơi sông bạc Zoppot từ và đấy bắt đầu một tình bạn giữa hai người. Betany không có số đỏ, có khi hắn bị thua đậm, và do đấy mà hắn bị lôi cuốn vào nghề làm gián điệp. Nhiều gián điệp tuyệt vọng đã sử dụng giải pháp cuối cùng cũng vì đàn bà và cờ bạc. « Betany » đã thua một lần tất cả tiền do người Đức giao cho hắn để nhờ hắn gửi đến các tổ chức thân Đức tại Lỗ-Ma-Ni. Hắn cố gỡ, nhưng rồi cuộc hẳn sức nhớ rằng các nước Phát-xít không bao giờ tha thứ những tội thâm lạm. Như vậy là Betany đã trở thành con mồi ngon của cơ quan mật vụ Bériá. Cơ quan O.G.P.U. khai thác cơ hội này một cách vô cùng khôn ngoan. Trước hết, Betany nhận được số tiền thua bạc mà hắn đang cần dùng và được cho biết là người ta không cần dùng hắn trong 4 tháng. Hắn chỉ cần ký một mảnh giấy, nhìn nhận có lãnh một số bạc của chính phủ Nga mà hắn đã giúp vài công việc. Hắn còn phải hứa là sẽ không hành động chống Nga.

Béria hiểu rõ là Betany chưa từng bị nghi ngờ. Betany chưa từng tiếp xúc với Nga bao giờ và trong bốn tháng tới đây hắn vẫn không được gặp ai là người bị nghi ngờ cả. Sau bốn tháng ấn định, Béria liền giao cho Betany vài nhiệm vụ không liên quan gì đến Đức cả, mà chỉ liên quan đến Hung-Gia-Lợi và Lỗ-Ma-Ni, nhiệm vụ này sẽ ít nguy hiểm cho Betany.

Nhưng lúc đó với công tác ám sát Canaris, Betany trở nên vô cùng cần thiết. Người ta tránh không giao cho hắn những nhiệm vụ nguy hiểm. Hắn chỉ cần báo cho các gián điệp Nga biết tất cả mọi chi tiết về đời tư của

Canaris. Một lần nữa, Béria đã khôn ngoan tránh cho một nhân viên quý giá như Bétany mọi hy sinh vô ích. Hàng tháng Bétany đều có tiếp xúc với gián điệp Nga qua sự trung gian của một sĩ quan Đức chống bọn Quốc-xã. Chính sĩ quan này, trong mùa hè năm 1944, đã tham gia vào cuộc ám sát Hitler do một nhóm sĩ quan tổ chức.

Một buổi chiều năm 1942, Bétany cho biết sẽ có một cuộc tiếp tân tổ chức tại tư thất của Bộ trưởng Ngoại giao Đức là Ribbentrop. Các báo chí Đức sau này đều có nhắc đến cuộc tiếp tân này. Bétany với tư cách ngoại giao đoàn, cũng được mời cùng tất cả nhân viên ngoại giao các nước đã giao thiệp thân mật với Đức Quốc-xã. Những cuộc tiếp tân định kỳ của gia đình « Ribbennob », người ta gọi đùa như thế, thường là đặc biệt long trọng. Canaris cùng vợ ông sẽ tham dự, mặc dù ông không thích các cuộc vui chơi xã giao này. Canaris chỉ thích có dịp đánh bạc để ăn thua lớn.

Liên lạc của Nga rất chú ý đến tin này và vài ngày sau Bétany nhận được chỉ thị. Hắn phải dự cuộc tiếp tân và phải ra về cùng một lượt với Canaris. Hắn phải đưa Canaris ra xe và làm ra vẻ say rượu. Trước khi xe sắp chạy hắn phải hát một bài hát xưa của Đức. Nhiệm vụ của hắn chỉ có thế và cũng không khó khăn đối với 1500 mark mà bọn Nga đã trả công cho hắn hàng tháng.

Cuộc tiếp tân rất linh đình. Tất cả xã hội quý phái của Đức đều có mặt: những người ngoại quốc « hợp tác », những công chức cao cấp, các sĩ-quan và tướng lĩnh quân đội và cả những « cửa đẹp » của Đức quốc xã. Có đủ các món ăn sang trọng. Biện pháp hạn chế thực phẩm không có ảnh hưởng gì đến các buổi tiệc này, tất cả các món ngon vật lạ đều được mua ở Tây-Ban-Nha, nước trung lập, và chở về Đức bằng phi cơ đặc - biệt. Quan khách chen nhau trong phòng khách được trang hoàng làm sân nhảy. Người ta đặc biệt cho phép đánh những bản nhạc « Swing » của Mỹ. Phòng đánh bạc cũng đông đặc không kém: Kẻ chơi theo lối người Anh-Mỹ, người chơi lối Âu-Châu. Riêng các người Áo và Ba-Nhĩ-Cán, thì mê say với lối bài cổ của họ Bétany đã hơi quá chén, hắn đã được trong sòng bạc « Poker ». Tư cách của hắn làm Canaris khó chịu. Ông nhìn hắn nghiêm khắc để nhắc hắn nên bình tĩnh. Trong sòng bạc, Canaris rất tự chủ. Ông có vẻ thân nhiên như tượng đá với nét mặt nhai nhụi và nhợt nhạt. Hôm ấy ông thua bạc và ông đứng dậy ra về vào khoảng nửa đêm. Trong lúc ông đánh bạc, bà Canaris bị bỏ quên và vẫn trò chuyện cùng nhiều bà khác có tuổi của ngoại giao đoàn. Ông đến gần vợ ông và ra dấu ông muốn đi về.

Hai vợ chồng Canaris chào từ giã gia đình Ribbentrop và ra xe, theo sau là Bétany tiễn đưa họ. Hôm ấy Bétany ra vẻ vui thích lắm và vì quá chén hắn quên thi hành nghi lễ chào « Heil Hitler » để tiễn đưa Canaris. Hắn cười nói và hát bằng giọng nặng của dân miền Ba-Nhĩ-Cán một bài hát cổ của Đức. Canaris cáo từ, và xe của ông bắt đầu chạy vào đêm tối của thành phố không ánh sáng, vì biện pháp chống oanh tạc. Nhiều xe khác cũng rời khỏi nhà Ribbentrop trong lúc ấy.

Một chiếc xe của quân đội mang cờ Đức Quốc-xã chạy vượt qua các xe khác. Với tốc độ này trong đêm tối nguy hiểm có thể xảy ra. Chiếc xe vẫn tăng tốc độ và thình lình chiếu đèn sáng vào xe của Canaris, không cần biết đến biện pháp cấm dùng đèn. Bồn tiếng súng nổ nhanh, một tiếng la thất thanh trong đêm tối. Chiếc xe có mang cờ biến mất trong các đường phố tối om. Một tiếng súng cuối cùng làm cho xe của Canaris bể lốp. « Boris » và « Ivan » đã thi hành nhiệm vụ và nửa giờ sau họ đã trở về biệt thự ở Grunenwald một cách yên ổn. Suốt đêm ấy, họ thảo luận và lo lắng, và lại càng lo lắng vì qua ngày sau các báo chí Đức không đã động gì đến vụ ám sát Canaris đã xảy ra.

Canaris không chết mà cũng không bị thương tích gì cả, và người ta được lệnh không được báo tin này. Ông ta bí mật cho lệnh khắp nơi, nhất là các hải cảng trong nước phải bắt giữ mọi người lạ mặt có vẻ khả nghi. Ông cũng biết vụ ám sát này là do một số chuyên viên của một cơ quan mật vụ ngoại-quốc thi hành chớ

B É R I A



không phải là nhóm chính trị bí mật trong nước ; các nhóm chính trị này chỉ nhắm vào những người như Goebbels hay Goering.

Hình như Canaris cũng biết những kẻ đã ám hại ông là người Nga nên ông đã cho lệnh kiểm soát đặc biệt các hải cảng Rostok và Stettin và tất cả các làng chài lưới quanh đấy. Ông cũng đã nghi ngờ những tay sai của Nga sẽ ra khỏi nước Đức bằng các hải cảng trong vùng Baltique. Các hải cảng này được lệnh đóng lại. Cơ quan Gestapo và mật vụ đã bắt hàng trăm người bị nghi ngờ. Do các báo Đức ở vùng Baltique đã đăng tải thông cáo đặc biệt chống bọn nhảy dù hay các gián-điệp địch đổ bộ bằng thuyền cao su nhằm phá hại kỹ nghệ Đức, Laurenti Béria đã nghĩ đến biện pháp của Canaris nhằm bắt « Ivan » và « Boris ».

Hai tháng sau, người ta lại nhận thấy hai người này ở Mạc-Tư-Khoa. Họ đã gặp vị chỉ huy của họ với vẻ mặt cau có. Béria đã cho họ hay là đã tốn phí tiền bạc và công khó một cách vô ích. Các cuộc sát nhân hoàn toàn nhiều khi cũng thất bại, nhưng trong trường hợp này, hai nhân viên của Béria không bị khiển trách vì chính Béria cũng không nghĩ và biết đến việc Canaris có chiếc xe bọc thép với các cửa kính dày chống được đạn. Gia đình Canaris chỉ bị thiệt hại với một vỏ xe bể.

Chán nản, Béria đành từ bỏ ý định hạ sát Canaris. Ông chỉ có nước cho ghi tên Đô-Đức Walter Wilhelm Canaris vào danh sách các phạm nhân chiến tranh của Nga để sau này xử và hành hạ họ nếu Đức Quốc-Xã thất trận. Nhưng Canaris đã không để cho Nga có dịp trả thù.

(còn nữa)

COMPAGNIE GÉNÉRALE DE COMMERCE

(L. RONDON & Co. L.T.D.)

9, Đường Trịnh - Minh - Thê

Tél. 21.081 - 20.400

THÊM

MỘT HÀNH ĐỘNG PHẢN BỘI CỦA NGA-SÔ

(Tiếp theo) TRONG ÂM-MUỘT GIÁN-ĐIỆP

Mấy tháng sau Vassal hồi hương được bổ nhiệm làm việc tại bộ Hải-Quân. Trước khi rời khỏi Nga-Sô, Vassal được gián điệp Nga trao cho những máy ảnh Minox dùng để chụp những tài liệu mật của bộ Hải-Quân,

Bắt đầu từ đó là cuộc phiêu lưu đau khổ của Vassal trên con đường bội phản tổ quốc. Về tới Luân Đôn, Vassal được lệnh của gián điệp Nga phải tiếp xúc với 2 điệp viên Xô-viết có bí danh Grégory và Nikolai. Vassal đã tiếp xúc với 2 tên này nhiều lần tại công viên Hoà-Lan và Wembley Để hẹn nơi gặp gỡ mỗi khi trao đổi tài liệu hoặc lãnh chỉ thị, Vassal liên lạc với điệp viên Xô-Viết bằng điện thoại, kêu số Kensington 8955 và mật hiệu là : « Cho tôi nói chuyện với cô Mary ! » Khi nào việc liên lạc bằng điện thoại gặp trở ngại thì Vassal phải dùng phễu vẽ một vòng tròn trên một thân cây nào đó tại hoa viên Bedford, nếu phần trắng thì có nghĩa : «Hãy chờ tôi !» và dùng phần đỏ là : « Hoãn cuộc gặp gỡ ! »

Trong suốt thời gian lãnh công tác của gián điệp Nga-Sô, từ 1954, mỗi năm Vassal được chúng cung cấp từ 500 tới 700 anh-kim. Vào thời kỳ 1961, cơ quan tình báo Anh Scotland Yard khám phá ra tổ chức gián điệp Nga tại Portland, những điệp viên hoạt động với Vassal vì sợ bị lộ hình tích nên không tiếp xúc với Vassal tới mấy tháng. Sau khi nghe ngóng tình hình tạm yên, bọn chúng lại cung cấp nhiều dụng cụ nhiếp ảnh tối tân cho Vassal để tiếp tục nhiệm vụ.

Đã từ lâu, hành vi đáng ngờ của Vassal đã bị cơ quan tình báo Anh theo dõi, Vassal bị nhà đương cuộc Anh bắt ngày 13/9. Theo lời tuyên bố của Đại-Tá Macafee giám đốc sở an-ninh hải quân thì một số lớn hình ảnh tối mật về những kẻ hoạch, tổ chức và cơ cấu của hải quân Anh-quốc đã được tìm thấy tại nhà riêng của Vassal, khi những tài liệu này sắp được Vassal chuyển cho bọn gián điệp Xô-viết.

HOÀNG - LONG

(Theo tài liệu Paris-Presse l'Intransigeant).

I.— TRÌNH DIỆN.

Cách đây 18 năm, lần đầu tiên tôi được nghe nói đến tên Hans Von Hassler, nhà bác học nguyên tử.

Vào thời kỳ đó, cha mẹ tôi, anh Tony tôi và tôi, đương cư ngụ tại Vienne. Nhưng gia đình chúng tôi đi nhiều lắm và đi luôn luôn. Cha tôi, kiến trúc sư, người Tô-Cách-Lan, nhận được rất nhiều công tác do các nhà giàu lớn khắp các nước Âu-Châu giao phó cho. Còn mẹ tôi, ca sĩ, là người nước Nga. Cứ mỗi mùa nhạc, mẹ tôi thường đi ca hát tại tất cả các đô thị trên lục địa.

Cuộc đời luôn luôn xê dịch nay đây mai đó, một môi quá, nhưng tôi lại lấy làm thích thú lắm, vì tôi nhờ vậy được biết hết các kinh đô Âu-Châu và biết nói được các thứ tiếng ngoại quốc. Ngay từ lúc còn nhỏ, tôi đã nói thạo Anh ngữ, Đức ngữ và Nga ngữ.

ĐI TÌM

BA NHÀ BÁC - HỌC

Tên Von Hassler, có một hôm tôi được nghe mẹ tôi nói ra ở Vienne, vào dịp nào thế nhỉ ? Hình như vào lúc mẹ tôi nói đến một người bạn gái ngày xưa của bà, tên là Natacha, và hình như bây giờ là vợ của Von Hassler thì phải. Lúc đó, tôi mới lên chín, tuy vậy, tôi còn nhớ được hai điều mẹ tôi nói dính dáng đến Von Hassler : một là ông ta là tay vật lý học (tôi chẳng hiểu vật lý học là gì cả), hai là ông ta góm ghiếc kính khủng lắm kia. Trong những năm về sau này, cha mẹ tôi trong khi nói chuyện cũng có đôi ba lần nhắc đến tên ông ta nữa.

Năm 1936, tôi ở Bá-Linh cùng với cha tôi. Năm đó tôi 18, và hai cha con đi Bá - Linh chơi để xem Thế-vận-hội. Gia đình tôi ở cả Luân-Đôn và tôi mới lên năm thứ nhì Lý-Hóa tại một học đường ở Tô-Cách-Lan.

Nhân dịp ở Bá-Linh, tôi chợt nghĩ phải lợi dụng lúc này tình quen thuộc liên lạc gia đình, nhất là tình chị em thân thiết giữa mẹ tôi và bà Natacha. Tôi cũng mới

được biết rằng Natacha đã làm giám đốc một phòng thí nghiệm khảo cứu mà tôi rất nóng lòng đến xem. Nghĩ thế là tôi làm liền ; và sau khi được một người phụ tá chỉ dẫn đi xem xét tất cả Phòng thí-nghiệm khảo cứu, tôi được vị giám đốc tiếp kiến.

Hans Von Hassler, người cao lớn, lưng gù, vai xuôi. Tóc hớt theo lối người Đức. Chân đi ủng. Mặc quân phục sĩ quan màu đen. Mẹ tôi nói ông ta thật góm ghiếc kính khủng, thật mẹ tôi đã không nói sai chút nào : góm ghiếc kính khủng từ vật chất đến tinh thần. Nóng nảy, kiêu ngạo, và cường tín, ông ta làm tôi ớn lạnh cả xương sống. Chuyện trò qua loa đôi câu về người con trai của ông là Rudolf, phi công trong quân đội (Luftwaffe), rồi Hassler cắt đứt ngay, và tôi cũng sung sướng cho là mình vừa thoát một tai nạn.

Nhiều năm qua không lần nào tôi được trông thấy Hassler nữa. Cha mẹ tôi nay đã nhất quyết an cư tại Luân-Đôn. Tôi đã bắt đầu theo học ở Tô-Cách-Lan và vụ hè nào tôi cũng về Anh quốc sống với gia đình. Thời gian này là thời gian sung sướng của gia đình tôi. cho

tôi khi anh lớn của tôi là Tony đương ở Đức viết thư về nhà báo cho cha mẹ tôi ý chí cương quyết của anh ở lại Bá-Linh và phụng sự Đức quốc. Lá thư này đã xé gan xé ruột cha mẹ tôi. Riêng tôi, tôi chỉ biết có khóc hoài, nghĩ rằng chẳng bao giờ còn được thấy mặt anh Tony nữa.

Đến mùa thu năm 1941, lại một thảm kịch nữa làm tan lòng nát dạ tôi : một trái bom của không quân Đức dội xuống đúng nhà chúng tôi ở Nam Kensington, Luân-Đôn ; cả cha tôi cùng mẹ tôi bị chết vì trái bom này.

Còn lại có mình tôi bơ vơ giữa cuộc đời ! Phải vật lộn để sinh sống ! Mùa xuân năm 1942, tôi đậu tiến sĩ khoa học, và trong suốt 3 năm sau liền cho tới khi chiến tranh kết liễu, tôi cùng vài bạn đồng sự được chỉ định làm những công tác tối mật, trong ngành khảo cứu nguyên tử.

Tôi không hề nhận được một tin tức gì của anh Tony tôi và đến khi chiến tranh kết liễu, tôi định tìm đi

tìm kiếm anh. Mùa hè năm 1945, tôi xin vô Ủy ban kiểm-soát Đông-minh tại Đức. Khổ thay ! Chẳng có một chỗ nào trống cả ! Sau cùng, tôi xin vô được Ủy ban Liên-Minh tại nước Áo, làm nhân viên Ban Y-Tế của Ủy hội Quốc-tế Áo-quốc, phụ trách các vấn đề như cung cấp và hông và các chất sát trùng cho các bệnh viện.

*

II.— BỊ NGA TRUY NÃ.

Một đêm tháng giêng năm 1946, sau khi hết nghỉ phép ngắn hạn tại Luân-Đôn, tôi trở về Vienne trên một chuyến xe lửa, mà các toa xe còn mang đầy mình dầu vệt khói lửa chiến tranh. Cửa sổ không có kính mà trời thì lạnh lẽo vô cùng. Trên tàu toàn là quân đội. Tàu vừa vô khu vực Nga. Tôi co ro run rẩy trong chiếc áo choàng, đứng nhìn phong cảnh Áo quốc tuyết phủ trắng xóa. Lạnh quá nên không sao ngủ được.

Có vài người lính cùng một lúc với tôi trông thấy cảnh này ở trước cửa : Có người đương trèo từ trên mũi tàu xuống.

NGUYỄN-TỬ

* NGUYỄN-VĂN-HỘI dịch Madelaine Duke

Một trung sĩ kêu lên : « Có người từ trên mũi tàu trèo xuống ! »

Y nhảy tới cửa sổ, và cùng với một người lính Pháp, nắm chặt lấy hai chân. Hai chân vùng vẫy mãi mà không thoát. Sau cùng, người đó đành để cho kéo xuống vào trong toa.

Người đó bé nhỏ, xanh như tàu lá và có vẻ kiệt sức : chắc hẳn là giống như bao nhiêu người Đức khác, y đang tìm cách trốn đi khỏi xứ sở.

« Ban Nga đuổi theo tôi... chúng muốn đày tôi đi Tây-Bá-Lợi-Á ! Tôi chỉ làm giáo học, giáo học tính nhỏ. Tôi không hiểu... »

Một quá, y không nói nữa, ngồi bệt xuống sàn tàu. Một lúc sau, y cố gắng đứng dậy và đi ra đầu toa, để lại một cái túi vải ướt đẫm.

Tôi không hiểu rằng tại sao tôi lại tò mò đến mức như thế này : người đó vừa khuất mắt là tôi lục lọi cái

túi vải đó. Tôi có cảm tưởng như là tôi đã gặp người này một lần rồi, hay là câu chuyện bịa đặt kia khiến tôi tin không nổi nên thành tò mò vậy. Có gì đâu, chỉ có quần áo. Chẳng có giấy tờ gì về căn cước cả.

Tôi toan thôi không lục lọi nữa, bỗng nhìn thấy góc một cái phong bì thò lòi ra ở miệng túi. Phong bì lâu ngày rồi, để gởi cho Hans Von Hassler. Chỉ có vậy thôi.

Thế là tôi đoán được ra ngay. Kẽ đào tẩu gần chết rét này chính là Rudolf Von Hassler, con nhà vật lý học Đức quốc-xã. Mấy phút sau, y quay lại chỗ cũ trong toa.

Khi tàu đậu tại ga Vienne, y xách túi đi mất dạng vào trong đám hành khách. Vài giây sau, tôi cũng xuống tàu. Tôi nghe thấy một tiếng kêu thét lên và suýt bị xô ngã vì một toán lính Nga ò ạt ở trên tàu chạy xuống. Hai ba người lính nằm rạp nhìn xuống dưới tàu. Giữa tiếng nổi súp-de xì hơi nước và tiếng còi tàu thì có tiếng súng nổ. Tôi rùng mình. Thôi, có lẽ Rudolf Von Hassler bị hạ rồi.

Mấy hôm sau, khi tôi lại đi làm như trước ở Ban Y tế, thì có một việc xảy ra làm cho tôi quên hẳn chuyện gia đình Hassler. Tôi tìm được anh Tony tôi, đang đau nằm tại bệnh viện Rodas ở Vienne. Tony bây giờ đã tỉnh ngộ, biết rằng mình lầm lẫn. Tôi nói cho anh biết hung tin tang tóc. Sau này, Tony đối với tôi quý giá vô cùng trong việc tôi thi hành công tác tối mật tôi phụ trách, công tác đó khiến cho tôi một lần nữa lại có liên lạc với gia đình Hassler.

Thiên hạ vẫn thường hỏi tôi thế nào mà tôi lại thành ra nhân viên của Sở tình báo và do thám Anh. Vào lúc tôi tìm được ra Tony, thì tôi chẳng những làm nhân viên Ban Y tế của Ủy ban Y tế Liên minh, mà tôi lại còn kiêm cả thông dịch viên chuyên môn Nga ngữ. Tôi có một bạn đồng sự còn trẻ tuổi là Sĩ quan Hồng quân, Trung úy Sergei.

Nhơn viên Anh ở trong Ban có tổ chức một dạ hội khiêu vũ. Sergei đến trễ, chúng tôi có mời tất cả các sĩ quan Nga, nhưng chỉ có một mình Sergei tới dự. Khi Sergei bước vô, chúng tôi nhận thấy rằng y uống rượu đã nhiều lắm rồi. Y lại mời tôi cụng ly, và bắt đầu nói chuyện về nước y, đẹp đẽ thế nào, tiến hóa ra sao

Trung úy Sergei chưa đến 21 tuổi, cho nên y còn say mê chế độ Xít-ta-linh thì cũng dễ hiểu. Trẻ tuổi, nên bằng bột lấm. Chuyện y vui. Rượu vào lời ra, y ca tụng tràng giang đại hải về ưu thế của Nga Xô đối với các nước Tây Phương ; tôi đang tức cười chịu không nổi thì... bỗng nhiên toát mồ hôi. . sồn gai ốc... vì một câu nói của y tuột ra : « chúng tôi sắp sửa có một thứ khí giới mạnh hơn bom nguyên tử : đó là bom khinh khí ».

Bây giờ, dĩ nhiên rồi, thiên hạ ai cũng thường nói đến thứ khí giới khủng khiếp ấy, nhưng vào năm 1946, những công tác khảo cứu về bom khinh khí chỉ còn mới ở trong giai đoạn sơ khởi và là một điều tối mật sanh tử cho vận mệnh quốc gia, thế giới.

Nghe thấy một người Nga say rượu mà lại biết nói đến thứ bom H thì thật là cả một sự kinh khủng rồi! Bây giờ nghĩ ra thì Sergei này phải là có liên lạc với những cơ quan Mật vụ gián điệp của Nga khi đó.

Sergei lại còn cho ra thêm câu này mới làm cho tôi sợ hơn nữa :

— « Và chúng ta đã biết được Hassler con rồi, chỉ biết chứ ? Con của nhà bác học đó ! ».

Vậy thì... Rudolf chưa chết, mà hiện đang ở trong tay người Nga giam giữ.

Đêm đó, tôi nghĩ mãi về câu nói ghê gớm của Sergei, bản khoán không biết phải làm thế nào bây giờ. Gần sáng, tôi mới chợp mắt được một chút, và khi tỉnh dậy tôi quyết định ngay : đi liền đến viên Giám đốc Mật vụ Anh tại Vienne và thuật tất cả mọi chuyện.

Một Trung-tá Gia Nã Đại tiếp tôi. Ông cứ nghe tôi nói, sau cùng mới hỏi :

— Cô đã kể cho ai nghe chuyện này chưa ?

— Chưa.

— Có một người nào ở Vienne này biết rằng cô đang phụ trách công tác khảo cứu nguyên tử và quen biết Hassler không ?

— Không một ai.

Trung-tá bảo tôi về, tuyệt đối giữ bí mật câu chuyện về vụ này và thêm rằng ông sẽ chắc chắn còn phải gặp tôi nhiều nữa.

Tôi lại vẫn đi làm như thường và chăm nom săn sóc Tony tuy bị sốt rét rùng rùng nhưng may được mỗi ngày một lại người dần dần.

Mấy hôm sau, tôi ngồi trong một tiệm cà-phê mà khách hàng chỉ toàn là quân sĩ 4 cường quốc chiếm đóng. Bỗng nhiên tôi giật mình khi nghe thấy câu tiếng Nga sau đây :

— « Không phải lỗi ở tôi, nếu Hassler... »

Mấy chữ cuối nghe không rõ vì ồn ào quá.

Hôm sau, có một cuộc hội nghị về Y - tế giữa những sĩ quan 3 cường quốc Tây phương và Nga xô. Tôi làm thông ngôn.

Gần cuối phiên họp, một sĩ quan phe tôi có đặt vài câu hỏi cho một sĩ quan Nga từ đầu đến lúc đó chưa có nói năng gì. Khi viên sĩ quan này trả lời, tôi vội vàng chăm chú nhìn ngay vào y, vì tôi mới nhận ra ! Tôi mới

nhận ra y chính là người hôm qua đã nói đến tên Hassler trong tiệm cà phê của lính tráng.

Hội nghị bế mạc, tôi bèn đi ngay đến Bộ Tổng hành dinh Anh-quốc và xin được yết kiến vị Trung-tá Gia Nã-Đại. Trung-tá mời tôi vào phòng giấy, trong đó có một sĩ quan của cơ quan tình báo quân đội Hoa Kỳ. Trung tá bảo tôi có thể nói hết mọi chuyện trước mặt sĩ quan đó. Khi tôi nói xong, Trung tá bảo :

— « Chúng tôi cũng vừa định hôm nay mời cô lại nói chuyện. Bạn đồng sự Hoa Kỳ của tôi đây và tôi muốn đưa ra một đề nghị. Dĩ nhiên là cô toàn quyền tự do nhận lời hoặc chối từ. Chuyện như thế này.



MEDELAINÉ DUKE (tác giả không bao giờ chịu để chụp hình phía trước mặt).

Chúng tôi phải tìm cho bằng được những nhà chuyên môn Đức về khảo cứu nguyên tử, trước khi bị quân Nga bắt chiếm mất. Và đặc biệt, chúng tôi muốn tìm nhà bác Hans Von Hassler và hai vị phụ tá của ông là Dorniz và Kellermann.

« Cô biết Hassler, cô lại biết cả con ông ta là Rudolf. Vậy cô hãy tìm cho ra Rudolf, rồi do Rudolf tìm cho bằng được Hassler ».

Tôi nhận lời, và như vậy kể từ tháng 2 năm 1946, đột nhiên tôi trở thành gián điệp phụ trách công tác cho những cơ quan Mật vụ Đồng minh.

III — TRONG MỘT THÙNG RÁC...

Như vậy vào cuối tháng 2 năm 1946, tôi mang một chiếc va-li và một đôi giày trượt tuyết đi xe hỏa qua biên giới, tiến lên đường đến làng Gloggnitz, khu vực Nga số Địa điểm này đã do các vị chỉ huy của tôi chọn lựa, sau khi suy tính nghiên cứu kỹ càng.

Nhắc lại khi vào lúc hội nghị (hội nghị Y tế giữa những sĩ quan 3 cường quốc Tây Phương và Nga Số) gần bề mặt, một sĩ quan phe chúng tôi có đặt vài câu hỏi cho một trung úy Nga số Taravesky, hỏi về bệnh viện Gloggnitz, vì từ đầu đến cuối sĩ quan này chưa nói gì, thì lúc đó trung úy Taravesky (tức là người tôi nhận ra đã nói đến tên Hassler trong tiệm cà phê cho lính tráng) tỏ vẻ bối rối.

Sĩ quan Anh quốc hỏi :

— « Ở đó có bệnh sốt rét rừng không ? hay là bệnh đậu lào ? »

Taravesky trả lời rằng ở Gloggnitz không còn có bệnh viện nữa, vì nhà cửa đã bị trưng dụng làm trại cho quân đội.

Trong ví tôi có một món tiền Áo lớn, một thẻ hội viên trượt tuyết, địa chỉ một nông trại để ăn ở đậu cho các hội viên và đủ cả giấy tờ căn cước giả.

Lúc đó tôi là Johanna Berger, 27 tuổi, sanh ngày 10-3-1918 tại Czernowitz.

Hoàng hôn xanh đượm da trời khi con tàu Vienne vô nhà ga Gloggnitz. Một lao công xách va li cho tôi và kiếm cho tôi một chiếc xe đi tuyết. Đêm đã xuống hẳn rồi tôi mới tới được trại, cửa sổ nhà nào cũng le lói ánh đèn. Trên một ngọn đồi khá xa, đó là bệnh viện, bệnh viện bí mật, chung quanh có đèn rọi chiếu sáng rực chói mắt ; bệnh viện đúng ra phải gọi là bệnh viện khám đường, mà ở đó, tôi tin rằng chính ở đó Rudolf Von Hassler, con nhà bác học nguyên tử, đương bị giam cầm.

Tại Vienne, các xếp của tôi bảo rằng cứ tìm cho ra Rudolf con thì sẽ biết được Hassler bỏ ở đâu.

Đối với mất thiên hạ ở Gloggnitz thì tôi là một du khách nghĩ hèn. Nhiều lần, khi đi tuyết, tôi quanh quẩn ở bệnh viện. Sau một tuần lễ thăm đường và dò xét kín đáo, chẳng những tôi đã tìm được cách bắt liên lạc được với Rudolf, mà lại còn đặt được một kế hoạch vượt nhà giam do các trại chủ quanh đây, vốn ghét Cộng sản, giúp sức cho một tay. Hôm trước, nhờ hai người thường dân đem củi giao cho khám đường, tôi được biết chắc chắn Rudolf hiện đương bị giữ tại đó và được làm việc ở nhà bếp.

Nhờ có sự đồng lõa của dân Áo ngay tại chỗ này, tôi đưa lọt nổi đến tay Rudolf một cái thư nói rõ kế

hoạch của tôi và hẹn cho Rudolf biết ngày giờ hành sự : 8 giờ sáng, mấy ngày nữa.

Ngày hôm đó, từ chỗ trại ở tạm dùng như Tổng hành dinh, tôi trông thấy hai tay đồng lõa của tôi, hai cha con trại chủ, cha là Geber và con trai lớn, ra đi bằng xe trượt tuyết. Họ đi giao củi như thường lệ cho bệnh viện, và lúc về, chở những thùng rác đầy đi đổ.

Đó cũng chỉ là công tác thường nhật của họ, chỉ có điều khác là sáng hôm nay trong một thùng rác lại có Rudolf Von Hassler.

Tôi ngồi chờ họ nóng ruột quá. Sau cùng, nghe tiếng xe về, và mấy phút tay chúng tôi xúm xít vào vào một thùng rác để lòi... Rudolf ra khỏi Cuộc vượt trốn này dễ dàng. Đúng 8 giờ, điểm danh có mặt, rồi Hassler xuống nhà bếp ; 8g30 thì cha con Geber tới giao củi và lấy các thùng rác. Một lúc sau, một thợ máy người Áo được quân Nga dùng cho làm ở khám đường để trông coi nồi súp de. Và hôm đó, bỗng nhiên nồi súp-de nổ ! Thực sự, anh ta là đồng lõa của chúng tôi, và lúc đó cho nồi súp de nổ để làm lạc ý quân Nga. Vậy thì trong khi các lính Nga và các người nhà bếp cuống quýt chạy ngược chạy xuôi, nhờ cảnh hỗn độn đó Rudolf nhảy dạt vô một thùng rác, con trai Geber đổ đầy rác lên trên. Chuyện tiếp êm như ru, hai cha con Geber chở thùng rác trong có Rudolf ra khỏi khám đường giữa ngay trước mắt các lính gác.

Thế là giai đoạn thứ nhất của kế hoạch này đã xong rồi. Còn giai đoạn thứ hai : làm sao đưa Rudolf qua biên giới cho được trót lọt.

Tôi quyết định lợi dụng ngay cuộc đua xe máy dầu do quân lính Nga cùng dân các trại và thợ thuyền tổ chức. Lộ trình theo một con đường có đoạn giáp ngay biên giới.

Tôi cho Rudolf ăn mặc đường hoàng một bộ đồ đua thiệt chiến, cũng nón sắt, cũng kiếng mắt, rồi tôi đem Rudolf đến tại một xưởng các bạn người Áo của tôi đã chờ sẵn ở đó với một chiếc xe máy dầu. Tôi đưa cho Rudolf một tấm bản đồ, dặn anh ta đến chỗ nào thì phải tách rời đoàn các tay đua. Tôi đưa cả một tấm thẻ căn cước màu vàng, mà cua-rơ nào cũng có, để xuất trình khi đi qua các địa điểm có lính gác kiểm soát. Sau cùng, tôi cất nghĩa đầu đuôi ngọn ngành câu chuyện : tôi làm vậy chỉ vì cần biết Hassler hiện ở đâu.

Thực là cay đắng quá ! Y trả lời không có biết một chút gì về Hassler cả. Từ khi Đức Quốc-xã thua trận đến nay chẳng bao giờ y được nghe thấy ai nói đến tên cha mẹ cả. Thế là thất vọng ! Có một vài tin về các bạn bè quen thuộc của Hassler, nhưng... cũng vu vơ lắm : tôi chỉ còn nhớ trong số này tên và địa chỉ một bè bạn của mẹ Rudolf ở Vienne và tôi ghi ngay vào sổ tay-

Tôi chúc Rudolf đi may mắn, rồi chia tay. Một giờ sau, tôi được tin y đã qua được biên giới, người ta đã trông thấy y trong khu vực người Anh.

Ngày hôm sau, khi đã trở về Vienne, tôi đến trình diện Trung-tá, chắc dạ sẽ được khen ngợi lắm về công tác đầu tiên của «lính mới nhập ngũ» đã có hoàn toàn kết quả đẹp đẽ. Nhưng chỉ có Trung-tá Rensor tiếp tôi, và cho tôi biết rõ sự thực: Tôi chán quá! Thì ra vừa vượt qua khỏi biên giới, được một lúc thôi. Rudolf gặp ngay một tên lính Nga say rượu sả ngay cho một giây tiểu liên vào người ngã gục chết tươi.

Tôi bèn đưa cho Trung-Tá Rensor mảnh giấy có ghi tên và địa chỉ của người đàn bà quen mẹ Rudolf: Anne Marie Hans, Vienne 1, Burlergass 23. Trung-tá vội kêu lên:

— « Tôi biết tên bà này. Bà là chị của Gustav Kellermann, phụ tá cho Hans Von Hassler. Kellermann là một trong ba nhà bác học mà chúng ta đang tìm kiếm. Đó là công việc của cô đó, cô Duke ạ

Liên từ ngày đó, có anh Tony tôi giúp đỡ một tay, tôi liền bắt đầu công tác, nghĩa là đi tìm Anne Marie Hans. Đến địa chỉ của Rudolf cho, tôi biết tin bà ta đã đi nơi khác từ 6 tháng nay. Cả tòa nhà đó, không một ai biết là Anne Marie hiện nay đang ở nơi nào cả.

Chúng tôi chỉ được biết rằng bà ta kiếm ăn lẫn hồi bằng cách hát mảnh tại một vài quán rượu.

Có một bà sực nhớ ra Anne Marie có gửi lại một ít đồ đạc hiện để ở dưới hầm. Chúng tôi vội xuống hầm.. nhưng chẳng có gì cả. Anne Marie đã mang đi hết tất cả... chỉ còn sót lại ở chỗ đó có.. một ít giấy vụn.. 12 miếng giấy vụn.. nhờ đó mà tôi tìm ra tung tích. Chuyện này như chuyện trinh thám in trong sách vậy.

IV.— NHỜ BA MIẾNG GIẤY VỤN...

Chán nản quá, Tony đá tung đồng rác, giấy vụn tung ra bừa bãi.. tôi cúi xuống nhặt, lật đi lật lại coi mãi nhưng chẳng kiếm được gì. Rồi đưa cho Tony. Tony nhìn ngắm vài phút... rồi bỗng nhận ra có 3 miếng ăn khớp với nhau.. thành một mảnh của tấm căn cước hành nghề Có hai giòng chữ in; giòng trên: « Quán... Kim »; giòng dưới: « Thiếp mời ».

Kết luận thật dễ dàng: Anne Marie đi làm tại một quán nào đó « Quán.. Kim » (thiếu một chữ). Công việc của chúng tôi bây giờ là tìm ra cái quán đó. Chẳng khó khăn gì, chỉ có một vì phải đi chơi và uống

rượu nhiều quá. Sau cùng chúng tôi tới đích: « Quán Thiên Kim ». Quán này cũng hạng tạm được, những đêm đặc biệt có ca vũ nhạc kịch, còn thường thường chỉ năm ba ca sĩ hát mấy bài quen thuộc của số đông thính giả bình dân. Đêm nay có một khiêu vũ sư biểu diễn một điệu nhảy mới, một tay làm trò ảo thuật, và một ca sĩ... nữ ca sĩ người Đức thường gọi là họa mi. Tony hỏi người chiêu đãi tên ca sĩ là gì. Y chỉ biết là Anne Marie.

Chúng tôi mỉm cười đắc thắng. Bỗng có 2 người Nga mới vô lại ngồi bàn bên cạnh chúng tôi. Quả thực là ngày hôm nay lắm sự bất ngờ! Tình cờ, đúng là tình cờ, thường đem lại chiến thắng thường công cho con người chiến sĩ! Tôi lại may mắn biết được một trong hai người Nga đó: Y tên là Tarevsky, thuộc nhân số đám điệp viên phụ trách việc tìm kiếm Hassler. Bọn này đến đây rõ rệt là vì Anne Marie, cũng như chúng tôi vậy.

Tony và tôi thì thầm cùng nhau kế hoạch công tác và việc đầu tiên là chúng tôi cho anh chiêu đãi viên tiền « nhậm - sà » thực hậu hĩ, dặn anh ta ra hiệu cho chúng tôi biết lúc Anne Marie hát xong và bước chân ra về.

Đúng nửa đêm, Anne Marie ra hát, hát xong là lui vô phòng tài tử. Đến 2g50 phút thì anh chiêu đãi viên ra hiệu cho chúng tôi biết; anh đặt một đĩa gạt tàn thuốc lá sạch sẽ lên trên bàn của chúng tôi.

Để cho Tony ngồi canh chừng bọn Nga, tôi ra đi như là muốn ra đằng sau vậy. Thực ra, tôi đi luôn ra ngoài cửa lớn chờ Anne Marie về để đi theo.

Chỉ phải đợi có vài phút là cửa mở, Anne Marie ra, và tôi theo sát gót.

Đêm khuya đường vắng chỉ nghe thấy có tiếng gót giày nện xuống mặt hè. Khi chúng tôi quẹo vô một phố nhỏ, tôi nghe có tiếng chân mạnh mẽ lướt theo. Quay đầu lại, tôi thấy hai người Nga hồi nãy.

Chúng tôi sắp sửa tới một ngã tư, ở giữa có một vòi phun nước tỏa lên thì Anne Marie bắt đầu chạy. Nhưng được vài bước thì bỗng nhiên lại đứng dừng hẳn lại, như là thấy trước mặt một cái hố rất sâu vậy.

Tôi đã tưởng như là mất hút nàng, nhưng bỗng nhiên mây bay qua lại để lộ ánh trăng chiếu sáng trong giây phút ngay chỗ vòi nước đó. Và tôi trông thấy Anne Marie ngồi ở thành đá, bên cạnh tượng thần vệ nữ, tay chòang lấy bức tượng. Nếu lẫn trốn cách này thì thật là tài tình quá, vì đêm tối, tượng lẫn với người, người lẫn với tượng, khó ai mà phân biệt nổi. Hai người Nga vừa tới ngã tư thì trăng lại khuất mây và



TONY, anh của Madelaine Duke.

trời lại tối thêm. Mong mỏi cho Tony đến kịp thời đúng lúc Anne Marie rời chỗ trốn, còn tôi thì tôi nhất định làm lạc hai anh chàng Nga này. Tôi cứ để cho hai chàng leo đèo theo sau tôi hết phố này qua phố khác, cho tới khi tôi đến khách sạn Astrid. Vô khách sạn tôi lại đi ra liền bằng lối cổng sau, và chạy gấp lại chỗ ngã tư có vòi nước và tượng. Tôi nơi tôi đã thấy Tony và Anne Marie ngồi nói chuyện với nhau rồi. Tôi lúc chúng tôi từ giả nàng, thì Tony hơn hồ bảo tôi :

— « Anne Marie đã nói cho tôi biết Kellermann hiện ở chỗ nào : ông ta làm bồi cho một khách sạn ở Halleim. Mai chúng mình đi tới đó. »

Gustav Kellermann, phụ tá của Hans Von Hassler, chính cũng là một nhà bác học uyên thâm, nổi tiếng. Và chúng tôi lúc đó chưa ngờ rằng vì Kellermann chúng tôi lại đi tới được chỗ của ông phụ tá Dorniz, và sau lại đi tới được cả chỗ của... nhà bác học nguyên tử Hans Von Hassler.

Vì thế cho nên ngày hôm sau, lòng tràn đầy hi vọng, sau khi đã báo cho sở Tình-báo và do thám Anh tại Vienne rõ mọi sự việc, chúng tôi đi Halleim. Chúng tôi vào ở ngay tại khách sạn Krone là nơi Kellermann làm bồi, và chúng tôi bắt liên lạc ngay với ông.

Thế là một trong ba nhà bác học nguyên tử, chúng tôi đã tìm thấy. Công tác của chúng tôi đã xong một phần ba.

Đêm hôm đó, Tony và tôi thảo luận rất kỹ xem đối với Kellermann bây giờ phải làm thế nào cho hơn cả mọi lần. Vấn đề này đến đêm hôm sau mới giải quyết được, mà chính do Kellerman giải quyết, Tony và tôi đều rút lui về phòng nghỉ, hai phòng cửa sát cạnh nhau. Tôi đi nằm, và ngủ liền. Còn Tony thì chỉ mới ngồi dài trên một chiếc ghế bành.

Đến 11 giờ khuya. Tony đánh thức tôi dậy, bảo tôi mặc quần áo và đi theo anh. Hai phút sau, chúng tôi đã ở ngoài đường. Tony chỉ cho tôi nhìn một bóng người đương cặm cũi đi rảo bước trên lề đường.

Đó là Kellermann, hình như ông mặc một bộ đồ thợ máy, đầu đội mũ cát-kết, tay mang một gói tròn tròn dài dài, mang rất cẩn thận theo chiều đứng. Rõ rệt là ông ta không muốn cho cái gói cuộn dài đó bị lúc lắc một chút nào, vì lý do gì thì tôi không biết. Tại sao thế? Tôi tự hỏi tôi, lúc đó... Lúc đó, tôi trông thấy ở đầu cuộn dài hình như có khói, hay như hơi nước sôi bốc lên, và tôi chợt nghĩ ra : thôi, chắc là bánh cùng các thức ăn mới làm xong. Nhưng bữa ăn này để cho ai ăn mới được chứ? Muốn biết, chỉ có một cách : là đi theo sát Kellermann.

Và chúng tôi đi theo Kellermann, giữ khoảng cách vừa phải, cứ nghe theo tiếng giầy có đinh sắt của ông nện trên vỉa hè mà đi. Chúng tôi ra đến ngoài ô lúc nào mà không hay, rồi đã trông thấy rõ là đồng ruộng, đồi thấp, đồi cao.

Bỗng nhiên, Kellermann dừng chân lại trước một căn lều nhỏ làm bằng ván, giống như mọi căn lều của những người thợ làm muối ở trong vùng. Chúng tôi nghe tiếng mở khóa, rồi Kellermann vô lều. Chúng tôi lúc đó mới rón rén lại gần lều thì thấy căn lều này choleh choleh chỉ độ ba thước, cửa khóa. Tony lấy dao và nạy được cửa, chúng tôi hé nhìn thấy ánh sáng ở bên trong. Tôi tiến lên một bước và rú lên vì thấy chưng hửng : Tony kịp nắm áo lôi lại, và tôi thì hết vía chẳng còn nói năng được nữa lời.

Đến khi hoàn hồn, tôi lại bước vô... sâu... sâu... nhưng không sâu lắm. Thì ra chúng tôi đương xuống một cái hang, có hai ngọn đèn chiếu sáng, có một cái hèm ở phía cuối. Chúng tôi lách mình qua hèm và bò theo một con đường hầm đá lởm chởm. Cứ như thế sau độ 15 phút, chúng tôi thấy một cảnh tượng thật là khó tin : chúng tôi đương đứng ở miệng một cái hang đá, nhìn xuống sâu độ 20 thước thì là cả một hồ nước mặn. Cứ đi men theo mái trên bờ cao, một lúc lại tới một hang nữa. Hang này rộng, lớn, cao có đèn đất thấp sáng, có

hỏa lò than, có một cái đệm, và có hai người đương châu đầu nói chuyện: một là Kellerman và một người nữa tôi không biết là ai, nhưng chắc là Dorniz, viên phụ tá của Hassler. Tôi lắng tai nghe: hai người đương thảo luận, nên để xem ra với quân Nga hay quân Đồng-minh Tây phương. Họ im bật câu chuyện khi thấy chúng tôi bước vào hang, và cả đôi ngán người như phỏng đá, Tony vội vàng nói mấy câu cho họ yên lòng, rồi tiếp cắt nghĩa cho họ nghe mục đích của chúng tôi. Họ cả quyết không biết tin tức gì về Hassler, và cả hai đều một lòng nhất định đi theo quân đội Đồng minh Tây - phương.

Thế là chúng tôi đã tìm được 2 người: Kellerman và Dorniz.

V.— DAO SÚNG.

Vài ngày sau, ở Vienne, Trung-tá Rensor của Sở Tình-báo và Do thám Anh bảo cho tôi biết rằng công tác của tôi được coi như là đã hoàn thành và kể từ nay tôi được tự do làm gì thì làm. Thấy rằng đã xong công việc, chẳng còn giúp được gì cho quân đội Đồng minh nữa, chúng tôi định đi VENISE nghỉ hè tại Ý, ở nhà một người quen với gia đình chúng tôi. Cách đây lâu năm, tôi đã ở đó rồi. Thực ra, tôi đã chọn đi Venice vì tôi có nhớ một hôm khi nói chuyện tới đảo nhỏ ở vùng Trieste thì Hassler đã nói rằng: « Đó là chỗ trốn lý tưởng cho những ai muốn lánh thiên hạ và cuộc đời ».



Cảnh nhà của nhà Bác-học
HANS VON HASSLER

Từ Venice, chúng tôi tổ chức đi chơi đảo và chúng tôi vào ở khách sạn Gilberti trên đảo Farilla.

Khách sạn Gilberti là nơi gặp gỡ của dân chúng đảo Farilla, nơi trú ẩn của gần nửa số những người ở các nước Âu châu đến đó để tránh nạn chiến tranh và cách mạng.

Đến hôm trước thì hôm sau chúng tôi được biết ngay có một đôi người Tiếp Khắc, chồng tên là Grisha, vợ tên là Dunka, chỉ ở lì trong một nhà chẳng chịu đi đến đâu cả. Vợ thì còn có đôi khi đi tới khách sạn, nhưng chẳng có bao giờ la cà lâu.

Một hôm, vợ Grisha đi khỏi, chúng tôi nảy ý định dò xét cặp vợ chồng này. Mấy hôm sau, tôi gặp chuyện được với Dunka và có cảm tưởng như nàng thân mật với tôi. Nàng kể chuyện Grisha đau. Tôi hứa sẽ đến giúp đỡ công việc tại nhà, và Dunka nhận lời.

Grisha không phải là đau vờ, mà là đau thiệt. Cả ngày chỉ nằm dài nhìn lên trần. Diện mạo thay đổi đi nhiều lắm rồi, nhưng... tôi nhận ra ngay chính là Hassler.

Chỉ riêng một mình Dunka có quyền cho Grisha uống thuốc, mỗi lần bao nhiêu viên. Nhờ đi lại luôn luôn thân mật, một hôm tôi lấy trộm hai viên thuốc đó và đem tới cho một bác sĩ thân tín. Bác sĩ khuyên nên đem đi phân chất. Và sau đó, tôi được rõ những viên thuốc đó có chất kêu là « thiouraine » trị bệnh « thyrotoxicosis ». Tôi bèn hỏi bác sĩ nếu người bị bệnh đó mà uống thứ thuốc đó thì sao? Chẳng hề ngập ngừng gì

cả, bác sĩ nói luôn rằng gặp trường hợp vậy, con người vốn trước mạnh khỏe, trở nên thật to mập, và cứ mê muối dần đi, rụng cả tóc, rụng cả lông mày, rồi cả hình dáng diện mạo đến hoàn toàn thay đổi hẳn.

Khi tôi trở lại nhà Grisha, lần này chắc chắn đã tìm được Hans Von Hassler rồi, tôi nhất định nói thẳng ngay câu chuyện. Ông ta im lặng nghe, không ngắt lời tôi một giây nào cả. Ông ta không nhận được ra tôi, vì lần sau cùng ông thấy tôi ở Bá-Linh, lúc đó tôi mới là một con bé con. Sau cùng tôi đề nghị ông nên ra hợp tác với quân đội Đồng-minh.

Tôi tin rằng trong đời tôi chưa lúc nào tôi sung sướng bằng lúc tôi làm cho ông ta cả quyết trao cho Anh-Mỹ tất cả những

tài liệu và kết quả nghiên cứu mà ông đã thu lượm được về công tác bom khinh khí trong khi ông lao tâm khổ tứ trước kia cho Đức Quốc-xã.

Nhưng... tôi sung sướng chẳng được bao lâu, vì người ta bảo cho tôi hay rằng quân Nga đã đánh hơi thấy Hans von Hassler ở Farillia và các điệp viên Nga đã thấy xuất hiện quanh quần cả ở vùng này.

Tôi vội vã tin liền cho Vienne rõ và yêu cầu có một vệ sĩ để bảo vệ cho Hassler trên đường về kinh đô Áo quốc. Vienne hứa cho nhiều vệ sĩ, chúng tôi mong đợi sốt ruột quá.

Trước hôm họ tới, trong lúc tôi ra phố mua gói thuốc lá, Dunka đi mua mấy thứ lặt vặt, khi trở về nhà tôi thấy... có 2 người Nga.

Cửa hé mở; qua khe cửa, tôi trông thấy hai người đứng ở hai bên Hassler và hình như có vẻ nói chuyện thân thiện. Nhưng nhận xét nét mặt Hassler lúc đó, tôi là người trong cảnh, nên thấy ngay được sự lo lắng tuyệt độ của ông.

Tôi đoán rằng hai người này đương đề nghị với ông ta một điều gì. Hassler thì cứ hỏi hết điều này đến điều khác, hình như muốn kéo dài thì giờ. Tôi không ra mặt, mà trong nhà cũng không có ai biết tôi đứng ở cửa lúc đó.

Rón rón, tôi đi xuống thang, vọt ra ngoài đường, và chỉ hy vọng thấy ngay Tony lúc đó.

Thời khắc qua, và tôi biết rằng thời khắc lúc đó quý báu vô cùng. Phân vân... phân vân... tôi vọt quyết định tức khắc việc phải làm: báo động Cảnh sát Ý. Tôi chạy ngay lại báo Cảnh sát và trình bày câu chuyện cùng Đại-úy Orda.

Thoạt tiên, Đại úy cho tôi là một cô gái điên khùng khi tôi thỉnh cầu ông cho bắt ngay Hassler. Nhưng sau khi tôi xuất trình tấm thẻ căn cước Hoa-Kỳ, Đại-úy nhận ngay ra tầm quan trọng của công việc này, nhất là Đại úy lại thuộc hạng người chống Cộng loại nặng.

Đại-úy nhận lời đi cùng tôi đến nhà Hassler với một tay súng. Chẳng cần kiểu cách thủ-tục lồi thối gì cả. Đại-úy bảo cho hai người Nga kia hay rằng Đại-úy cần phải bắt Hassler ngay bây giờ. Một người Nga bèn đi liền ra cửa, đứng cạnh bên tay súng Người kia xen vào giữa Orda và tôi, và nói rằng:

— « Chắc Đại-úy lầm rồi. Tôi cực lực phản đối vụ bắt bớ này. Người này là một người Nga đào ngũ, và bốn phạm chúng tôi là bắt y. Chính chúng tôi bây giờ mới có quyền bắt, chứ không phải Đại-úy. »

Hassler hình như không để ý một tí nào đến cuộc cãi vã đó, nhưng thỉnh thoảng về mặt ông sáng ngời

lên. Bỗng nhiên... không ai có thể ngờ được.. ông ta nhảy vọt đến sát tên người Nga đứng ở cửa, lẹ làng thoát một cái nhanh như con mèo. Có tiếng súng nổ. Rồi tôi nghe thấy tiếng khẩu súng rơi xuống sàn gác.

Tôi phải mất một vài giây mới hiểu rõ được tình thế lúc đó.

Tên Nga đứng ở cửa đã rút súng ra để hạ Hassler. Nhưng Hassler nhảy như vậy nên thoát nạn. Tên Nga cúi xuống nhặt khẩu súng, nhưng Hassler đã lấy chân đá băng đi nơi khác.

Thế là một cuộc xung đột xảy ra. Tên Nga, đứng giữa tôi và Orda, quay lẹ sang tấn công Orda: y đâm mạnh lắm, mới có một cú mà đã vỡ mặt... Orda máu chảy! Còn tay súng Cảnh-sát vội rút dao găm để trị hai tên Nga nọ. Đám đá lộn xộn lung tung một lúc thì Dunka về tới giúp cho chồng nhặt được khẩu súng lục! Thế là Hassler với khẩu súng trong tay liền làm chủ được tình thế.

Hai tên Nga lùi dần trước mũi súng... dám nhả đạn thực sự bất cứ giây phút nào. Hẳn chúng bực tức lắm vì sắp ăn đến nơi thì lại trượt! Nhưng điều rõ rệt ra mặt là chúng muốn thoát thân ngay... vì khi lùi tới cửa, cả hai liền thoát ngay ra ngoài và biến mất tương như ma quỷ vậy.

Được Cảnh-sát Ý che chở, Hassler đêm đó ngủ trong khám đường cho được yên trí, và hôm sau chúng tôi đi Vienne bằng phi cơ. Thế là công tác của tôi, điệp viên của Sở Tình-báo và Do-thám Anh trong một ngành lúc đó tối mật là ngành nguyên tử, đã được hoàn hảo thập phần: tôi đã tìm ra được cả ba nhà bác học nguyên tử, Hans Von Hassler cùng hải phụ tá Gustav Kellermann và Dorniz, người Đức, suýt lọt vào tay quân đội Nga sau khi Bá-Linh bị chiếm đóng vì có lệnh một khi vào Bá-Linh phải tìm bắt ngay cho bằng được tất cả những nhà bác học trứ danh về nguyên tử đem về Nga. Ba nhà bác học này hiện nay đang phụng sự Hoa-Kỳ, đồng tâm hiệp lực với các nhà bác học Mỹ trong công tác nghiên cứu nguyên tử.

Mấy ngày sau khi chúng tôi trở về Vienne, tôi đã có được đọc một thông cáo ngắn ngủi của chánh quyền Xô-Việt đăng trên tờ Pravda như sau:

« Hai nhân viên lãnh sự của chúng tôi, nghỉ hè tại Ý-Đại-Lợi, đã bất ngờ bị đánh trộm đến trọng thương bởi Cảnh-sát Ý, trong khi họ đương rán cứu một bạn đồng nghiệp. Chánh quyền Nga-Sô cực lực phản đối với chánh quyền Ý-Đại-Lợi về cử chỉ hành hung nhục mạ của Cảnh sát Ý đối với các nhân viên ngoại giao của chúng tôi. »

N. V. H.

TÌNH HẠN

(tiếp theo trang 46)

— Người yêu anh ở Thượng Hải làm gì ? Một sinh viên hồi.

— Nó . nó vừa tốt nghiệp ở xưởng dệt Hoa-Đông, hiện giờ làm công cho xưởng dệt 19 ở Thượng Hải.

— Nó mới tham gia công tác, làm gì có nhiều tiền mua quần áo gởi cho anh ? Gia đình nó thuộc thành phần nào ?

— Thành phần tư bản.

— Cha nó hiện ở đâu ?

— Nghe như... nghe như ở Hương Cảng

— Hương Cảng ???

Toàn thể cử tọa đồng nhao nhao lên.

— Xưa cha nó người thế nào ? Bây giờ ở Hương Cảng làm gì ? Lưu-Hán-Tiến hỏi.

— Cha nó ngày xưa là Thượng Hải trung-ương kinh lý xưởng dệt. Hiện giờ ở Thượng Hải làm gì tôi không biết.

— Thế thì cha nó là tư bản lưu manh, quan liêu. Ở Thượng Hải thế nào lại chả tham gia tổ chức đặc vụ ? Tại sao lúc này anh không nói ?

Lưu-Hán-Tiến đem những lý luận của duy vật hỏi vặn chàng. Nét mặt từ đỏ, dần dần tái xanh. Hắn phùng mang, trợn mắt, đập bàn quát mắng như kếp hát đóng tuồng.

— Tôi xin nói !

Một tích cực đoàn viên cũng bắt chước Lưu-Hán-Tiến hùng hổ đứng lên.

— Cha nó dùng mỹ nhân kế, dùng đồ xa xỉ phẩm. như anh, dụ anh làm mật báo cho cha nó rồi ! Sao anh không đem vấn đề này trình bày cho chúng tôi biết ?

Đoàn viên này vừa nói đến đây thì Lưu-Hán-Tiến đứng dậy hô to khẩu hiệu : « Biểu bạch từng khoan, kháng cự từng nghiêm. ». Tức thì toàn thể cử tọa cũng họa theo tạo thành một bầu không khí vô cùng sôi nổi.

Mãn-Phân ngồi ở một góc phòng cũng phải gờ tay, há miệng. Nhưng đây chỉ là một người máy.

Nàng rất lo lắng cho số phận chàng. Nàng cảm thấy xấu hổ và bất mãn.

Sinh ngỡ ngác trước tấn tuồng đang diễn như từ cung trăng rớt xuống ! Chàng nghĩ ; « Tại sao lại có tai họa này ? Chàng hơi cuối đầu như một tội nhân. Trong lúc ấy, Lưu-Hán-Tiến khuyến khích toàn thể sinh viên tấn công chàng, liền tiếp đưa ra hàng trăm ý kiến. Chỉ có Mãn-Phân không nói một câu nào. Bỗng Lưu-Hán-Tiến trừng mắt nhìn nàng, hỏi :

— Mãn-Phân ! Máy hôm nay Lý-Sinh bám chặt lấy cô à ? Cô hãy cho hắn nhảy dù đi !

Mãn-Phân hơi cúi đầu suy nghĩ một tí, rồi ngẩng lên nhỏ nhẹ nói :

— Lý-Sinh ! Máy hôm trước mầy mượn bài của tao... Có phải vào lớp mầy không chép bài ? Với thái độ này mầy nghĩ thế nào, hả ?

Sinh thấy những vấn đề đưa ra trong buổi hội thảo hôm nay thật đầu Ngô, mình Sở. Chàng không hiểu tí gì và phải giải thích ra sao ! Lòng chàng rối như tơ vò. Hội trường đột nhiên im lặng. Mọi người như tượng thạch cao.

— Anh điếc rồi phải không ? Các bạn phát biểu ý kiến anh không nghe à ?

Lưu-Hán-Tiến lại đập mạnh xuống bàn hét to :

— Lý-Sinh ! Anh không được giả điếc, anh không biện bạch là anh tự đi vào con đường chết. Nếu chúng tôi không thắng lợi quyết không thu binh.

Những tiếng la hét trong Hội trường đến quý thần cũng phải kinh ! Hốt nhiên, Sinh ngẩng đầu lên mặt đỏ như quả gấc, chàng nói gần như quát :

— Từ xưa đến giờ tôi chưa bao giờ phạm tội. Tôi không chịu hứng mọi sự thăm vấn, hỏi tội của các anh được.

— Thế nào ? Anh dám cả gan kháng cự à ?

Lưu-Hán-Tiến điên người lên. Hắn nắm chặt tay đập mạnh xuống bàn thủng một lỗ, quát :

— Thôi không kiểm thảo nó nữa ; giao nó cho công an.

Một tích cực đoàn viên khác hét :

— Đi ra ! Đi ra ngay !

Lưu-Hán-Tiến văng tục ; lớn tiếng đuổi :

— Đi ra, phần tử phản động.

Suốt hai tuần lễ sau, Sinh bị theo dõi. Không một người nào dám nói chuyện với chàng. Sinh hoàn toàn cô lập. Trăm mối ngồn ngang bèn lòng, chàng thấy khó thở. Người chàng tiêu tụy, gầy hẳn đi, mắt lờm sâu. Thân hình chàng như cây khô rụng lá. Lòng tin đảng nhiệt thành của chàng n. y đã han rỉ rồi ! Nhưng Sinh lại nghĩ đến sự khôi phục đảng tịch của Mãn-Phân, tự an ủi : « Hàm oan này lẽ đâu lại kéo dài mãi ! Biết đâu đây chỉ là sự thù oán của một tiểu bộ ; thế nào mình cũng được minh oan ».

Đến bữa ăn, Sinh bưng bát cơm mà có cảm tưởng bưng bát cát. Chàng chỉ ngậm vài hột đậu đỏ trên mặt nhưng không sao nuốt trôi.

Mãn-Phân ngồi đối diện với chàng, nhưng mặt quay đi nơi khác, cố ý ăn rất chậm cho mọi người

đứng dậy hết, nàng mới quay lại chàng, nói :
— Độ này anh gầy qua ! Tôi gì phải thắc mắc, hồ thẹn ?

Nàng nhìn ra ngoài đoạn quay vào nói tiếp :

— Mai anh thân đến đảng ủy xem sao ?

Sinh cúi đầu yên lặng, nước mắt như mưa.

Bữa cơm chiều vừa xong, chàng như cái máy chạy đến văn phòng đảng ủy, gõ cửa mấy lần nhưng trong phòng không có tiếng đáp lại. Chàng không dám gõ nữa cũng không dám vào, đứng ngoài đợi khá lâu.

Bỗng cửa vụt mở, Lưu Hán Tiến bước ra ; với giọng thô bạo, hấn bảo :

— Vào đi ! Đảng ủy cho gọi mày.

Nói xong, hấn như một phú ông đi ngang mặt kẻ ăn xin, vẻ mặt khinh khỉnh đến phát ghét.

Sinh đẩy cửa bước vào thấy đảng ủy đang ngồi ở bộ « sa lông », đôi mắt hấn nhắm nghiền, gương mặt quăm quặm. Bỗng Sinh nhớ đến câu nói hôm nào của Mãn Phan : « đảng ủy rất nghiêm khắc với những gia đình phong kiến ». Câu nói ấy đưa chàng từ vấn đề luân-lý học đến xã hội học ; cuối cùng đi đến một triết lý : tại sao có những người bất buộc kẻ khác phải sợ mình và thích người ta sợ mình ? Tại sao lại có những kẻ nhất định phải sợ người khác ?

Sinh từ từ đến trước mặt đảng ủy, như một hiểu tử đứng trước nghiêm phụ. Chàng thành kính gọi :

— Thưa đồng chí đảng ủy !

Từ lỗ mũi đảng ủy ừ lên một tiếng, hấn mở mắt hăm hăm nhìn vào mặt chàng, thốt nhiên cười :

— Cô Như Như còn thơ từ qua lại với anh không ?

— Thưa không !

— Hơn một tháng rồi phải không ?

— Vâng.

— Thôi ! Anh hãy quên cô ta đi. Thời gian sẽ chữa vết thương lòng cho anh.

Hấn chậm rãi nói tiếp :

— Ở đây, anh sẽ có người yêu khác thiếu đi đâu mà sợ ?

— Không ! Dù thời gian có khô cạn, tình tôi không thể thay đổi.

— Như vậy ái tình tư bản trên hết à ?

Đảng ủy ra lệnh cho Sinh ngồi, đoạn nói tiếp :

— Anh biết tại sao cô ta đoạn tuyệt thư từ với anh không ?

— Điều đó tôi không hiểu. Nhưng tôi quyết tâm hè này thế nào cũng phải về Thượng Hải xem sao !

— Anh về vô ích ! Cô ấy hết yêu anh rồi.

— Không ! Tôi không tin điều đó xảy ra được !

— Anh hãy chứng minh lời anh nói xem ?

— Tôi và cô ấy đã...

— Đã đính hôn rồi à ? — Đảng ủy gần từng tiếng một. Nhưng từ nay anh phải cắt đứt liên lạc với cô ta !

— Không ! Không thể được ! Tôi không thể tự giết đời tôi !

— Tôi rất tiếc mối tình chung thủy, đẹp đẽ của anh đã đặt nhầm chỗ ! Cô ta quên hẳn anh rồi. Bây giờ Như-Như đang yêu một Bộ-trưởng kiêm kinh lý xưởng trường.

— Tôi không thể tin điều ấy có thể có được.

Sinh hết sức tin tưởng mối tình giữa chàng và nàng. Chàng nói :

— Nếu cô ấy hết yêu tôi, tôi vẫn yêu như thường. Ái tình càng tuyệt vọng bao nhiêu càng thần thánh bấy nhiêu.

— Tôi biết tình cảm anh nhu nhược. Tôi biết nếu anh thất vọng vì tình thì sinh mạng anh chỉ là chỉ mảnh treo chuông. Tình yêu anh đã bị chết yểu ! Nhưng vì muốn cứu anh, mới nạt tâm giáo dục anh như vậy. Chứng tỏ đảng rất quan tâm tới vấn đề tình ái của anh Đảng không bao giờ để anh bị thiệt thòi. Đảng bồi thường cho anh đầy đủ.

— Bồi thường ???

Đôi mắt Sinh mở to ra, càng sâu hóm vào.

— Không ! Tôi đã thề trước mặt Như-Như ; chỉ có nàng mới bảo được tôi chiến hay hòa.

— Nếu nó là một đặc-vụ thì sao ?

Đảng ủy cúi tiết quay câu chuyện của chàng sang vấn đề chính trị.

— Đảng ủy không nên đặt giả thuyết tuyệt đối !

— Nhưng cha nó là một đặc vụ...

— Cha nó không phải là nó !

Sinh nhất định giữ vững lập-trường của mình đồng thời chàng thao thao kể chuyện ngày xưa :

— Tôi chỉ biết cha cô ta là một nhà đại tư bản. Ông ta rất thương con nhưng nghiêm khắc lắm. Ông không đồng ý gả con gái cho một người Quảng-Đông nghèo xác như tôi. Ông đã ngăn cản chúng tôi ! Nhưng Như Như đã cương quyết phản đối cha Rồi trong một đêm quyết định nàng không luyến tiếc cái gia đình phú quý ấy, vội vàng đáp tàu hỏa đi Nam Kinh, đến nhà người chị, con của một người cô.

Tôi thiết tưởng không ai có thể thù ghét gia đình phong kiến hơn chúng tôi ; không ai thêm khát chế độ Cộng-sản hơn chúng tôi. Bây giờ những ước mong của chúng tôi đã thành sự thật. Nàng không còn lưu luyến cái gia đình lạc hậu ấy nữa, nàng không khi nào nghe cha được. Hơn nữa không một trở lực nào có thể ngăn trở được chúng tôi. Tôi và nàng vĩnh viễn, triền miên sát bên nhau. Trừ khi đem lửa thiêu chúng tôi !

— Anh đứng vào địa vị nào nói chuyện với tôi ?

Đảng ủy vô cùng tức giận, cầm ly nước trên bàn nhưng không uống, lại dằn mạnh xuống. Hơi tức bốc lên ngùn ngụt, hấn tiếp :

— Anh điên rồi ! Anh bị địch dùng kế mỹ nhân !

— Tôi... ?

— Tương lai của anh là xưởng thứ nhất (1) kỹ sư. Địch rất cần những tinh báo tân hưng công nghiệp. Phải ! Địch rất cần anh làm trái bom nổ chậm.

— Không ! Không... tôi... tôi... không...

— Bây giờ anh phải tuyên bố công khai là đoạn tuyệt hẳn với Như-Như.

Sinh bị dồn vào ngõ bí, đăm chiêu :

— Không ! Không thể được.

— Anh không nghĩ đến tương lai à ?

— Tại nhất định vì nàng hứng chịu mọi tai họa !

— Nhưng tôi không muốn anh điên rồ như vậy !

Đang úy xô ghế đứng dậy nói tiếp :

— Tôi nhân danh đảng cách mạng tuyên bố : « anh mat quyền tự do ngay từ phút này ».

ĐOẠN IV

MÙA hè đã đến.

Hôm nay là ngày nghỉ hè. Chờ mong hè đến, hè không đến ; sợ hè đến, hè lại đến ! Các sinh viên đã về quê cả rồi. Sinh nhìn quanh các phòng ngủ của các sinh viên, trước đây một giờ, ồn ào náo nhiệt bao nhiêu ! Giờ đây đã biến thành buổi trưa hè vắng lặng. Tối nay có lẽ các bạn ấy đã có mặt ở quê nhà sung sướng cùng người yêu, tâm sự quanh lò sưởi ấm cúng biết bao ! Đêm nay biết bao đôi tình nhân nô đùa, cãi nhau ! Biết bao sự lỗ mãng hoặc đường đột xảy ra ! Riêng mình ta bị giam cầm trong gian phòng tối tăm chật hẹp này !

Đột nhiên Sinh vùng dậy đến bên cửa sổ dùng sức mạnh dấm vào không gian vắng lặng không một bóng chim ; giờ này chúng đang quây quần bên tổ ấm hay bị giam cầm như chàng ?

Sinh hét to lên :

— Như Như đang mong tôi ! Tại sao tôi còn ở đây ?

Lúc Sinh đang bán loạn tâm thần thì Mãn-Phân dùng chìa khóa của đảng ủy giao cho mở cửa nhà giam đem cơm chiều vào cho chàng. Nàng chạy vào thấy chàng nhìn mình đăm đăm, nàng vụt nghĩ đến những bệnh nhân bị kích động thần kinh ở nhà thương đã chiến năm xưa. Nàng òa lên khóc, bước đến gần chàng, nói :

— Anh Sinh ! Anh hãy vì em ăn một tí cơm đi.

— Như-Như đang mong tôi. Tại sao không cho tôi về với nàng ?

— Ăn cơm xong hãy nói anh ạ !

Mãn-Phân đỡ dành chàng như đỡ một đứa bé. Nàng khéo tính và kinh nghiệm đối với bệnh nhân đau thần kinh lắm.



— Ăn cơm xong em sẽ giúp giải pháp, em sẽ giúp anh...

Bỗng nàng im bật vì thoáng thấy bóng Lưu-Hán-Tiến ngoài cửa. Lưu-Hán-Tiến, Mãn-Phân và Lý-Sinh mỗi người có một nhiệm vụ : Lưu-Hán-Tiến thừa lệnh giam Sinh, Mãn-Phân được chỉ định săn sóc chàng và chàng bị quản thúc để điều tra.

Sinh lại chui vào chăn, Mãn-Phân thu dọn bát đĩa xuống bếp. Lưu-Hán-Tiến cẩn thận khóa cửa buồng.

Mãn-Phân vừa bước qua sân trường thỉnh linh bị hòn đá ném trúng vào đầu làm choáng váng mày mặt. Bát đĩa rơi xoảng xuống gạch. .

— Mãn-Phân lại đây.

Giọng đảng ủy từ trong buồng tối vọng ra. Mãn-Phân giật mình quay lại, hoàn hồn !

Nàng tiến đến cửa buồng của đảng ủy rụt rè nhìn vào căn phòng tối om, chuẩn bị nếu có gì bất trắc nàng để chạy tháo lui.

Đảng ủy ngồi ở vị trí hán thường ngồi, hai tay bấu vào đầu ; đó là thói quen của hán khi suy nghĩ một thâm mưu gì. Hán nói :

— Tôi vẫn biết vì yêu Lý-Sinh mà cô mang lấy đau khổ. Cho nên tôi phải bố trí như vậy là vì đời cô và tương lai của hán. Vậy tôi mong cô và cũng là công tác tôi giao phó cho cô, cô phải làm tròn nhiệm vụ quyền rũ hán say mê cô.

— Không ! Thừa đồng chí đảng ủy, giữa tôi và Lý-Sinh chỉ còn là tình bạn thôi. Anh ấy không phải là con người dễ lung lạc.

— Không ! Giữa Sinh và Như Như chỉ còn là một mối tình vãng bóng. Hán sẽ trở lại với cô, hán sẽ yêu cô chân thành và tha thiết đến điên lên được.

Đảng ủy vừa nói vừa mở ngăn kéo như tìm một vật gì. Hán nói tiếp :

— Như-Như không thể yêu hán được nữa và hán cũng không thể yêu được Như Như. Vì thế đảng

(1) Trung Cộng có nhiều xưởng, xưởng thứ nhất là xưởng của kỹ sư.

quyết định tác hợp hẳn với cô. Đây thư từ Thượng Hải gửi lên, có xem.

Mãn-Phân tiếp lấy lá thư ; xem xong, lòng nàng nóng ran như lửa đốt tim gan.

Sáng hôm sau, theo thường lệ nàng đem cơm cho chàng. Cửa phòng vẫn đóng. Trong phòng, sau cửa ra vào kê một cái thùng đi tiêu và dựng một cái chổi. Giường nằm kê sát cửa sổ, bên ngoài cửa sổ, một dãy tường bao bọc. Nếu đứng trên nhìn xuống, buồng chàng chẳng khác lồng chim tí nào : Nàng mở cửa, cẩn thận xem lại cái khóa tự động rồi khép lại bực nhanh đến bên giường để cơm rau xuống đất vội vàng lay chân chàng :

— Anh Sinh ! Dậy mau ! Dậy mau ! Có việc rất quan trọng !

Sinh bắt đắc dĩ tung chăn thò đầu ra ngoài mà mắt vẫn nhắm.

— Anh hãy cấp tốc về Thượng Hải ngay.

— Về Thượng Hải ? Sinh kinh ngạc mở hoắc mắt nhìn nàng.

Mãn-Phân bị hỏi vậy đứng im không nói gì, chỉ trân trân nhìn chàng trạnh nghĩ đến ngày mai : chàng về ! Chàng về, gian phòng trống lạnh như lòng ta trống lạnh !

Mãn-Phân chạy đến cửa sổ nhìn ra ngoài đoạn quay vào nét mặt nghiêm trọng nói với chàng :

— Anh hãy mau về Thượng Hải để kịp cứu Như-Như.

Sinh ngồi nhồm dậy như bị điện giật, hỏi :

— Làm sao hở em ?

— Có nhiều thư từ Thượng-Hải gửi lên cho anh. Nhưng đảng ủy đã tịch thu hết ! Đảng ủy vừa cho em xem.

— Trong thư nói gì thế hở em ?

Chàng nhẩy xuống giường loạng choạng bám vào vai Mãn-Phân lắc mạnh mấy cái ; hơi thở dồn dập.

— Như Như đã vào nằm nhà thương rồi ! Chỉ Hạ viết thư báo anh thế.

Sinh đột nhiên qui xuống :

— Anh đi rồi em sẽ ra sao ?

— Anh cứ về đi. Việc em để em liệu lấy.

Mãn-Phân đỡ Sinh dậy. Hai dòng lệ từ từ chảy xuống má nàng. Cái cảnh nào lòng này thật không có bút nào tả xiết ! Nàng thồn thức nói :

— Em đã hai lần tiết lộ bí mật của đảng. Anh biết tội ấy như thế nào không ? Nhưng em yêu anh !

— Em ôi ! Anh phải về em ạ !

Rồi như điên như dại chàng ầm nàng vào lòng hôn như mưa khắp mặt, mũi, đầu, cổ nàng. Đột nhiên bị kích thích quá mạnh, nàng ngày ngất, tay chân mềm nhũn ra. Cứ mặc chàng ! nước mắt nàng ràn rụa, hơi thở dồn dập. Nàng biết rằng đây là lần đầu tiên mà cũng là lần cuối chàng ban hạnh phúc cho nàng. Nàng sẵn sàng tiếp đón dù ngọt hay đắng.

Đèn trong phòng vụt sáng. Sinh như kẻ trộm bị bắt quả tang, vội buông Mãn-Phân xuống. Ngoài cửa sổ đã có một bóng người ngồi trên tường chằm chằm nhìn vào phòng chàng như bác thợ săn rình mồi. Hẳn đặc chí cười ha hả. Tiếp theo mấy tiếng ho khàn khàn như bão : « Ta đã đến trước cửa rồi ».. Buộc lòng Mãn-Phân phải mở cửa cho vào.

— Bây giờ còn chuyện gì phải nói nữa không ?

Đảng ủy đã vào trong phòng, bỏ mũ ra ; tượng trưng cho sự thẳng lợi ; hẳn cười nói :

— Sự thật đã hiển nhiên như thế còn đóng trò với tôi nữa không ?

Hắn ngừng một tí đoạn quay sang hỏi Sinh :

— Bây giờ anh hãy thành thật nói cho tôi nghe : có yêu Mãn-Phân không ?

— Có

Trước cơ cảnh này, chàng không ngần ngại buông xuôi cho xong việc. Không một lý do nào để chàng bào chữa hành động vừa rồi của chàng. Quả tình ngay mà lý gian ! Từ trước chàng hết sức thành thật đối với đảng Cộng-sản như một tin đồ ngoan đạo, cũng như đối chính mình. Bây giờ đứng trước sự thật phủ phàng, lần thứ nhất chàng đối đảng dối lòng

Đảng ủy nhìn Mãn-Phân nói :

— Tôi có lời khen cô đã hoàn thành nhiệm vụ đảng giao phó.

Mãn-Phân rún vai mấy cái, hết nhìn đảng ủy lại nhìn Sinh, lòng vô cùng đau khổ ! Nàng thầm nghĩ : « Nếu ta chần chờ không cho nó vào, có lẽ nó lấy chìa khóa mất ». Vì nàng cố ý đánh tháo cho chàng nên để chìa khóa ngoài cửa.

— Tôi có thể chứng hôn cho hai đồng chí. Tôi vì sự phối hợp cho hai đồng chí đã tốn bao nhiêu tâm huyết. Bây giờ tôi miễn nguyện lắm rồi. Lý-Sinh hãy xem :... đây là bức ảnh của Như-Như và...

Đảng ủy vừa nói vừa cho tay vào túi lấy bức ảnh h trao cho chàng. Bức ảnh này do hai người khách từ Thượng Hải mang lên.

— Đúng là Như Như không sai ! Nhưng người đàn ông này là ai ?

Tự nhiên nước mắt chàng tuôn trào thấm ướt cả bức ảnh. Lòng chàng như bị một bàn tay vô hình bóp chặt. Chàng thầm hỏi : « Nhìn anh sao em không nói ? Sao em không báo với anh : em hối yêu anh ? »

Tám ảnh như có sức nặng ngàn cân, chàng phải ráng sức đỡ hai tay mà nó chỉ chực rơi. Tay chàng run run như bị gió độc.

— Bây giờ anh hãy trả lời tôi : anh yêu Mãn-Phân không ?

Chàng đáp như cái máy :

— Tôi yêu lắm.

— Anh còn định đi Thượng Hải để tự tìm lấy sự chán chường nữa thôi ?

— Tôi đã tỉnh ngộ rồi.

— Tôi nhân danh đảng ủy Cộng-sản tuyên bố : anh tức khắc khôi phục mọi quyền tự do.

Đảng ủy cao hứng hút mấy điều thuốc liền và tiếp :

— Tôi xin nhắc lại rằng : tôi là người có thể chứng hôn cho hai đồng chí.

— Rất cảm ơn đồng chí đảng ủy.

Mồm nói thế mà lòng Sinh buồn như chiều đông.

— Tốt lắm.

Đảng ủy lúc nào cao hứng thường nói hai tiếng « Tốt lắm » rất dòn vì cho nó bao hàm ý-nghĩa khoan hồng và ân huệ. Cho nên khi hắn làm một việc gì cho rằng hay thì không ngần ngại nhai hai tiếng cũ mềm ấy.

Hắn cười tiếp :

— Bằng lòng chứ ?

Câu này ý muốn nói rằng : « công đức của tao vô lượng, chúng mày còn chờ gì mà không qui xuống lạy đi ? »

— Bằng lòng.

Mãn-Phân ám ức trong lòng, nhưng không dám thốt ra, chỉ biểu lộ bất mãn trong đôi mắt. Nàng tảng lờ quay đi đưa mắt nhìn khắp nơi.

— Thế nào ? Cô không bằng lòng à ?

Đảng ủy quắc mắt nhìn nàng như hỏi : « mày không thiếu nợ tao à ? », như một cường hào hỏi nợ tá điền mà giấy nợ hắn cầm chắc trong tay. Cho nên nàng phải nhận nợ :

Bắt đắc dĩ nàng phải đáp :

— Bằng lòng.

— Ha ha ! Sắp làm cô dâu rồi mà còn sợ xấu hổ nỗi gì ? Tối nay cô dâu chú rể động phòng đi !

Nàng ngẩng phắt đầu lên đã thấy hai ba đảng ủy đứng quanh nàng rồi !

ĐOẠN V

« Bệnh tình của Như-Như có nguy hiểm không ? Như-Như có thay lòng không ? Tại sao đảng ủy cứ bám sát vấn đề tình ái của mình ? Làm khó dễ mình ? » Bao nhiêu câu hỏi vắn vít, dồn dập, Sinh không thể giải quyết nổi. Lòng bán loạn như chủ tiệm-tạp hóa chưa thanh toán tiền thuế cho đảng cộng-sản.

Đêm đã khuya.

Không một bóng người, không một bóng ma, cũng không một đảng viên đảng cộng sản nào đến can thiệp tư tưởng lơ mờ của chàng. Đêm hoàn toàn vắng lặng. Chàng đã suy nghĩ quá nhiều nên đầu óc chàng như cuộn tơ vô Sinh muốn quên tất cả. Nhưng, càng muốn quên bao nhiêu thì hình ảnh càng rõ bấy nhiêu ! Chàng bước đến bên cửa sổ, bỗng kêu to :

— Phải quên ! Quên hết !

Chỉ có âm thanh bốn bức tường vang dội đáp lại chàng ; như có tiếng ma quỷ hỏi chàng : « Mày phải quên cái gì ? Quên ai ? Tại sao ? »

— Không ! Ta không thể quên nàng được.

Chàng dang tay đập vỡ cửa kính, nhìn ra ngoài. Đền đường sao mà le lói thế kia ? Cuối cùng chàng chỉ còn nhìn thấy ánh ma trời ngoài nghĩa địa.

Ta không thể kiên nhẫn đợi sáng được nữa.

Nhìn đêm tối lòng buồn nản vô hạn. Càng nghĩ đến người yêu bao nhiêu, Sinh càng cảm hận bấy nhiêu ! Chàng rít lên :

— Như-Như ! đêm nay nếu Như-Như còn trên dương thế thì đã nằm gọn trong lòng kẻ khác rồi !

Thốt nghĩ thế, Sinh quay nhìn lại cái giường lăn chót rồi nhảy phắt qua cửa sổ ra ngoài.

Chàng lần từng bước men theo bóng tối, mắt nhìn chùng sang trường học và tay nhẹ nhàng, cẩn thận bám vào tường leo lên. Năm sát đầu tường chàng nhìn sang hai dãy phòng ngủ lòng đau như kim châm. Sinh khẽ gọi : « Mãn-Phân ! Anh xin từ giả em nhé ! Chúng ta từ đây vĩnh biệt nhau mãi mãi, không bao giờ... Thôi chúc em ở lại bình yên, anh đi ! »

Nói xong, Sinh nhảy phắt xuống đường...

Mấy hôm sau, chàng về đến Thượng Hải. Xe chưa ngừng hẳn chàng nhảy xuống rồi. Chàng chạy dớn dác như chuột bị mèo đuổi ! Nhân viên Cảnh-sát giữ trật tự sân ga đuổi bắt chàng. Nhưng chàng phóng như ngựa mất tầm.

Thần hồn chưa định, chàng đã đến đường Bloh Lương rồi. Trời sắp tối. Sinh đứng trước một ngôi nhà gần như hoang lạnh. Trên gác vắng lặng, tịch mịch và tối tăm. Một cảm giác rờn rợn chạy khắp người chàng. Ngày xưa mỗi lần đến chỗ này chàng không muốn rời bước. Bây giờ lại rụt rè không dám lại gần.

Sinh ngần ngại trước cảnh cũ mà người xưa đi đâu ?

— Chị Hạ đã đánh lừa ta !

Càng nghĩ càng đau lòng, khắp người chàng lạnh như băng.

Thế rồi cấn phim dĩ vãng chậm chậm diễn trước mắt chàng :

Năm xưa khi chiến tranh đang thời kỳ khốc liệt ở Từ-Bạng vang dội từ Nam-Kinh đến Thượng Hải, cha Như-Như đem gia đình di cư về Hương-Cảng và cho người đi Nam-Kinh gọi Sương-Hạ, con của người em gái, về giữ hộ tài sản, nhà cửa và bi mật gửi Như-Như ở lại với Sương-Hạ.

Sau khi ông đem gia đình về Hương-Cảng được ít lâu thì Cộng-sản tịch thu hết tài sản của ông. Cả gia sản đó bây giờ trước mắt chàng chỉ là một tòa nhà tang thương, hoang tịch.

Được thư của cha, Như-Như cùng Sương-Hạ và Lý-Sinh về Thượng-Hải trước khi Cộng quân tràn đến nơi này mười ngày. Nhưng Lý-Sinh và Như-Như không theo luôn về Hương-Cảng. Họ đang cương nhiệt ủng hộ cộng-sản đảng.

Không bao lâu, những tội tở của gia đình Như-Như đều gia nhập đảng cộng-sản hết. Đưa thì làm cán bộ địa phương, đưa thì làm chủ tịch công hội,

đưa thi lấy chông tổ trưởng. Nhưng thỉnh thoảng chúng lại về thanh toán tiền công ngày xưa (truy công) với Như Như.

Lý-Sinh và Như-Như đã nhiều lần nghiên cứu kỹ lưỡng đều đồng ý : dưới chế độ « xã-hội chủ-nghĩa », kỹ sư rất hãnh diện ; lý do vì địa vị cao lương bổng hậu. Cho nên Như-Như thi vào « Hoa Đông dệt viện », học hai năm tốt nghiệp. Lý Sinh thi vào « Hoa-Bắc công học viện gọt cắt chuyên nghiệp ». Sau bị phái đến « Đông Bắc Trường Xuân chế tạo xe hơi học viện. »

Lúc chàng mới được lệnh đi Đông Bắc, chàng đến từ giả nàng trong một đêm trăng mờ mùng, sương khuya lạnh lạnh. Hai người âu yếm nhau trước giờ chia tay đúng chỗ chàng đứng bây giờ. Trời ơi ! Sao sự thực quá phũ phàng thế này ?

Chàng mơ hồ nghe văng vẳng bên tai lời nguyện ước của nàng năm xưa « Tại thiên nguyện tác tị dục điều, tại địa nguyện vi liên lý chi ».

Đôi mắt chàng bỗng sáng rực lên, chàng bước đến gần cửa, nắm chặt tay nắm mạnh vào cửa ; bất đồ không biết ma quỷ gì xui khiến chàng đâm đúng nút chuông điện. Chuông reo lên thật to.

Trên gác hình như có tiếng động rất khẽ và tiếng chân bước mơ hồ trên sàn gác lẫn xuống cầu thang.

Cánh cửa từ từ hé mở. Bỗng Sinh chết lặng người.

Một người đàn bà từ trong nhà bước ra đầu tóc rối bù, mặt mũi xanh như tàu lá đúng là một thầy ma hơn là người sống. Nàng giật mình lùi lại mấy bước nhia chàng trần trối. Hai người biến thành hai tượng đá đẽ trước cửa.

Độ vài phút sau, nữ chủ nhân thở ra một tiếng náo nức ! Bỗng đôi mắt nàng long lên sòng sọc. Hai hàm răng nghiến chặt nổi bật xương hàm. Nàng từ từ đưa tay phải gầy như que củi lên : nhưng bao nhiêu sinh lực trong người nàng đều dồn lên cánh tay. Rồi như một luồng điện, như vũ bão, nàng đâm mạnh vào mặt chàng. Mặt chàng như có muôn ngàn đóm lửa tung toé ra ngoài ; như sét đánh ngang-đầu, trời đất quay tít, nước mắt chảy như mưa.

— Thăng khốn nạn, đồ phản bội !

Hàm răng nàng nghiến ken két, mắng chàng như tát nước vào mặt rồi quay vào đóng sầm cửa lại.

— Thế này là nghĩa làm sao ? Như-Như đâu ? Như Như đi đâu ?

Lý-Sinh đứng trước cửa khóc thật to như một đứa bé.

ĐOẠN VI

SÁNG sớm thứ hai, đảng ủy tiếp được báo cáo của Lưu Hán-Tiến cho hay Lý-Sinh trốn về Thượng Hải. Đảng ủy giận đến cực điểm. Hấn chạy đến phòng ngủ của Sinh lục xét một hồi ; đoạn lập tức mang cặp da cùng Lưu-Hán-Tiến đáp tàu hỏa đi Thượng Hải ngay.

Chờ cho đảng ủy và Lưu-Hán-Tiến đi rồi, Mãn-Phân thất thiêu đến phòng Lý-Sinh. Nàng thấy chân gối vứt bừa bãi trên giường. Nàng xếp lại.

Bỗng một luồng khí lạnh xông vào mặt nàng ; hốt hoảng, Mãn-phân bật mũi chạy ra ngoài. Phảng phất như hồn ma theo đuổi nàng.

Suốt mấy hôm nay nàng khóc sụt sướt, ở luôn trong phòng. Nàng tuyệt vọng như chơi voi giữa biển cả mênh mông. Sinh mạng nàng như một quả táo ở trên cây rơi xuống đất chờ ngày khô héo. Nhưng nàng cố bám lấy chút hy vọng đợi tin giờ chót. Nàng đứng ở cửa sổ nhìn trời, mây và thầm hỏi : « Chàng đã về Thượng Hải chưa ? Đã gặp Như Như của chàng chưa ? »

— Đồng-chí Mãn-Phân ! Mời cô xuống đây.

Bác cai trưởng trong tay cầm lá thư đi qua dưới cửa sổ gọi nàng và nói tiếp :

— Cô có thư ở Thượng Hải gửi lên đây.

— Dạ.

Mắt nàng sáng lên. Như chiếc lá mùa thu là đà bay theo gió heo may, nàng chạy thoăn thoắt xuống gác tiếp lấy thư, vội xé ra ngay.

Em Mãn-Phân thân yêu của anh !

Tên em, anh phải gọi ngàn lần vạn lần. Hàng ngày anh phải đọc tên em từ sáng sớm cho đến chiều tối, cho đến hơi thở cuối cùng của đời anh.

Anh đã tìm nơi em một linh hồn thanh cao.

Em hãy tha tội cho anh ! Lúc đi quá cấp bách anh không kịp vĩnh biệt em. Trước kia anh chưa tin em ; bây giờ đụng đầu với thực tế quá chua cay anh mới tin những lời của em là thành thật. Nhưng biết thì đã quá muộn rồi em ạ !

Mãn-Phân em ! Hôm qua vừa đến Thượng Hải. Hôm nay đã vội xa nó rồi !

Như Như không còn ở Thượng Hải ; không còn ở thế gian này nữa ! Như Như đã vĩnh biệt anh mãi mãi rồi ! Nụ cười tươi như hoa, gương mặt kiêu diễm, dáng đi tha thướt phúc hậu, nét sâu như liễu rủ bên hồ, tất cả đều theo nàng vùi sâu ba tấc đất ! Như Như của anh, trời ơi ! Như Như của anh đã ra người thiên cổ ! Mộ nàng cỏ mọc chưa xanh ; đêm đêm ánh lân tinh chập chờn trên nấm mồ như oan hồn nàng còn vương vấn trần gian. Than ôi ! Trời sâu đất thẳm, gió mây ngậm ngùi cho số kiếp hồng nhan !

Em Mãn-Phân yêu dấu của anh ! Anh vẫn yêu em dù ở bên em hay lặn độn nơi chân trời góc biển.

Em ơi, trước giờ từ biệt sinh ly, anh không được xé lòng để bày tỏ sự trung thành với nàng, cũng không được nhìn em lần cuối trước giờ xa nhau mãi mãi. Trời ơi ! Giờ đây cách biệt muôn trùng biết đến bao giờ gặp lại em !

Sau cái chết của Như Như. Anh mới thấy rằng anh mù quáng, dẫn độn. Đây anh xin kể âm mưu của chúng ta sa lưới như thế nào. Vì em đã nếm qua bao nhiêu đắng cay, tai ương nên em hiểu lòng anh hơn. Chúng quả đã gây bao tội lỗi cao như

núi ; rộng như biển. Rừng bút, sông mực cũng không tài nào tả cho xiết !

Sau khi đã tốt nghiệp ở xưởng dệt « Hoa Đông học viện », Như Như bị phân phối về xưởng dệt 19 ở Thượng Hải.

Ngày đầu nàng được hoan nghênh nhiệt liệt và ân cần tiếp đãi Nhưng phải bị điều tra lý lịch. Nàng phải giao cho công xưởng đảng ủy văn bằng và tất cả giấy tờ của nàng.

Sáng hôm sau, nàng bắt đầu làm việc. Xưởng trưởng giao cho nàng nhiệm vụ « máy dệt chủ nhiệm ». Ngay chiều hôm ấy, thư ký đảng ủy gọi nàng lên văn phòng cho đảng ủy nói chuyện.

Công xưởng đảng-ủy hỏi :

— Cô và Lý-Sinh là thế nào ?

— Là người yêu của tôi.

— Hiện giờ nó... ?

Như Như không chờ cho đảng ủy nói hết câu nàng, tiếp :

— Anh tôi bây giờ là sinh viên đại học « Trường Xuân chế tạo xe hơi học viện » ban gọt cắt ngũ kim.

— Trước khi giải phóng ?

— Anh ấy đi học từ bảy tuổi đến giờ.

— Nhưng trước bảy tuổi ?

« Trước bảy tuổi chỉ là thằng bé hí mũi chưa sạch thì làm gì ? » Như Như nghĩ thầm mà buồn cười.

Sau một thời gian Như Như không nhận được tin tức gì của anh. Nàng lấy làm lạ và nghi ngờ. Nàng cảm thấy lo sợ. Cuối cùng nàng xin nghỉ việc. Nhưng xưởng trưởng ngọt ngào nói với nàng rằng :

— Thôi, cô ngoan ngoãn công tác đi, chớ tìm sự khổ đau làm gì ?

Xưởng trưởng nói xong đi ra. Như Như sốt ruột ngồi đợi. Độ mười lăm phút sau xưởng trưởng trở lại nói với nàng rằng :

— Bây giờ cô hiểu rõ rồi chứ ? Nhưng cô chớ vội thất vọng. Cần quái gì cái thằng hèn ấy phải không cô ? Tôi cam đoan với cô rằng : nhất định có người xứng đáng tha thiết yêu cô.

Xưởng trưởng vừa nói vừa trao tấm ảnh cho Như Như. Bỗng trước mặt nàng nhà cửa như đảo lộn, nàng xoay tít như chong chóng. Nàng kêu lên một tiếng thất thanh rồi ngã gục xuống đất...

(Mãn-Phân xem đến đây, đột nhiên nàng cảm thấy trời đất như tối sầm lại, hai tay buông thõng xuống, chân đứng không vững. Nàng phải tựa lưng vào tường để lấy hơi. Nàng nhớ ra trong đêm đại hội liên hoan, nàng và Lý-Sinh hợp ca bài « Nông gia lạc » và bị chụp ảnh. Một lúc lâu nàng mới thở ra và xem tiếp)

Từ đó Như-Như mang bệnh, phải an trí ở một ngôi nhà rất yên tĩnh để điều dưỡng. Xưởng trưởng công hội chủ-tịch, nữ công ủy viên và đảng ủy thư ký theo kế hoạch đã vạch sẵn thay phiên nhau tới lui thăm viếng, an ủi, khuyên nhủ, thuyết phục nàng. Nhưng đặc biệt nhất là đảng ủy.

Rồi một hôm sóng gió đến với đời nàng ! Theo lệnh của đảng ủy, người y-tá có nhiệm vụ săn sóc nàng, đem đó tiêm cho nàng mũi thuốc mê. Thế là Như Như hôn mê bất tỉnh. Đảng ủy đem ấy bỏ vào ngục với nàng ! Thế là :

« Con ong đã tỏ đường đi lối về. »

Lúc chợt tỉnh dậy, nàng thấy đảng-ủy còn mê mệt ngủ say bên mình. Ô hô ! Trinh tiết đời nàng ! Như Như nghẹn ngào lăn xuống giường, tiền đèn bàn vớ lấy chiếc bình đựng nước sôi đập mạnh vào đầu đảng ủy vỡ sọ chết tươi. Rồi nàng cũng đâm đầu vào tường tự vẫn.

Nàng bị đưa vào nhà thương, hôm sau nàng tắt thở trên tay Swong Hạ. Nàng ôm mỗi hận nghìn thu sang bên kia thế giới !

Trời ơi ! Mộ nàng giờ đây đã niêm phong rồi ! Anh không còn sợ ai đánh cướp nàng nữa. Nhưng trước giờ lâm chung, Như Như có hiểu cho lòng anh không ? Có hiểu anh mãi mãi là của nàng không ? Anh đau lòng quá !

Trời ơi ! Từ nay anh không bao giờ nhìn thấy Như Như trên thế gian này nữa ! Ôi làm sao anh có thể sống chung với bọn người đã sát hại nàng ?

Em ơi hiện giờ cái mặt đạo đức của chúng đã rơi rồi. Anh ân hận ngày xưa không nghe lời em để bây giờ làm tay bọn khát máu, vô nhân đạo ! Anh nhất định xa lánh cái hòa ngục, cái thế giới thần sầu quỷ khóc này. Anh hận ! Anh hận bọn người duy vật vô loạ. Như Như tuy chết, nhưng anh cần phải sống cho nàng, cho em, cho những người như chúng ta. Thư này đến tay em anh đã bôn đảo sang thế giới tự do rồi...

Mãn-Phân xem đến đây, bỗng đảng ủy trưởng kêu lên :

— Nó đây !

— Mà có phải Mãn-Phân không ?

Nàng ngẩng lên thấy đảng-ủy-trưởng, Luru-Hán-Tiến và hai người lạ nàng không biết là ai. Hai người này như hai tên khổng lồ đứng chắn trước mặt nàng như một đám mây đen phủ xuống đầu nàng ; tuy vậy nàng vẫn không trả lời.

Chính nó đây.

— Có lệnh bắt mày, chúng tao là Công An nhân dân.

Hai tên khổng lồ nói xong giật lấy lá thư và công hai tay nàng lại.

— Mày đã phạm...

— Thôi các người im đi ! Ta đã biết trước cái thảm trạng này rồi ! Thiên đường Cộng-sản của các người ! Hừ ! Mía mai thật ! Ta chết, Như Như chết, Lý-Sinh bôn đảo sẽ là tiếng chuông cảnh tỉnh hàng triệu thanh niên nam nữ đang mê muội tôn thờ thiên đường Cộng-sản của chúng mày !

Đ. L. và T. S.

CUỘC KHUNG HOẢNG Ở CUBA

(Tiếp theo trang 14)

Đây là một sự đầu hàng ?

Trong cuộc trao đổi công hàm, Khroutchev tỏ ra nhã nhặn, ông nói : « Tôi lấy làm thỏa mãn và ghi nhớ sự sáng suốt và ý thức trách nhiệm của ông (Tổng Thống Kennedy) trong việc bảo vệ hòa bình trên thế giới. Tôi biết rõ mối lo ngại của ông và của dân chúng Hoa-Kỳ đối với các vũ khí mà ông cho là để tấn công, nhưng đó chỉ là những vũ khí đáng sợ. Tôi với ông vẫn hiểu rõ những vũ khí ấy thuộc loại nào. »

Để đỡ mắt mặt phần nào, Khroutchev vẫn nhắc đến vấn đề : vì để bảo vệ hòa bình thế giới mà các hòa tiễn Nga được quyết định cho tháo gỡ. Ông cũng đề cập đến việc tiếp tục trao đổi quan điểm về việc giải trừ binh sĩ và cấm sử dụng các vũ khí nguyên tử hay khinh khí, để làm giảm tình trạng căng thẳng hiện nay trên thế giới và xác nhận thêm rằng Nga vẫn tiếp tục viện trợ cho Cuba. Như vậy chứng tỏ Khroutchev vẫn còn theo ý định dùng Cuba làm bàn đạp xâm nhập Châu Mỹ La-Tinh.

Tổng Thống Kennedy đã phúc đáp « Tôi rất hoan nghênh quyết định nhân đạo của Thủ Tướng (Khroutchev) về việc ngưng thiết lập các căn cứ tại Cuba, tháo gỡ và rút về các vũ khí tấn công, dưới quyền kiểm soát của Liên Hiệp Quốc. Đó là một hành động quan trọng và xây dựng hòa bình thế giới... Tôi rất mong muốn với sự giải quyết cuộc khủng hoảng Cuba, các chính phủ trên thế giới nên chú trọng vào việc cố gắng chấm dứt vũ trang đồng thời giảm lẫn các mối bất hòa với nhau. »

Với sự thỏa thuận tháo gỡ và mang về Nga các hòa tiễn dưới quyền kiểm soát Liên Hiệp Quốc của Nikita Khroutchev, ông U. Thant cùng một phái đoàn tùy tùng gồm 19 người đã sang Cuba để gặp Castro. Với một cuộc tiếp rước lạnh nhạt, Castro đã than phiền rằng Nga đã bán đứng Cuba và trong cuộc buôn bán ấy Cuba « không được hỏi ý kiến ». Castro đã phản đối việc cho phép Liên Hiệp Quốc kiểm soát các hòa tiễn trên đất Cuba và cũng không chấp nhận giải pháp kiểm soát của Hội Đồng Thập Tự Quốc-Tế. Ngoài ra, Castro còn đưa ra 5 điều kiện : 1-) Hoa-Kỳ phải rút ra khỏi căn cứ Guantanamo, 2-) Chấm dứt cuộc phong tỏa kinh-tế, 3-) ngưng ủng hộ cho các nhóm đối lập đang hoạt động, 4-) Từ bỏ các cuộc đột kích « như kê cướp », và 5-) chấm dứt việc xâm phạm hải và không phận của Cuba.

Trong lúc ấy có lẽ vì ngại phản ứng của Castro mà Nga đã phái Mikoyan, đệ nhất Phó Thủ-Tướng sang Cuba. Trên đường sang Cuba, Mikoyan đã ghé Nữ-Ước để gặp ông U. Thant và tuyên bố ủng hộ các đòi hỏi quá đáng của Castro mà Mikoyan cho rằng « Nga xem các điều kiện này rất hợp lý ». Tại Havana, sau nhiều cuộc hội đàm bí mật cùng Castro, Mikoyan cố tránh không đề cập công khai đến vấn đề cuộc khủng hoảng Cuba mà chỉ ca tụng nước này. Ông nói : Nga sô với Cuba như hình với bóng và riêng tôi, tôi mong được làm một chiến sĩ cách mạng của Cuba ».

Đối với Hoa-Kỳ, việc thỏa thuận của Nga sô tháo gỡ các vũ khí hỏa tiễn và mang về Nga chưa đủ. Hoa kỳ còn muốn có sự kiểm soát tại chỗ của cơ quan Liên Hiệp Quốc, và đó là điều kiện tối hậu. Các cuộc đàm xếp đều tập trung quanh vấn đề này và nó là đề tài của cuộc trao đổi công điện giữa Tổng Thống Kennedy và Thủ Tướng Khroutchev. Tổng Thống Kennedy đã tỏ ý muốn giải quyết việc cam kết không xâm chiếm Cuba trong trường hợp tất cả hòa tiễn của Nga phải được rút về dưới sự kiểm soát của Liên Hiệp Quốc hoặc Hội Đồng Thập Tự Quốc-Tế. Lời Tuyên bố này của Hoa-Kỳ có nghĩa là Hoa-Kỳ không bao giờ muốn xâm lăng Cuba trong các trường hợp khác. Nhiều người Hoa-Kỳ không đồng ý. Nghị sĩ Kenneth Keating, người đã được thông báo có hòa tiễn Nga tại Cuba từ tháng 9, đã nói : « Chúng ta phải hết sức đề dặt trong việc hứa hẹn những gì có thể buộc tay chân chúng ta, không cho chúng ta có thể đối phó với sự bành trướng của Cộng-sản trong vùng biển Caraïbes ».

Nhiều đại sứ các nước châu Mỹ La Tinh cũng không tán thành lời tuyên bố của Tổng-Thống Hoa-Kỳ và để trấn tĩnh các nước này, Ngoại trưởng Dean Rusk đã họp các đại sứ ấy tại Hoa-Thịnh-Đốn, tuyên bố rằng Hoa-Kỳ không có ý bảo đảm tương lai cho Castro mà vẫn tiếp tục chính sách dùng áp lực chính trị và kinh tế để tiêu diệt chế độ Castro. Trường hợp bảo đảm không xâm chiếm Cuba của Hoa-Kỳ hiện nay chỉ áp dụng trong cuộc khủng hoảng về vấn đề hòa tiễn của Nga và nếu Castro còn muốn ý định dùng vũ lực để bành trướng chủ nghĩa Cộng-sản, thì Hoa-Kỳ nghĩ rằng sẽ được tự do xâm chiếm Cuba

Như vậy, Tổng Thống Kennedy đã kể như thắng lợi trong cuộc đối đầu can đảm với Nga-Sô. Nhưng đến đây, lẽ dĩ nhiên, không phải cuộc khủng hoảng của Cuba được chấm dứt mà ngược lại Hoa-Kỳ vẫn chờ đợi nhiều cuộc khủng hoảng khác sẽ đến, và Tổng Thống Kennedy cũng sẽ không thiếu cơ hội để được thử thách ý chí và sự bình tĩnh của mình. Chính Tổng Thống đã nhìn thẳng vào sự thật và cho rằng : « Tôi chắc chúng ta sẽ phải đương đầu với nhiều quyết định lớn lao càng ngày càng khó khăn ». N.V.



JAN 21 1964